BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

GIÁO TRÌNH

KẾ HOẠCH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO

Tập 2

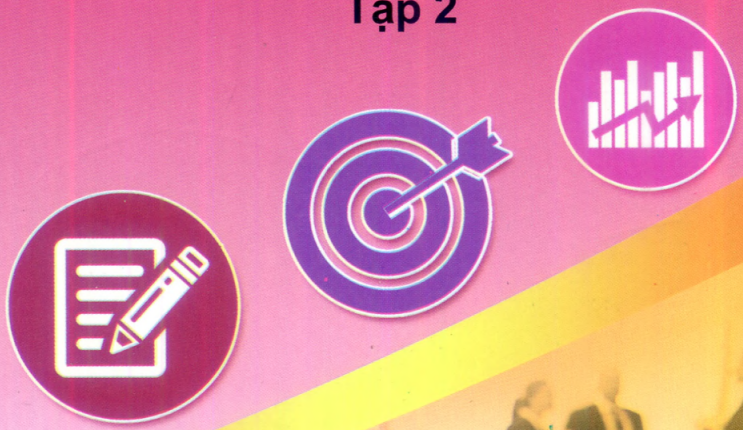

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

GIÁO TRÌNH

KẾ HOẠCH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO

Tập 2. Nội dung và phương pháp xây dựng các kế hoạch phát triển thể dục thể thao

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO
HÀ NỘI - 2016

Biên soạn:

PGS. TS. LÊ ĐỨC CHƯƠNG

TS. VÕ VĂN VŨ

LỜI NÓI ĐẦU

Kế hoạch hóa phát triển là chức năng quan trọng trong quản lý kinh tế xã hội nói chung và quản lý thể dục thể thao nói riêng. Ở nước ta, công tác kế hoạch hóa phát triển thể dục thể thao lại càng quan trọng vì thể dục thể thao chủ yếu do Nhà nước trực tiếp quản lý và đầu tư, thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là góp phần phát triển xã hội.

Nước ta từ những năm đổi mới đến nay đang thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước và hội nhập quốc tế, vì vậy công tác kế hoạch hóa phát triển thể dục thể thao cũng cần được đổi mới phù hợp nhằm đảm bảo cho các kế hoạch phát triển thể dục thể thao thực sự là công cụ quản lý thể dục thể thao của nhà nước và của ngành.

Kế hoạch hoá phát triển thể dục thể thao là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý thể dục thể thao tại các trường đại học thể dục thể thao nhằm cung cấp những kiến thức về quản lý thể thao hiện đại, những kiến thức cần thiết về kế hoạch hóa phát triển cho các sinh viên, học viên và các nhà quản lý thể dục thể thao. Cuốn "Giáo trình kế hoạch hóa Thể dục thể thao" cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu các nội dung của kế

hoạch hóa phát triển thể dục thể thao. Nội dung giáo trình được kết cấu thành 2 tập với 11 chương.

Tập 1. Gồm 6 chương, giới thiệu tổng quan về kế hoạch hóa và kế hoạch hóa phát triển xã hội; các vấn đề về lý luận và phương pháp luận kế hoạch hóa thể dục thể thao; các phương pháp xây dựng, quản lý, theo dõi và đánh giá kế hoạch phát triển thể dục thể thao.

Tập 2. Gồm 5 chương, trình bày nội dung và phương pháp lập các kế hoạch chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển, kế hoạch phát triển, chương trình mục tiêu và dự án đầu tư thể dục thể thao.

Tuy đã có nhiều cố gắng tham khảo nhiều tài liệu trong và ngoài nước để cập nhật và thông tin mới, nhưng lĩnh vực kế hoạch hóa thể dục thể thao hiện nay ở nước ta đang trong giai đoạn đổi mới và hoàn thiện, các vấn đề đặt ra rất đa dạng và phức tạp liên quan đến nhiều chủ trương, thể chế, chính sách quản lý tầm vĩ mô trong thực tiễn, nên chắc chắn còn có nhiều thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để hoàn thiện giáo trình trong các lần xuất bản sau.

Xin chân thành cảm ơn!

Các tác giả

Chương 7
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO

Mục tiêu

Chiến lược phát triển là một loại kế hoạch mang tính vĩ mô trong kế hoạch hóa thể dục thể thao, xác định các mục tiêu định hướng phát triển thể dục thể thao của một quốc gia trong dài hạn. Chương này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về ý nghĩa, mục đích, nội dung và quy trình xây dựng chiến lược phát triển thể thao, đồng thời dẫn chứng chiến lược phát triển thể thao Việt Nam đến năm 2020.

Học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức và giải thích được vì sao cần phải ban hành chiến lược phát triển thể dục thể thao;

- Nắm vững các nội dung của chiến lược phát triển thể dục thể thao;

- Nhận biết quy trình tổ chức thực hiện chiến lược;

- Hiểu biết về chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020.

1. Ý nghĩa, mục đích việc xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao

1.1. Ý nghĩa của việc xây dựng chiến lược

Không phải ngẫu nhiên mà khái niệm chiến lược lại được chuyển nhanh từ quân sự, chính trị sang kinh tế - xã hội và đi vào kế hoạch quản lý thể dục thể thao. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao.., việc xây dựng và quản lý chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chiến lược phát triển từng lĩnh vực nói riêng, trong đó có lĩnh vực thể dục thể thao là một yêu cầu cấp thiết đặt ra và có ý nghĩa quan trọng đối với nước ta hiện nay. Sự cần thiết phải có chiến lược phát triển thể dục thể thao nước ta được lý giải bởi các lý do:

- Nhu cầu phát triển phong trào thể dục thể thao cho mọi người và hướng đến đạt thành tích thể thao cao ở tầm quốc tế đặt ra yêu cầu cho tất cả các nước muốn hội nhập với thể dục thể thao toàn cầu phải có chiến lược phát triển thể dục thể thao để tăng cường tính chủ động trong quá trình lựa chọn, xác định tầm nhìn bao quát, tìm ra các hướng đi dài hạn để đáp ứng với yêu cầu thi đấu căng thẳng, ngày càng khắc nghiệt trong môi trường thể thao quốc tế. Điều này lại càng cần thiết đối với nước ta trước yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường thế giới. Việc xây dựng và quản lý bằng chiến lược thể dục thể thao giúp cho Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước, các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chiến lược thể dục thể thao chủ động xem xét và xác định nền thể

thao nước nhà sẽ đứng ở đâu trên bản đồ thể thao thế giới, khi nào đạt tới mục tiêu cao hơn, là cơ sở cho sự thành công trên bước đường thực hiện mục tiêu thể dục thể thao vì sự phát triển của đất nước.

- Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là một nền kinh tế mở, điều kiện môi trường kinh tế - xã hội luôn biến đổi nhanh chóng, đột ngột (tăng trưởng hoặc suy thoái), những biến đổi này thường tạo ra nhưng cũng có thể làm mất đi những cơ hội trong phát triển nền thể dục thể thao, đôi khi có thể dẫn đến những nguy cơ, khó khăn bất ngờ. Phương thức quản lý bằng chiến lược phát triển thể dục thể thao giúp các nhà quản lý chủ động và kịp thời dự báo, tính toán cơ hội, giảm thiểu thách thức, nhằm tận dụng và khai thác triệt để các cơ hội để thực hiện các mục tiêu phát triển thể dục thể thao nói riêng và phát triển xã hội nói chung trong tương lai.

- Xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao cung cấp một tầm nhìn và khuôn khổ chung để xây dựng và triển khai các văn bản hoạch định ở cấp thấp hơn. Trên cơ sở chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia, chúng ta mới có thể xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao. Từ đó mới xây dựng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để vận hành thực hiện theo định kỳ

1.2. Mục đích việc xây dựng chiến lược

Chiến lược phát triển thể dục thể thao thường là một kế hoạch phát triển dài hạn, có thể kéo dài đến 20 hoặc 30

năm. Đây là một công việc rất khó khăn, đặc biệt đối với công tác quản lý và hoạt động thể dục thể thao của nước ta hiện nay đang ở trình độ phát triển chưa cao, chịu nhiều biến động lớn của tình hình kinh tế xã hội, khả năng phân tích dự báo hạn chế nên không thể dự báo dài hạn một cách chính xác. Vì vậy, chúng ta thường chỉ xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao trong thời hạn 10 năm và định hướng tầm nhìn ở 10 năm tiếp theo. Mục đích, yêu cầu của chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam là:

- Đưa ra các quan điểm phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao tương đối chính xác, có tác dụng thiết thực, giúp cho ngành thể dục thể thao nước ta phát triển tốt, đúng hướng trong thời kỳ thực hiện chiến lược;

- Định hướng đúng các giải pháp chủ yếu, huy động tốt nguồn lực của quốc tế, của nhà nước, của xã hội giúp cho sự phát triển thể dục thể thao nước nhà trong thời kỳ thực hiện chiến lược; đồng thời đặt nền móng để tiếp tục phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

- Xác định đúng loại quy hoạch, chương trình, dự án trọng điểm nằm trong chiến lược phát triển thể dục thể thao.

Khi xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao, chúng ta cần phải dựa vào những căn cứ chủ yếu về lý luận và thực tiễn như:

- Chiến lược, quy hoạch hoặc kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Xu thế phát triển thể dục thể thao của thế giới, các nước trong khu vực;

- Thực trạng phát triển thể dục thể thao của đất nước và các yếu tố ảnh hưởng nội sinh có liên quan;

- Các quan điểm phát triển thể dục thể thao của Đảng, các văn bản pháp quy của nhà nước có liên quan.

2. Nội dung và quy trình xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao

2.1. Nội dung chiến lược phát triển thể dục thể thao

Nội dung chiến lược cần phải xuất phát từ việc xác định những vấn đề chủ yếu cần phải giải đáp trong hoạch định chiến lược phát triển ngành. Trước khi hoạch định chiến lược, chúng ta cần đi tìm câu trả lời cho các vấn đề như: nền thể dục thể thao Việt Nam đang đứng đâu trên bản đồ thể dục thể thao quốc tế? Thể dục thể thao đứng ở đâu trong hệ thống nền kinh tế - xã hội của Việt Nam? Chúng ta muốn đi đến đâu? Đi bằng cách nào? Làm thế nào để biết được chúng ta đi đúng hướng và bao giờ thì đến đích?... Trả lời được những câu hỏi này chúng ta có thể giải quyết về cơ bản vấn đề liên quan đến nội dung của chiến lược phát triển thể dục thể thao.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể mô tả và phân tích chiến lược phát triển thể dục thể thao bằng 3 nội dung sau:

(1) Xác định xuất phát điểm của chiến lược phát triển thể dục thể thao.

Đây là quá trình xác định điểm đầu của "con đường" thực hiện chiến lược phát triển, tức là trả lời câu hỏi nền thể dục thể thao nước ta hiện nay đang ở đâu? Để trả lời câu hỏi này cần làm rõ ba nội dung, một là chúng ta đang ở đâu so với chính mình (vị trí tuyệt đối), hai là chúng ta đang ở đâu so với nền thể dục thể thao của các quốc gia khác trên thế giới và ở khu vực (so sánh tương đối), ba là ngành thể dục thể thao đang ở đâu so với các ngành khác trong tổng thể nền kinh tế - xã hội quốc gia (so sánh tương đối). Mức độ cụ thể và đầy đủ những yếu tố cấu thành điểm xuất phát cần được xem xét theo các điểm then chốt (những vấn đề quan trọng nhất) với cái nhìn để phân tích, đánh giá một cách tổng quát chứ không chỉ mô tả trạng thái hay hiện tượng. Việc xác định đúng điểm đứng của thể dục thể thao ở thời kỳ xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển đòi hỏi phải có sự phân tích kỹ lưỡng các yếu tố tiềm năng phát triển, thực trạng phát triển thể dục thể thao trong khoảng thời gian tương đối dài (từ 5 – 10 năm), đồng thời có các nghiên cứu dự báo các yếu tố tác động liên quan đến cơ hội, thách thức cho việc phát triển thể dục thể thao của đất nước trong tương lai.

(2) Xác định đích đến của chiến lược phát triển thể dục thể thao.

Đây là điểm "cuối" của con đường chiến lược, tức là trả lời câu hỏi chúng ta muốn đi tới đâu? Muốn đạt thành tích nào trong bảng xếp hạng thể dục thể thao khu vực, thế giới?

Trả lời câu hỏi đích đến của chiến lược, thực chất là hình dung ra một viễn cảnh về "trạng thái mong muốn" đạt tới của một nền thể dục thể thao quốc gia trong tương lai xa (20 - 30 năm). Đây là khái niệm tầm nhìn chiến lược, nó thể hiện khả năng "nhìn xa" của người làm chiến lược.

Trong nội dung xác định đích đến, cần quan tâm đến các quan điểm phát triển thể dục thể thao cơ bản, cốt lõi, đó là những tư tưởng chủ đạo thể hiện tính định hướng của chiến lược. Việc xác định các quan điểm chủ đạo có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm ra các bước ngoặt của con đường phát triển, nó tạo động lực cơ bản xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển ngành thể dục thể thao. Các mục tiêu của chiến lược thể dục thể thao là các mục tiêu tổng quát, chủ yếu tập trung vào các vấn đề đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, phát triển thể thao thành tích cao, thay đổi bộ mặt thể dục thể thao ngang tầm với các lĩnh vực kinh tế xã hội khác, tạo vị trí và thế đứng vững chắc trong phong trào thể dục thể thao quốc tế.

(3) Tìm ra con đường kết nối hiện tại với tương lai.

Mục đích là trả lời câu hỏi làm thế nào để đi đến đích. Trả lời câu hỏi này chính là xác định đường đi để dẫn dắt nền thể dục thể thao Việt Nam đi đến đích. Cách thức này còn gọi là "mô hình chiến lược" (hay công thức chiến lược). Các mô hình chiến lược được phản ánh qua hệ thống các chính sách và biện pháp. Đây là thể hiện sự hướng dẫn

về cách thức thực hiện các mục tiêu đề ra, nó bao gồm các chính sách về cơ cấu và cơ chế vận hành hệ thống thể dục thể thao, các chính sách về bồi dưỡng, khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực phát triển. Các giải pháp chính là thể hiện tính đột phá của chiến lược. Cũng cần lưu ý rằng, con đường này (nói khác là hệ thống các giải pháp) đưa ra không chỉ để phục vụ cho việc xác định các bước đi của các cơ quan quản lý ngành (Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc cơ quan quản lý nhà nước, mà còn là con đường định hướng cho mọi lực lượng trong xã hội và các thành phần kinh tế liên quan tham gia hành động.

2.2. Quy trình xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia

Việc xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao cấp quốc gia thông thường được thực hiện theo trình tự sau:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gởi văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin chủ trương xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét và nhất trí chủ trương xây dựng chiến lược phát triển (trong trường hợp cần thiết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ xin chủ trương).

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản chỉ định cơ quan chủ quản chủ trì xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao cấp quốc gia.

- Cơ quan chủ trì dự án tham khảo tài liệu trong và ngoài nước có liên quan và chiến lược phát triển thể dục thể thao của một số quốc gia trên thế giới, tiến hành biên soạn đề cương chi tiết của chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia; tổ chức các hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia và các tổ chức, cá nhân; chỉnh sửa và báo cáo lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hội nghị đóng góp ý kiến cho đề cương chi tiết chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia. Sau khi chỉnh sửa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo văn phòng chính phủ dự thảo đề cương chiến lược để Thủ tướng chính phủ cho ý kiến chỉ đạo về việc xây dựng chiến lược thể dục thể thao.

- Cơ quan chủ trì dự án tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định phê duyệt đề cương chiến lược kèm theo kinh phí xây dựng.

- Cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện xây dựng chiến lược, gồm các bước:

+ Điều tra khảo sát thực trạng;

+ Phân công phối hợp thực hiện với các đơn vị trong và ngoài ngành kèm theo đề cương chi tiết của từng nội dung;

+ Tổ chức các cuộc hội thảo từng phần và toàn bộ nội dung của dự án.

+ Báo cáo dự thảo chiến lược để lãnh đạo Bộ chủ trì cuộc họp mời văn phòng chính phủ và các bộ ngành hữu

quan đóng góp ý kiến. Chỉnh sửa nhiều lần để hoàn chỉnh, nộp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các bước thẩm định chiến lược; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược.

Sản phẩm của chiến lược phát triển thể dục thể thao trình Chính phủ thường bao gồm:

- Tờ trình của Bộ trưởng gửi Thủ tướng chính phủ;

- Báo cáo tổng hợp chiến lược;

- Báo cáo tóm tắt chiến lược;

- Báo cáo tóm tắt các chuyên đề hoặc các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên (nếu có, có thể đưa vào phụ lục).

- Hệ thống biểu bảng, bản đồ.

3. Soạn thảo đề cương chiến lược phát triển thể dục thể thao

Kết cấu của đề cương chi tiết chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia thông thường có các phần:

Phần mở đầu. Tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược, phạm vi và lĩnh vực thực hiện.

Phần thứ nhất. Thực trạng thể dục thể thao và các yếu tố tác động đến sự phát triển thể dục thể thao.

Phần thứ hai. Quan điểm, mục tiêu phát triển thể dục thể thao đến cuối thời kỳ thực hiện chiến lược.

Phần thứ ba. Các nhiệm vụ và nội dung giải pháp chủ yếu – các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên

Phần thứ tư. Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển thể dục thể thao đến cuối thời kỳ thực hiện chiến lược.

Phần Mở đầu- Trong phần mở đầu của một Chiến lược phát triển thể dục thể thao thường đề cập đến các nội dung:

Bối cảnh kinh tế xã hội trong nước: trên cơ sở phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan, chủ yếu đánh giá khái quát những thành tựu về tình hình kinh tế trong những năm vừa qua, sự phát triển của văn hóa xã hội và đời sống, việc làm của nhân dân, tình hình an ninh quốc phòng...

Có thể khái quát thêm một số tồn tại, yếu kém cần khắc phục nhưng khẳng định được những thành tựu là cơ bản và tạo tiền đề thuận lợi để phát triển thể dục thể thao trong những năm tiếp theo.

Căn cứ xây dựng chiến lược: Trước hết cần dựa trên các văn kiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng trong các nhiệm kỳ gần nhất; các chỉ thị, văn bản liên quan đến công tác thể dục thể thao của Bộ Chính trị, Ban bí thư, Ban chấp hành Trung ương Đảng; các chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Chính phủ. Mặt khác, cần bám sát điều kiện thực tiễn của xã hội để xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao.

Xu thế phát triển thể dục thể thao quốc tế: Thông thường được phân tích ở 3 lĩnh vực là: xu thế phát triển thể dục thể thao cho mọi người (thể dục thể thao quần chúng) và thể dục

thể thao trong trường học, xu thế phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp, xu thế ứng dụng y học và khoa học công nghệ trong lĩnh vực thể dục thể thao.

Tầm quan trọng của chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia.

Phần này cần nêu bật được vai trò của thể dục thể thao quốc gia trong thời kỳ mới của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, đáp ứng xu thế phát triển của thể dục thể thao trong hội nhập quốc tế kết hợp với bảo tồn, giữ gìn truyền thống dân tộc... Ngoài ra, còn có thể khẳng định chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia tạo cơ sở để chính phủ phê duyệt các quy hoạch, chương trình, dự án trọng điểm nhằm phát triển thể dục thể thao nước nhà.

Tư tưởng chủ đạo xây dựng chiến lược: Trong phần này cần làm rõ một số ý sau:

- Chiến lược phát triển thể dục thể thao phải gắn kết với chiến lược và quy hoạch phát triển tổng thể nền kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa;

- Tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện các nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao theo quan điểm chỉ đạo trong các báo cáo chính trị, văn kiện của Đảng.

- Là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội của Đảng và Nhà nước...

Phạm vi của chiến lược: Xác định cụ thể phạm vi thực hiện của chiến lược.

Phần thứ nhất - Thực trạng thể dục thể thao và các yếu tố tác động đến sự phát triển thể dục thể thao ở nước ta.

Trong phần thực trạng cần mô tả thực trạng và đánh giá đầy đủ các thành tựu, nguyên nhân thành tựu của thể dục thể thao ở các lĩnh vực: thể dục thể thao cho mọi người; thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; các điều kiện đảm bảo phát triển thể dục thể thao (nguồn nhân lực và công tác quản lý, tài chính, cơ sở vật chất – kỹ thuật thể dục thể thao, khoa học công nghệ - y học thể dục thể thao, quan hệ quốc tế, công tác xã hội hóa thể dục thể thao..).

Bên cạnh những thành tựu cũng cần đánh giá được những yếu kém chủ yếu của các vấn đề nêu trên và giải thích rõ những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan dẫn đến yếu kém, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để định hướng trong chiến lược phát triển.

Khi đánh giá các yếu tố tác động đến sự phát triển thể dục thể thao trong những năm tới, nên sử dụng phương pháp phân tích SWOT để làm rõ các yếu tố thuận lợi và thách thức bên trong cũng như bên ngoài hệ thống thể dục thể thao. Phương pháp này thường được sử dụng gần như bắt buộc trong lập kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, nhưng trong lập kế hoạch thể dục thể thao hầu như ít được quan tâm.

Phần thứ hai - Quan điểm, mục tiêu phát triển thể dục thể thao đến cuối thời kỳ thực hiện chiến lược.

Quan điểm phát triển thể dục thể thao: Các quan điểm phát triển trình bày tổng hợp theo các quan điểm của Đảng trong báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương, trong Chỉ thị gần nhất của Đảng về lãnh đạo phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong tình hình mới.

Mục tiêu chiến lược: Nêu mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể ở các lĩnh vực thực hiện của phạm vi chiến lược phát triển thể dục thể thao. Trong đó cần chú ý đến các mục tiêu trọng tâm:

- Phát triển thể dục thể thao quần chúng (thể dục thể thao cho mọi người);

- Phát triển thể thao thành tích cao;

- Phát triển các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể dục thể thao;

- Đầu tư cơ sở vật chất, công trình thể dục thể thao.

- Quan hệ, hợp tác quốc tế về thể dục thể thao.

Phần thứ ba- Các nhiệm vụ, nội dung giải pháp chủ yếu; các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên.

Căn cứ vào mục tiêu cụ thể để xác định nhiệm vụ và lựa chọn các giải pháp thực hiện. Mỗi mục tiêu đều phải có các nhiệm vụ cụ thể. Trong khi xác định các giải pháp để thực hiện thành công nhiệm vụ chiến lược, cần chú ý nhấn mạnh đến những giải pháp có tính then chốt và tính đột phá.

Phần thứ tư- Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển thể dục thể thao đến cuối thời kỳ thực hiện chiến lược.

Trong phần này cần xác định cụ thể các giai đoạn (thời kỳ) thực hiện chiến lược. Trong mỗi giai đoạn cần chú ý đến việc đầu tư và triển khai thực hiện các chương trình, đề án trọng điểm để đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện chiến lược.

Trong phần này còn có nội dung phân công các bên liên quan phối hợp thực hiện chiến lược, trong đó xác định đơn vị chủ trì, làm đầu mối phối hợp thực hiện chiến lược là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các bộ ngành phối hợp chủ yếu (Giáo dục đào tạo, Y tế, Công an, Quốc phòng, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ và Ủy ban nhân dân các tỉnh/ thành trực thuộc trung ương...).

4. Giới thiệu nội dung Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020

Phần Mở đầu

Chăm sóc sức khỏe, tăng cường thể chất của nhân dân được coi là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Chính phủ. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi nhân dân ta phải có sức khỏe dồi dào, thể chất cường tráng... Vận động thể dục, thể thao là một biện pháp hiệu quả để tăng cường lực lượng sản xuất và lực lượng quốc phòng của nước nhà, đó chính là quan điểm của Đảng ta về phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao Việt Nam và cũng là lời khuyến cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với toàn dân ta trong lời kêu gọi toàn dân tập thể dục từ những ngày đầu tiên xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa "Dân

cường thì nước thịnh". Cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta vẫn không ngừng quan tâm, chỉ đạo ngành thể dục, thể thao nước nhà nỗ lực phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu quan trọng này.

Luật Thể dục, thể thao được Quốc hội khóa XI chính thức thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 29 tháng 11 năm 2006 là văn bản pháp lý quan trọng đối với công tác quản lý thể dục, thể thao trong thời kỳ đổi mới, tạo hành lang pháp lý cho thể dục, thể thao Việt Nam phát triển đúng định hướng: vì sức khỏe và hạnh phúc của nhân dân, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đường lối của Đảng ta về phát triển công tác thể dục thể thao trong thời kỳ đổi mới, "xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục, thể thao, kết hợp thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách và cơ chế phù hợp để bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao ở khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế" (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam), việc xây dựng Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 đề ra những nhiệm vụ, bước đi cụ thể nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng ta đối với sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao Việt

Nam thời kỳ hội nhập quốc tế trong 10 năm tới là cần thiết, góp phần tạo dựng đội ngũ nhân lực có đủ trí tuệ và sức lực đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Thể dục, thể thao là một trong 3 lĩnh vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm quản lý. Vì vậy, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao đến năm 2020 được hình thành trong tổng thể phát triển hài hòa cùng với các lĩnh vực văn hóa và du lịch... nhằm tạo thành sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, mà thể dục, thể thao đóng vai trò chủ đạo đối với sự nghiệp bảo vệ, nâng cao sức khỏe, tạo dựng nhân cách và lối sống lành mạnh của các thế hệ người Việt Nam.

Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Thể dục, thể thao cho mọi người: bao gồm Thể dục, thể thao quần chúng; Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường và Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang.

2. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

3. Ủy ban Olympic Việt Nam và tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao.

I. Thực trạng thể dục thể thao và bối cảnh ảnh hưởng đến thể dục thể thao Việt Nam

1. Thực trạng thể dục, thể thao nước ta hiện nay

a) Một số thành tựu

- Trong những năm qua, phong trào tập luyện thể dục, thể thao của quần chúng nhân dân đã có bước phát triển mới cả về bề rộng và chiều sâu. Tính đến năm 2009, cả nước gần 25% dân số thường xuyên tập luyện thể dục, thể thao (chưa tính học sinh, sinh viên); có 15,8% tổng số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao; có khoảng 40.000 câu lạc bộ thể dục, thể thao quần chúng hoạt động thường xuyên, trong đó, có khoảng 5000 câu lạc bộ võ thuật, 3.000 câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời, 3000 câu lạc bộ Billiard. Hầu hết các xã, phường, thị trấn có Hội đồng thể dục, thể thao, câu lạc bộ hoặc nhà văn hóa thể thao, khoảng 30% xã, phường, thị trấn có sân chơi, bãi tập. Chương trình phát triển thể dục, thể thao xã, phường, thị trấn đến năm 2010 đã đóng vai trò tích cực trong việc duy trì và đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Thể dục, thể thao quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có những bước tiến đáng kể; số người luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên tính trung bình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt khoảng 6 – 8% dân số; khoảng 2 – 3% tổng số hộ gia đình đạt chuẩn gia đình luyện tập thể dục thể thao. Các trường phổ thông dân tộc nội trú và các đồn biên phòng đóng trên địa bàn đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong đồng bào dân tộc nhất là đối với lứa tuổi thanh, thiếu niên. Phong trào thể dục, thể

thao người cao tuổi phát triển mạnh và được duy trì thường xuyên với khoảng 9.000 câu lạc bộ; thể dục phòng, chữa bệnh bắt đầu được áp dụng thử nghiệm, tuy nhiên chưa có định hướng rõ rệt.

- Hiệp hội Thể thao Người khuyết tật Việt Nam được thành lập từ năm 1995 ngày càng phát triển rộng trong cộng đồng người khuyết tật và trở thành một hoạt động có ý nghĩa, giúp người khuyết tật vượt lên hoàn cảnh khó khăn, hòa nhập với cộng đồng; hiện nay, 46/65 đơn vị tỉnh, thành phố tổ chức hoạt động thường xuyên phong trào thể dục, thể thao cho người khuyết tật. Việt Nam đã tham dự ba kỳ Paralympic, các cuộc thi cấp châu lục, khu vực và đã đạt được thành tích, thứ hạng cao (đứng thứ 14/45 ở châu Á, thứ 3/11 ở Đông Nam Á).

- Về công tác giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường, đến năm học 2007 – 2008 cả nước có trên 70% số trường học triển khai áp dụng chương trình giáo dục thể chất chính khóa và một số trường đã có hoạt động ngoại khóa thường xuyên. Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc và Đại hội Thể dục, thể thao sinh viên toàn quốc được tổ chức theo chu kỳ 4 năm/lần cùng với hàng chục giải thể thao của học sinh, sinh viên đã thu hút hàng chục triệu lượt học sinh, sinh viên tham gia, góp phần tạo nguồn tài năng thể thao trẻ cho thể thao đỉnh cao quốc gia.

- Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang luôn được quan tâm và phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Huấn luyện thể lực trong quân đội là một trong 4 nội dung huấn luyện quân sự bắt buộc đối với từng quân nhân; tỷ lệ trung bình về số quân nhân tham gia tập luyện thường xuyên so với quân số biên chế tại các đơn vị đạt 68,6%. Lực lượng công an chú trọng phát triển các môn thể thao võ thuật, bắn súng, bơi, chạy vũ trang nhằm phục vụ trực tiếp cho tác nghiệp chuyên môn, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ. Các Trung tâm huấn luyện thể thao quân đội là những trung tâm thể thao lớn của nước ta đã đào tạo được nhiều vận động viên thể thao trình độ cao tham gia thi đấu quốc gia, quốc tế và giành được nhiều huy chương ở nhiều môn thể thao chủ đạo.

- Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp, từ năm 2000 đến nay, đặc biệt sau khi đăng cai tổ chức thành công SEA Games 22, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, góp phần nâng cao vị trí của thể thao Việt Nam trên đấu trường quốc tế và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

Trước thời kỳ đổi mới, thể thao thành tích cao về cơ bản hoạt động theo cơ chế bao cấp, Nhà nước quản lý toàn diện. Từ năm 2000 trở lại đây, đã có sự kết hợp quản lý giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, trong đó quản lý nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tỷ trọng đầu tư của Nhà nước cho phát triển thể dục, thể thao chiếm phần lớn.

Từ năm 2003 tới nay, thành tích thi đấu thể thao của nước ta liên tục được xếp hạng trong top 3 các kỳ SEA

Games, trong top 20 của Đại hội Thể thao châu Á; tham gia thi đấu ở 40 môn thể thao thành tích cao, giành được huy chương vàng tại các Đại hội Thể thao châu Á ở 4 môn: Taekwondo, Karatedo, Billiard & Snooker, thể dục thể hình, cầu mây, huy chương bạc tại Olympic năm 2000 và tại Olympic năm 2008. Ngành thể thao Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đăng cai tổ chức các giải thể thao đỉnh cao, các kỳ Đại hội thể thao khu vực (SEA Games 22 năm 2003), châu lục (Asian Indoor Games III năm 2009), được các tổ chức, liên đoàn thể thao quốc tế đánh giá cao về năng lực tổ chức cũng như trình độ chuyên môn.

Từ năm 2000 – 2001, ngành thể dục thể thao đã tiến hành thí điểm thực hiện chuyên nghiệp hóa một số môn thể thao, trong đó có bóng đá nam. Sau 10 năm thí điểm chuyên nghiệp, Liên đoàn đã thành lập và tổ chức các giải thi đấu cho 14 câu lạc bộ (CLB) bóng đá chuyên nghiệp và 14 CLB hạng nhất; kinh phí thu được từ kinh doanh bóng đá đáp ứng được khoảng 28%, ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 72% tổng kinh phí chi cho phát triển bóng đá chuyên nghiệp.

- Về điều kiện và nguồn lực phát triển ngành thể dục thể thao

Cơ chế, thể chế quản lý nhà nước về thể dục, thể thao tiếp tục được củng cố và hoàn thiện; đã hình thành hệ thống các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao. Hiện nay, nước ta có khoảng 20000 vận động viên thể thao thành tích cao, trong

đó có khoảng 3500 vận động viên trẻ (chiếm khoảng 40%), kinh phí đào tạo chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Nhà nước ra đã chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu luyện tập, giải trí thể thao của nhân dân, đến năm 2005, các công trình thể dục, thể thao đã có sự tăng đáng kể cả về lượng và chất, nhất là thời kỳ chuẩn bị tổ chức SEA Games 22 năm 2003; hiện nay có 572 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, có khoảng 27149 công trình thể thao công cộng phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân do Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư xây dựng; khoảng 60 – 70% xã, phường, thị trấn đã dành đất cho thể dục, thể thao, trong đó khoảng 30% xã, phường có sân bóng, hồ bơi, nhà tập.

Tiềm lực khoa học công nghệ và y học thể thao tăng lên rõ rệt trong những năm gần đây. Tính đến tháng 7 năm 2009 toàn ngành thể dục, thể thao có 99 tiến sĩ, trong đó có 4 giáo sư và 19 phó giáo sư; có 649 thạc sĩ được đào tạo trong nước và ở nước một số nước như Nga, Úc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Hàn Quốc... Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu của Viện Khoa học Thể dục thể thao và một số trường đại học thể dục, thể thao đã được bổ sung thêm nhiều trang thiết bị nghiên cứu hiện đại. Bệnh viện Thể thao Việt Nam đã được xây dựng và chính thức hoạt động từ năm 2007 với hơn 100 y, bác sỹ; 22% số tỉnh, thành phố có bác sỹ thể thao; các trường đại học thể dục,

thể thao đều có trung tâm y học thể thao hoặc trung tâm nghiên cứu khoa học và y học thể thao.

Xã hội hóa hoạt động thể thao thành tích cao đã thu hút thêm nguồn lực xã hội cho phát triển thể thao thành tích cao và phù hợp với xu thế phát triển thể thao thành tích cao hiện đại trên thế giới. Đời sống của nhân dân được cải thiện, nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân tăng lên đã thu hút ngày càng đông đảo khán giả đến với các cuộc thi đấu thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp như: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Tennis, Taekwondo, Golf..., đây là điều kiện thuận lợi để thể thao chuyên nghiệp phát triển kinh doanh dịch vụ thể thao liên quan và kêu gọi đóng góp cho các hoạt động từ thiện.

- Hiện nay, nước ta có 21 Liên đoàn thể thao quốc gia, một số Hiệp hội, Hội thể thao quốc gia, cả nước có trên 200 Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao cấp tỉnh, các tổ chức này đều là thành viên của Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia. Ủy ban Olympic Việt Nam (là thành viên chính thức của phong trào Olympic quốc tế năm 1980), là thành viên Hội đồng Olympic Châu Á và Liên đoàn thể thao Đông Nam Á đóng vai trò quan trọng trong phát triển phong trào thể dục thể thao Việt Nam, làm cầu nối giữa các tổ chức xã hội về thể thao của Việt Nam với phong trào Olympic thế giới và các tổ chức thể thao quốc tế. Việt Nam là thành viên của 64 tổ chức thể thao quốc tế, có hơn 40 cán bộ tham gia, làm việc trong bộ máy lãnh đạo của các tổ

chức thể thao quốc tế, hơn 100 trọng tài được công nhận là trọng tài đẳng cấp châu Á và thế giới; ngành thể thao Việt Nam có quan hệ hợp tác với hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, đã đăng cai và tổ chức thành công nhiều giải thi đấu thể thao quốc tế (trung bình hàng năm có từ 20 đến 30 cuộc thi đấu thể thao quốc tế lớn được tổ chức tại Việt Nam). Hoạt động hợp tác quốc tế về thể thao không chỉ góp phần nâng cao trình độ vận động viên, mà còn góp phần nâng cao năng lực tổ chức, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý, trọng tài, nhân viên y tế... của ngành thể thao Việt Nam; đồng thời thông qua tổ chức các sự kiện thể thao, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam yêu hòa bình, là bạn với tất cả các dân tộc sống trên trái đất đã được quảng bá rộng rãi trên toàn thế giới.

b) Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Tồn tại, yếu kém

+ Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh nhưng chưa đều, chất lượng chưa cao. Các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn thiếu các phương tiện tập luyện và thiếu cán bộ hướng dẫn viên thể dục, thể thao. Chưa chú trọng xây dựng và quản lý hệ thống các đơn vị cơ sở, các câu lạc bộ thể dục, thể thao quần chúng ở cơ sở;

+ Công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên chưa được coi trọng, chưa đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao sức khỏe cho học sinh, là một trong số các nguyên nhân

khiến cho thể lực và tầm vóc người Việt Nam thua kém rõ rệt so với một số nước trong khu vực. Các cơ sở giáo dục đào tạo còn thiếu sân bãi, phòng tập, dụng cụ phục vụ cho nhu cầu tập luyện, thi đấu và vui chơi giải trí của học sinh, sinh viên; đội ngũ giáo viên thể dục còn thiếu; chương trình chính khóa cũng như nội dung hoạt động ngoại khóa còn nghèo nàn, chưa hợp lý, không hấp dẫn học sinh tham gia các hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa;

+ Công tác quản lý ngành còn ảnh hưởng bởi cơ chế bao cấp trước đây, chưa bắt kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay; còn thiếu chính sách thu hút nhân tài thể thao; thiếu hụt nguồn vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài... quy chế tuyển dụng vận động viên nước ngoài đối với các đội tuyển thể thao chưa phù hợp với thực tiễn phát triển thể thao chuyên nghiệp. Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức trong thi đấu, thưởng thức thể thao chưa được quan tâm đúng mức, còn để xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, nhất là trong thi đấu bóng đá; còn có hiện tượng, trường hợp sử dụng doping;

+ Chưa có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho thể dục, thể thao, thiếu chính sách và các quy định về đào tạo nguồn nhân lực cho thể dục, thể thao, nhất là đối với thể thao thành tích cao. Tỷ trọng ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển ngành thể dục, thể thao nói chung còn thấp. Việc đầu tư xây dựng các công trình thể dục, thể thao nói chung, nhất là các công trình thể thao cho giáo dục thể chất, thể thao trong nhà trường và thể thao thành tích cao

còn hạn chế (chỉ có 3,33 công trình thể dục, thể thao trên một vạn dân, trong khi ở nhiều quốc gia châu Á, tỷ lệ này đạt 6,58); chất lượng các công trình thể dục, thể thao chưa đồng đều, thiếu đồng bộ; số lượng các công trình cho lĩnh vực thể thao thành tích cao đạt tiêu chuẩn thi đấu quốc tế rất ít (chỉ chiếm 2% trong tổng số các công trình hiện có);

+ Hoạt động của một số Liên đoàn, Hiệp hội thể dục thể thao còn bị động, phụ thuộc vào sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước; còn thiếu các quy định pháp lý về việc tham gia thực hiện một số hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

+ Hợp tác quốc tế về thể dục thể thao chưa tương xứng với tiềm năng của ngành; nội dung hợp tác thiếu đa dạng; phạm vi, mức độ hội nhập quốc tế còn hẹp và chưa sâu, nhất là trong quan hệ với các tổ chức quốc tế đa phương về thể dục, thể thao.

- Nguyên nhân khách quan.

Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và cộng đồng xã hội cho phát triển thể dục, thể thao còn thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thể dục, thể thao còn thiếu thốn, lạc hậu; chưa chú trọng đầu tư khoa học, công nghệ và y học thể thao. Tỷ trọng đầu tư của Nhà nước và xã hội trong những năm qua tuy có xu hướng tăng, song mức độ đầu tư hiện nay vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thể dục, thể thao trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt về thành tích thi đấu giữa các quốc gia trong khu vực, châu lục và thế giới.

- Nguyên nhân chủ quan.

Công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý thể dục, thể thao các cấp đối với hoạt động thể dục, thể thao cơ sở chưa thường xuyên và thiếu sâu sát; còn thiếu các kế hoạch trung hạn và dài hạn và các chương trình, dự án phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ về vai trò của công tác phát triển thể dục, thể thao quần chúng ở xã, phường, thị trấn chưa đúng và đủ. Việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia vào các hoạt động thể dục, thể thao còn mang tính hình thức, thiếu gắn bó với thực tiễn đời sống và phong tục, tập quán của đồng bào địa phương. Chưa chú trọng chỉ đạo và đầu tư cho thể dục, thể thao trường học.

Chưa có chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và quản lý trong công tác phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp; công tác chuyển giao một số hoạt động tác nghiệp trong hoạt động thể dục, thể thao cho các tổ chức xã hội còn chậm.

Một số chính sách, chế độ đối với giáo viên thể dục trong các cơ sở giáo dục đào tạo, đối với vận động viên, huấn luyện viên chưa phù hợp với thực tiễn.

Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp đối với huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài... chưa được quan tâm đúng mức. Công tác quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, trọng tài, chuyên gia đẳng cấp quốc tế ... chưa đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ phát triển ngành.

2. Bối cảnh trong nước và quốc tế

a) Xu thế quốc tế.

Thể dục, thể thao Việt Nam sớm hội nhập quốc tế, có nhiều cơ hội tiếp cận với xu thế toàn cầu. Trong những năm gần đây, chính phủ các quốc gia ngày càng quan tâm và tích cực tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, nhất là tăng cường đầu tư xây dựng các công trình công cộng về thể dục, thể thao và thúc đẩy phát triển, kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao giải trí; chương trình giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục đào tạo các cấp được cải cách theo hướng học sinh được tự chọn các nội dung hoạt động thể dục, thể thao phù hợp với thể trạng tâm – sinh lý cá nhân.

Trong phát triển thể thao đỉnh cao, các quốc gia có xu hướng điều chỉnh thu hẹp số môn thể thao chủ đạo, số lượng vận động viên thể thao có tiềm năng giành huy chương để đầu tư có trọng điểm nhằm mục tiêu giành Huy chương vàng Olympic và ưu tiên môn thể thao nhiều lần giành huy chương vàng Olympic; có sự thay đổi quan niệm trong huấn luyện thể thao truyền thống như tối ưu hóa phương thức huấn luyện, nâng cao trình độ thi đấu của vận động viên trong thời gian ngắn.

Xu hướng ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, tự động hóa phương pháp vận động và đo lường thể chất trong hoạt động thể dục, thể thao ngày càng phát triển và được coi là yếu tố quan trọng để nâng cao thành tích thể thao.

Hoạt động giao lưu quốc tế trong đào tạo nhân tài, hợp tác trao đổi kỹ thuật và công nghệ thể thao cũng được khuyến khích, đẩy mạnh.

b) Bối cảnh trong nước.

- Ngành thể dục, thể thao nước ta là một trong số các ngành sớm triển khai chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước, bước đầu ngành thể thao đã huy động được một phần không nhỏ nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp và xã hội đầu tư phát triển thể dục thể thao, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ quản lý ngành, huấn luyện viên, trọng tài và vận động viên; tuy nhiên, hiệu quả thu được vẫn chưa cao vì vẫn bị chi phối bởi tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước.

- Thể dục, thể thao cơ bản đã hòa nhập với xu thế chung của phong trào thể thao thế giới, thể hiện ở các hoạt động: cải tiến hệ thống thi đấu quốc gia phù hợp với hệ thống giải thể thao quốc tế; bước đầu có sự kết hợp của Nhà nước và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục, thể thao trong quản lý, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục, thể thao đã được cải thiện nhiều cả về số lượng và chất lượng; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, công nghệ và y học thể thao có bước chuyển biến đột phá.

- Một số thách thức.

+ Sự quan tâm chỉ đạo công tác phát triển thể dục, thể thao còn hạn chế; chưa ý thức được việc đầu tư phát triển

thể dục, thể thao là một trong những yếu tố quan trọng trong sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực và góp phần bảo đảm an sinh xã hội;

+ Thể chế về quản lý hoạt động thể dục, thể thao ở nước ta còn thiếu đồng bộ; chưa chú trọng xây dựng chính sách phát triển dài hạn, trung hạn, thiếu chiến lược phát triển ngành, ít các chương trình, dự án quy mô quốc gia;

+ Đầu tư phát triển thể dục, thể thao thiếu tính hệ thống và chưa phù hợp với quy mô, mức độ phát triển thể dục, thể thao Việt Nam, nhất là trong thời gian từ năm 2008 đến nay có phần giảm sút do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới đối với nước ta.

II. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao đến năm 2020

1. Quan điểm

- Phát triển thể dục, thể thao là yếu tố quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, tăng cường thể lực, tầm vóc, tăng tuổi thọ người Việt Nam và lành mạnh hóa lối sống của thanh thiếu niên. Phát triển thể dục, thể thao là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân; ngành thể dục, thể thao giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện các chính sách phát triển thể dục, thể thao của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển đồng bộ thể dục, thể thao trong trường học, trong lực lượng vũ trang, ở xã, phường, thị trấn cùng với phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao, kết hợp việc kinh doanh thể dục, thể thao với công tác cung ứng dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát.

Chiến lược phát triển thể thao Việt Nam đến năm 2020 nhằm xây dựng và phát triển nền thể dục, thể thao nước nhà để nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng tuổi thọ của người Việt Nam theo tinh thần vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh, hội nhập và phát triển.

b) Mục tiêu cụ thể.

- Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể dục, thể thao giải trí đáp ứng nhu cầu giải trí của xã hội và tạo thói quen hoạt động, vận động hợp lý suốt đời. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học, bảo đảm yêu cầu phát triển con người toàn diện, làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao và góp phần xây dựng lối sống lành mạnh trong tầng lớp thanh – thiếu niên. Tích cực phát triển thể dục, thể thao

trong lực lượng vũ trang, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng toàn dân.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao, gắn kết đào tạo các tuyến, các lớp kế cận; thống nhất quản lý phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, bền vững, phù hợp với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân; nâng cao thành tích thi đấu, giữ vững vị trí là một trong 3 quốc gia có thành tích thể thao đứng đầu khu vực Đông Nam Á, tiến tới thu hẹp khoảng cách trình độ đối với thể thao châu Á và thế giới. Tăng cường hội nhập quốc tế, tích cực thực hiện chủ trương, đường lối ngoại giao nhân dân của Đảng và Nhà nước.

c) Các chỉ tiêu phát triển.

- Thể dục, thể thao quần chúng:

+ Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đến năm 2015 đạt tỷ lệ 28% và năm 2020 đạt 33% dân số.

+ Số gia đình luyện tập thể dục thể thao đến năm 2015 đạt 22% và năm 2020 đạt 25% số hộ gia đình trong toàn quốc.

- Thể dục, thể thao trường học:

+ Số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa đến năm 2015 đạt 100%.

+ Số trường học phổ thông có câu lạc bộ thể dục, thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao, có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục, thể thao, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa đến năm 2015 đạt 45% và đến năm 2020 đạt từ 55 – 60% tổng số trường.

+ Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đến năm 2015 đạt 75% và đến năm 2020 đạt 85% - 90% tổng số học sinh phổ thông các cấp.

- Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang:

Số cán bộ chiến sỹ kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo từng quân, binh chủng đến năm 2015 đạt 82,5%, đến năm 2020 đạt 85,5%.

- Thể thao thành tích cao:

+ Giữ vững vị trí trong top 3 của thể thao khu vực Đông Nam Á.

+ Năm 2010: Phấn đấu đạt vị trí 17 – 15 tại ASIAD 16.

+ Năm 2012: Phấn đấu có khoảng 30 vận động viên vượt qua các cuộc thi vòng loại và có Huy chương tại Đại hội Thể thao Olympic lần thứ 30.

+ Năm 2014: Phấn đấu đạt vị trí 15 – 13 tại ASIAD 17.

+ Năm 2016: Phấn đấu có khoảng 40 vận động vượt qua các cuộc thi vòng loại và có Huy chương Vàng tại Đại hội Thể thao Olympic lần thứ 31.

+ Năm 2019: Phấn đấu đạt vị trí 14 – 12 tại ASIAD 18.

+ Năm 2020: Phấn đấu có khoảng 45 vận động viên vượt qua các cuộc thi vòng loại, có huy chương tại Đại hội Thể thao Olympic lần thứ 32.

+ Tham gia đầy đủ và phấn đấu có thành tích tốt và thứ hạng ngày càng cao hơn ở một số Đại hội thể thao quốc tế như: Đại hội thể thao người khuyết tật (Paralympic), Đại hội thể thao thế giới (World Games), Đại hội thể thao bãi biển châu Á (Asian Beach Games), Đại hội võ thuật trong nhà châu Á (Asian Martial art - Indoor Games), Đại hội thể thao trẻ (Youth Games)...

3. Các nhiệm vụ chính

3.1. Nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao cho mọi người

a) Các nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao quần chúng

- Tiếp tục thực hiện "Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" gắn với triển khai phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, bản, tổ dân phố, khu dân cư, cơ quan, đơn vị ở các địa phương, các ban, ngành và đoàn thể.

- Tuyên truyền phổ biến hướng dẫn mọi đối tượng quần chúng tập luyện, tham dự thi đấu thể dục, thể thao trong các câu lạc bộ từng môn hoặc nhiều môn thể thao được thành lập, hoạt động ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, xã, phường và thị trấn.

- Củng cố và tăng cường hệ thống thiết chế về quản lý các mô hình thể dục, thể thao quần chúng: câu lạc bộ thể dục, thể thao, mô hình điểm về phát triển thể dục, thể thao

quần chúng đối với những vùng có mức độ phát triển kinh tế - xã hội đặc trưng.

+ Ban hành thiết chế văn hóa – thể thao đối với từng cụm, điểm dân cư gắn kết với quy hoạch sử dụng đất, xây dựng đô thị - nông thôn mới;

+ Ban hành và hướng dẫn thực hiện quy chế về tổ chức thi đấu, lễ hội thể thao, công tác phong danh hiệu, thể thao dân tộc và thể thao giải trí; xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển thể dục, thể thao quần chúng;

+ Thành lập, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động đối với các Hội đồng thể dục, thể thao, Câu lạc bộ thể dục, thể thao ở cấp xã;

+ Duy trì và hoàn thiện hệ thống thi đấu thể thao cho mọi người chu kỳ hàng năm, hai năm hoặc bốn năm...;

+ Ban hành chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao đối với các đối tượng xã hội đặc biệt, đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật.

- Tiếp tục hỗ trợ đầu tư và ban hành các chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển thể dục, thể thao quần chúng. Khuyến khích phát triển thể thao giải trí, kinh doanh dịch vụ thể thao gắn với hoạt động văn hóa, du lịch.

- Ban hành các quy chuẩn về quy hoạch đất đai cho thể dục, thể thao; tăng cường đầu tư xây dựng các sân chơi bãi tập, công trình thể thao trong quần thể Trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã, cụm thôn – bản, thôn, bản.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn viên thể dục, thể thao quần chúng; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cộng tác viên thể dục, thể thao cấp xã và thôn, làng, bản.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền cơ sở và các cán bộ ngành thể dục, thể thao về vai trò của hoạt động thể dục, thể thao, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng mô hình điểm về cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động thể dục, thể thao tại các thôn, bản và xã; ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển thể dục, thể thao ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đưa công tác sưu tầm, thống kê phân loại các trò chơi vận động dân gian trong các lễ hội truyền thống hàng năm của các dân tộc thiểu số thành một nội dung của nhiệm vụ sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam; lựa chọn một số trò chơi vận động dân gian để đề xuất đưa vào thi đấu trong hệ thống giải thi đấu thể thao quốc gia; chú trọng bảo tồn và phát triển các môn võ cổ truyền dân tộc.

- Ban hành và hướng dẫn thực hiện quy chế hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao người khuyết tật. Ban hành bổ sung các điều kiện đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục,

thể thao của người khuyết tật trong quy chuẩn xây dựng cơ sở tập luyện, sân bãi thể thao; thí điểm xây dựng ở một số tỉnh, thành phố các Trung tâm huấn luyện thể thao cho người khuyết tật.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình phát triển thể dục, thể thao ở xã, phường, thị trấn (ban hành kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10/5/2005); đánh giá các mặt đã thực hiện được, hoàn chỉnh Chương trình để đưa vào thành một nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về thể dục, thể thao giai đoạn 2011 – 2015, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b. Phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học.

- Tăng cường chất lượng dạy và học thể dục chính khóa.

+ Cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp với thể dục, thể thao với hoạt động giải trí, chú trọng nhu cầu tự chọn của học sinh. Xây dựng chương trình giáo dục thể chất kết hợp với giáo dục quốc phòng; kết hợp đồng bộ y tế học đường với dinh dưỡng học đường;

+ Xây dựng hệ thống các trường, lớp năng khiếu thể thao, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân tài thể thao cho quốc gia.

- Phát triển hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa.

+ Xây dựng các loại hình câu lạc bộ thể dục, thể thao trường học; khuyến khích học sinh dành thời gian từ 2 – 3

giờ/ tuần để tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa trong các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu thể thao. Củng cố và phát triển hệ thống thi đấu thể dục, thể thao giải trí thích hợp với từng cấp học, từng vùng, địa phương;

+ Phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh hệ phổ thông và mầm non; đảm bảo 100% trường phổ thông đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa; chú trọng hỗ trợ các địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung;

+ Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch cơ sở giáo dục đào tạo có cơ sở vật chất đáp ứng hoạt động thể dục, thể thao trường học theo quy chuẩn quốc gia.

- Ban hành Nghị định về phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học.

+ Tăng cường xây dựng cơ chế, chính sách, đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục, thể thao; đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ tập luyện trong các cơ sở giáo dục, đào tạo. Hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện thể dục, thể thao, hướng dẫn viên thể dục, thể thao cho các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc diện khó khăn theo quy định của Nhà nước;

+ Tiến hành điều tra khảo sát thực trạng thể dục, thể thao trường học, thể chất và sức khỏe của học sinh theo định kỳ

5 – 10 năm/ lần; ban hành chế độ kiểm tra, đánh giá định kỳ thể chất và sức khỏe học sinh;

+ Tăng cường công tác đào tạo giáo viên thể dục, thể thao, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động ngoại khóa cho hướng dẫn viên thể dục, thể thao. Ban hành quy chế hỗ trợ đối với các cán bộ, chuyên gia về thể dục, thể thao, trực tiếp tham gia hướng dẫn hoạt động ngoại khóa hoặc hỗ trợ giảng dạy chính khóa... tại các trường thuộc hệ thống giáo dục phổ thông và mẫu giáo;

+ Ban hành các chính sách huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp tham gia tài trợ hoạt động thể dục, thể thao trong trường học;

+ Tăng cường công tác giáo dục, truyền thông trong giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong chỉ đạo, tổ chức hoạt động thể dục, thể thao trường học.

c) Nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang.

- Phát triển thể dục, thể thao trong quân đội nhân dân.

+ Kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức, biên chế, đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách thể dục, thể thao ở các cấp; hoàn thiện hệ thống đào tạo cán bộ nghiệp vụ thể dục, thể thao chuyên trách trong một số trường sĩ quan chuyên nghiệp; kiện toàn tổ chức, biên chế các trung tâm, đoàn, đội thể thao thành tích cao làm nòng cốt phát triển thể dục, thể thao quần chúng trong quân đội;

+ Tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức rèn luyện thể thao hàng ngày;

+ Xây dựng các đơn vị (cấp trung đoàn) giỏi về huấn luyện thể lực và hoạt động thể dục, thể thao, chú trọng đẩy mạnh luyện tập thể thao có tính đặc thù ở một số binh chủng; tổ chức các hội thao quốc phòng và thi đấu thể dục, thể thao quần chúng;

+ Vận dụng sáng tạo chủ trương xã hội hóa thể dục, thể thao trong quân đội.

- Phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng công an nhân dân.

+ Đẩy mạnh công tác rèn luyện thân thể và hoạt động thể dục, thể thao bắt buộc đối với cán bộ, chiến sĩ công an nam từ 18 – 45 tuổi, nữ từ 18 – 35 tuổi. Tăng cường tập luyện võ thuật, bắn súng quân dụng. Khuyến khích tập luyện các môn: bóng, điền kinh (đi bộ, chạy...), thể dục và thể thao dưới nước;

+ Phát triển hệ thống các câu lạc bộ thể dục, thể thao và dịch vụ thể dục, thể thao trong ngành, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ tiếp cận với hoạt động thể dục, thể thao. Xây dựng hệ thống thi đấu thể thao phù hợp với môi trường, điều kiện công tác của ngành công an;

+ Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý thể dục thể thao, cơ sở vật chất, sân bãi và hoạt động thể dục, thể thao ở các đơn vị công an trong phạm vi toàn quốc.

3.2. Nhiệm vụ phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

a) Đổi mới cơ chế tổ chức và nội dung tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao thành tích cao theo định hướng chuyên nghiệp. Tăng cường nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho công tác đào tạo tài năng thể thao thành tích cao.

- Đào tạo khoảng 2000 – 2500 huấn luyện viên (giai đoạn 2011 - 2015) và 2500 – 3000 huấn luyện viên (giai đoạn 2016 - 2020); kết hợp sử dụng số lượng hợp lý huấn luyện viên nước ngoài đối với các môn thể thao trọng điểm loại 1 và 2. Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 200 – 250 trọng tài quốc tế và 2500 – 3000 trọng tài quốc gia. Tuyển chọn và đào tạo khoảng 30.000 vận động viên.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao tham dự các kỳ Đại hội thể thao Olympic (2012, 2016, 2020), ASIAD (2011, 2015, 2019), Đại hội thể thao Olympic trẻ (2010, 2014, 2018), Đại hội thể thao Đông Nam Á (2011, 2013, 2015, 2017, 2019).

- Quy hoạch vùng, ngành trọng điểm tuyển chọn, đào tạo tài năng cho các môn thể thao trọng điểm (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, Trường Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng...).

+ Các môn thể thao trọng điểm bao gồm: 10 môn thể thao trọng điểm loại 1 (điền kinh, bơi, cử tạ, Taekwondo, vật (hạng cân nhẹ), bắn súng, Karatedo, boxing (nữ), cầu lông, bóng bàn; 22 môn thể thao trọng điểm loại 2 (bóng đá, bóng chuyền, Judo, Wushu, cầu mây, đấu kiếm, thể dục dụng cụ, Pencak Silat, bắn cung, xe đạp, cờ vua và cờ tướng, bi sắt, lặn, bóng ném, Dance Sport, Sport Aerobic, quần vợt, thể hình, Canoe-Kayak, Rowing, Billiard-Snooker và Vovinam);

+ Các môn thể thao cần tiếp tục khuyến khích phát triển ở các tỉnh, thành phố, ngành và các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao bao gồm: bóng rổ, golf, bowling, bóng nước, bóng ném, võ cổ truyền, bơi nghệ thuật, đá cầu, đua thuyền truyền thống và một số môn trong nội dung thi đấu của Đại hội thể thao bãi biển, Đại hội thể thao giải trí và Đại hội võ thuật trong nhà như: E-sport, Muay, Kick-boxing, thể thao mạo hiểm, Kurash, B-boy, Jujitsu và Belt Wrestling...

- Quy hoạch các Trung tâm trọng điểm huấn luyện nâng cao thành tích thể thao bao gồm: Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ. Các Trung tâm phụ trợ: Trung tâm huấn luyện thể thao (HLTT) thành phố Hà Nội, Trung tâm HLTT thành phố Đà Nẵng, Trung tâm HLTT thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm HLTT thành phố Hải phòng, Trung tâm HLTT thành phố Cần Thơ, các Trường đại học thể dục, thể thao Trung tâm HLTT Quân đội nhân dân, Trung tâm HLTT Công an nhân dân.

- Tăng cường giáo dục đạo đức thể thao đối với vận động viên thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

b) Ưu tiên đầu tư cho các môn thể thao, vận động viên thể thao trọng điểm, xây dựng trường năng khiếu thể thao ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Khuyến khích phát triển các môn thể thao có kết hợp với hoạt động kinh doanh dịch vụ thể thao.

c) Tiến hành chuẩn hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế, tập huấn đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia, đào tạo vận động viên cấp cao, vận động viên trẻ cấp tỉnh và ngành.

d) Ưu tiên ứng dụng nghiên cứu khoa học, y học thể thao cho công tác huấn luyện, ứng dụng công nghệ cao trong công tác huấn luyện kỹ thuật, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu về vận động viên thể thao thành tích cao và vận động viên trẻ kế cận; tăng cường năng lực chữa trị chấn thương và phòng chống Doping; thực hiện giám định khoa học đối với quá trình huấn luyện 40 – 50 vận động viên trọng điểm loại 1; ban hành chế độ dinh dưỡng và áp dụng biện pháp hồi phục sức khỏe đối với 50-60 vận động viên trọng điểm. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thông tin, khoa học, công nghệ và huấn luyện thể thao đối với các môn thể thao trọng điểm loại 1 và 2.

đ) Củng cố hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về thể thao thành tích cao.

- Bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống chính sách đãi ngộ đối với vận động viên thể thao thành tích cao, các vận động viên trọng điểm loại 1 (lương, thưởng, bảo hiểm, các danh hiệu vinh dự, chế độ ưu đãi về học tập, việc làm, chữa trị chấn thương và bệnh tật trong và sau quá trình tập luyện, thi đấu, đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp...).

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và y học thể thao trong tuyển chọn tài năng bóng đá và bóng đá thành tích cao.

- Ban hành các quy định về việc chuyển giao một số hoạt động sự nghiệp về thể thao thành tích cao cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể thao; ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia hỗ trợ các hoạt động đào tạo, huấn luyện và thi đấu.

e) Ban hành chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp; ban hành quy định khuyến khích hoạt động tài trợ và kinh doanh dịch vụ thi đấu thể thao chuyên nghiệp; tiến hành thành lập câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp đối với các môn: bóng chuyền, quần vợt, Golf...

- Củng cố và phát triển bóng đá nam chuyên nghiệp và bóng đá nữ theo hướng phát triển ổn định, lành mạnh; khắc phục tình trạng bạo lực, tiêu cực trong thi đấu bóng đá; tăng cường đầu tư xây dựng bóng đá nữ trẻ. Đẩy mạnh công tác quản lý, giáo dục tư tưởng, đạo đức chuyên nghiệp

đối với đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên.

Ban hành các quy định khuyến khích hoạt động tài trợ và kinh doanh dịch vụ thi đấu thể thao chuyên nghiệp phù hợp với quy định hiện hành; phát triển kinh doanh dịch vụ thi đấu bóng đá nam chuyên nghiệp. Chấn chỉnh ý thức và đưa vào nề nếp đối với hoạt động cổ động của cổ động viên bóng đá.

4. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các Liên đoàn – Hiệp hội thể dục, thể thao

a) Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện chuyển giao từng bước các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao cho các Liên đoàn – Hiệp hội thể dục, thể thao.

b) Tiếp tục phát triển hệ thống Liên đoàn – Hiệp hội thể dục, thể thao; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức này để phát huy vai trò tích cực của hệ thống Liên đoàn – Hiệp hội thể dục, thể thao trong sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 10 năm tới.

III. Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược

1. Nâng cao nhận thức tư tưởng và đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác quán triệt quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và phát triển phong trào thể dục, thể thao, thực hiện mục tiêu "Dân cường nước thịnh", "Thể dục, thể thao vì sức khoẻ và hạnh phúc của con người"... Vận dụng sáng tạo quan điểm của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng con người mới, nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp tục thực hiện "Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại".

- Nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với sự nghiệp thể dục, thể thao; công tác phát triển thể dục, thể thao là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền. Phát triển thể dục, thể thao là nội dung bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc.

- Tăng cường công tác thông tin – truyền thông trong cộng đồng xã hội về thể dục, thể thao, về tác dụng, lợi ích của luyện tập thể dục, thể thao.

2. Đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà nước về phát triển thể dục, thể thao

a) Đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về thể dục, thể thao; đẩy mạnh cải cách hành chính phù hợp mô hình bộ đa ngành, đa lĩnh vực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

b) Đổi mới công tác quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao; tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao công lập sang phương thức cung ứng dịch vụ công.

c) Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao; tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển

thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

3. Phát huy vai trò, chức năng của Ủy ban Olympic Việt Nam và các Liên đoàn, Hiệp hội thể dục, thể thao trong sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp

a) Tiếp tục triển khai và đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật Thể dục, thể thao về Olympic Việt Nam và tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể dục, thể thao.

b) Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện việc chuyển giao một số hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao cho các tổ chức xã hội và các cơ sở ngoài công lập thực hiện.

4. Tăng cường nguồn nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực.

- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành trong giai đoạn 10 năm tới, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia vững về tư tưởng, giỏi nghiệp vụ và đội ngũ giáo viên cho giáo dục thể chất và thể thao nhà trường.

- Chú trọng đào tạo nhân lực cho phong trào thể dục, thể thao vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

- Đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục thể chất học đường theo hướng thể thao kết hợp với giải trí.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực cho phát triển thể thao thành tích cao, chú trọng công tác dạy văn hóa và giáo dục đạo đức cho vận động viên.

b) Tăng cường có trọng tâm, trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành thể dục, thể thao.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ thể thao thành tích cao bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đăng cai tổ chức các Đại hội thể thao quy mô châu lục, thế giới.

- Ban hành quy định về quy hoạch xây dựng các cơ sở thể dục, thể thao. Quy hoạch cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến 2015 định hướng đến 2020.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, củng cố cơ sở vật chất cho thể dục, thể thao quần chúng ở xã, phường, thị trấn, khu dân cư và phát triển thể dục, thể thao học đường ở các trường học.

c) Đổi mới cơ chế hoạt động, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và y học thể thao.

- Phát triển khoa học, công nghệ và y học thể thao gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường kết hợp huấn luyện thể thao với nghiên cứu khoa học và y học thể thao.

- Nâng cao năng lực của Viện Khoa học thể dục thể thao, các trường đại học thể dục thể thao và một số cơ sở khoa học trọng điểm ở các thành phố lớn trực thuộc Trung ương. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đưa vào hoạt động có hiệu quả Trung tâm kiểm tra Doping.

d) Hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao.

- Tích cực chủ động tham gia hội nhập quốc tế về thể dục, thể thao theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời chú trọng giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; ngăn chặn, loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực đối với nền thể thao Việt Nam.

- Củng cố và phát triển đa dạng hơn nữa các nội dung hợp tác với các quốc gia truyền thống ở Đông Nam Á, châu Á và quốc tế.

- Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn của các cán bộ ngành thể dục, thể thao Việt Nam để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và tham gia bộ máy điều hành của các tổ chức thể thao quốc tế.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư, hỗ trợ nguồn lực phát triển thể dục, thể thao Việt Nam.

5. Kinh phí thực hiện chiến lược

a) Ngân sách nhà nước.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ hoặc bảo đảm thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt theo quy định để thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

- Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao của địa phương.

b) Kinh phí thực hiện việc xây dựng và điều hành triển khai Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến

năm 2020 được bố trí hàng năm trong dự toán ngân sách chi thường xuyên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

IV. Tổ chức thực hiện chiến lược

1. Các giai đoạn thực hiện chiến lược

Trọng tâm thực hiện trong giai đoạn này là:

- Ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam và triển khai giai đoạn đầu để tạo chuyển biến tích cực cho giáo dục thể chất và thể thao trường học, tạo điều kiện thuận lợi phát triển thể dục, thể thao trường học trong những năm tiếp theo; bước đầu đưa thể dục, thể thao trường học thực sự góp phần cải thiện thể trạng và tầm vóc người Việt Nam.

- Phát triển có nề nếp thể dục, thể thao quần chúng, chú trọng thể dục, thể thao giải trí, góp phần tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân dân; chú trọng phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Phát triển thể thao thành tích cao theo hướng bền vững, xây dựng và triển khai áp dụng quy trình phát hiện năng khiếu, tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao.

- Cải thiện một bước các điều kiện và nguồn lực phát triển thể dục, thể thao nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thể dục, thể thao trường học, thể thao thành tích cao. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho thể dục, thể thao.

- Cải thiện chất lượng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao, tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp lý để triển khai thực hiện Chiến lược; hoàn thiện hệ thống thiết chế, cơ chế, chính sách phát triển thể dục, thể thao.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của hoạt động thể dục, thể thao đối với sự nghiệp tăng cường, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện xã hội hóa thể dục, thể thao; mở rộng sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thể dục, thể thao; huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển thể dục, thể thao.

- Chương trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao cho phù hợp với thực tiễn.

+ Ban hành Nghị định của Chính phủ về giáo dục thể chất và thể thao trường học.

+ Ban hành quy định về các thiết chế thể dục, thể thao.

+ Ban hành quy định về đánh giá thể chất người Việt Nam.

- Một số đề án trọng điểm

+ Chương trình tổng thể nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2010 – 2030.

+ Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 định hướng đến 2030.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về thể dục thể thao giai đoạn 2011 – 2015.

+ Đề án phát triển khoa học, công nghệ và y học thể thao giai đoạn 2010 - 2015.

+ Đề án chuyển giao các hoạt động tác nghiệp cho các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao đến năm 2015.

+ Quy hoạch phát triển toàn diện bóng đá Việt Nam đạt top 10 châu Á (thực hiện chương trình "Tầm nhìn Việt Nam" của AFC).

+ Đề án đăng cai tổ chức Đại hội thể thao bãi biển châu Á lần thứ IV năm 2016 tại Việt Nam.

+ Đề án đăng cai tổ chức Đại hội thể thao châu Á lần thứ 18 năm 2019 tại Việt Nam.

+ Đề án quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất – kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến 2015 định hướng đến 2020.

+ Xây dựng Đề án thí điểm đặt cược thể thao.

b) Giai đoạn 2016 – 2020

- Tiếp tục thực hiện Chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam làm cơ sở, nền tảng phát triển thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

- Tiếp tục phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể dục, thể thao giải trí; hoàn thiện một bước hệ thống thi đấu thể dục, thể thao quần chúng, các câu lạc bộ cơ sở của thể dục, thể thao quần chúng, thể thao giải trí.

- Tiếp tục phát huy tác dụng và vai trò của Hệ thống bồi dưỡng đào tạo tài năng thể thao trẻ đã được xây dựng trong giai đoạn trước, làm cơ sở vững chắc nâng cao trình độ, thành tích của thể thao thành tích cao nước nhà ở khu vực, châu lục và thế giới; chuẩn bị các điều kiện đăng cai tổ chức SEA Games và Đại hội thể thao châu Á ở nước ta.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước và nâng cao trình độ quản lý của các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao.

- Một số nhiệm vụ trọng điểm

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam đối với lứa tuổi từ 3 – 18; mở rộng đối tượng là sinh viên bậc đại học.

+ Xây dựng và trình phê duyệt Đề án đăng cai tổ chức SEA Games năm 2017 hoặc năm 2019.

2. Phân công thực hiện Chiến lược

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra; tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ; tổ chức sơ kết vào năm 2015 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2020.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Xây dựng và thực hiện các kế

hoạch về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, hoạt động tổ chức thi đấu thể dục, thể thao trường học và Hội khỏe Phù Đổng. Thực hiện định kỳ việc điều tra đánh giá thể chất và sức khỏe của học sinh, sinh viên. Xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển ngành thể dục thể thao; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về đào tạo tài năng thể thao.

c) Bộ Y tế phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng các cơ sở sự nghiệp về y học thể thao, cơ sở chăm sóc y tế cho vận động viên và phòng, chống Doping trong thể thao.

d) Bộ Quốc phòng chủ trì và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát triển thể dục, thể thao trong quân đội; đào tạo vận động viên trẻ và vận động viên trình độ cao tham gia thi đấu tranh huy chương tại các Đại hội thể thao khu vực và thế giới.

đ) Bộ Công an chủ trì và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát triển thể dục, thể thao trong Công an nhân dân; tích cực đào tạo vận động viên trẻ và vận động viên trình độ cao tham gia thi đấu tranh huy chương tại các Đại hội thể thao khu vực và thế giới; triển khai công tác giáo dục đạo đức thể thao đối với vận động viên thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

e) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo các ngành và các địa phương đưa kế hoạch phát triển thể dục, thể thao vào kế

hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho phát triển thể dục, thể thao.

g) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch ngân sách phát triển thể dục, thể thao hàng năm phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia; bảo đảm kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020; bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư cho thể dục, thể thao; xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế - xã hội đầu tư phát triển thể dục, thể thao.

h) Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành: cơ chế quản lý đối với các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao; chế độ, chính sách đối với cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên; chính sách đối với các tập thể, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao theo chủ trương xã hội hóa.

i) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các tổ chức và địa phương có liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 theo chức năng và quy định của pháp luật hiện hành.

k) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển thể dục, thể thao 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tóm tắt chương 7

1. Xây dựng Chiến lược phát triển thể dục thể thao nước ta là cần thiết nhằm: (1) Giúp nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chiến lược thể dục thể thao xác định vị trí nền thể thao nước nhà, là cơ sở cho sự thành công trên bước đường thực hiện mục tiêu thể dục thể thao vì sự phát triển của đất nước. (2) Giúp các nhà quản lý chủ động và kịp thời dự báo, tính toán cơ hội, giảm thiểu thách thức, nhằm tận dụng và khai thác triệt để các cơ hội để thực hiện các mục tiêu phát triển thể dục thể thao. (3) Cung cấp một tầm nhìn và khuôn khổ chung để xây dựng và triển khai các văn bản hoạch định ở cấp thấp hơn.

2. Mục đích, yêu cầu của chiến lược phát triển thể dục thể thao là (1) Đưa ra các quan điểm phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao; (2) Định hướng đúng các giải pháp chủ yếu, huy động tốt các nguồn lực giúp cho sự phát triển thể dục thể thao nước nhà trong thời kỳ thực hiện chiến lược; đồng thời đặt nền móng để tiếp tục phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn tiếp theo. (3) Xác

định đúng các loại quy hoạch, chương trình, dự án trọng điểm nằm trong chiến lược phát triển thể dục thể thao.

3. Có thể mô tả và phân tích chiến lược phát triển ở 3 nội dung: (1) Xác định xuất phát điểm của chiến lược thể dục thể thao. (2) Xác định đích đến của chiến lược và (3) Tìm ra con đường kết nối hiện tại với tương lai.

4. Việc xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao cấp quốc gia được thực hiện theo một quy trình thống nhất, trong đó Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý tổ chức thực hiện và trình Thủ tướng phê duyệt.

5. Các văn bản, tài liệu của chiến lược phát triển thể dục thể thao trình phê duyệt bao gồm: Tờ trình của Bộ trưởng, Báo cáo tổng hợp chiến lược, Báo cáo tóm tắt chiến lược, Báo cáo tóm tắt các chuyên đề hoặc quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên, Hệ thống các biểu bảng, biểu đồ, bản đồ.

6. Kết cấu của một đề cương chiến lược phát triển thể dục thể thao thường có các phần: Phần mở đầu; Phần đánh giá thực trạng thể dục thể thao và các yếu tố tác động đến sự phát triển thể dục thể thao; Quan điểm, mục tiêu phát triển thể dục thể thao đến cuối thời kỳ thực hiện chiến lược; Các nhiệm vụ và nội dung giải pháp chủ yếu; Tổ chức thực hiện; Phần phụ lục (nếu có).

7. Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 có 3 nội dung chủ yếu (1) Thể dục, thể thao cho mọi người: bao gồm Thể dục, thể thao quần chúng; Giáo

dục thể chất và thể thao trong nhà trường và Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang. (2) Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp (3) Ủy ban Olympic Việt Nam và tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao. Chiến lược phát triển thể dục, thể thao đến năm 2020 được hình thành trong tổng thể phát triển hài hòa cùng với các lĩnh vực văn hóa và du lịch... nhằm tạo thành sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, mà thể dục, thể thao đóng vai trò chủ đạo đối với sự nghiệp bảo vệ, nâng cao sức khỏe, tạo dựng nhân cách và lối sống lành mạnh của các thế hệ người Việt Nam.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích ý nghĩa, mục đích của việc xây dựng Chiến lược phát triển thể dục thể thao?
2. Chiến lược phát triển thể dục thể thao thường được phân tích theo những nội dung nào?
3. Trình bày quy trình và kết quả của việc xây dựng Chiến lược phát triển thể dục thể thao cấp quốc gia?
4. Trình bày đề cương một Chiến lược phát triển thể dục thể thao?
5. Nêu các ý kiến bàn luận về kết quả đạt được trong thực tế hiện nay so với văn bản kế hoạch Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020?

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới.*

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *244 tình huống giải đáp những vấn đề cốt yếu trong công tác quản lý – đào tạo – phát triển ngành thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Lao động.

3. Dương Nghiệp Chí (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

4. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

5. Nguyễn Văn Phúc (2008), *Quản lý dự án cơ sở lý thuyết và thực hành,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

6. Thủ tướng chính phủ (2010), *Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020.*

7. Jean Camy, Leigh Robinson (2007), *Managing Olympic Sport Organisations, Olympic solidarity,* Human Kinetics.

Chương 8
XÂY DỰNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO

Mục tiêu

Quy hoạch phát triển thể dục thể thao là một loại kế hoạch không thể thiếu trong lý thuyết và thực tiễn kế hoạch hóa nhằm cụ thể hóa về thời gian và nội dung việc thực hiện chiến lược. Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về ý nghĩa, mục đích, nội dung và quy trình việc xây dựng quy hoạch phát triển thể thao, đồng thời giới thiệu một số văn bản quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao ở cấp độ tỉnh/ thành.

Học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức về nội dung, cơ sở pháp lý và thủ tục trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao;

- Tìm hiểu đề cương quy hoạch phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch ở cấp độ vùng miền;

- Tìm hiểu đề cương quy hoạch phát triển lĩnh vực thể dục thể thao ở cấp độ tỉnh/ thành;

- Biết cách trình bày một báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển thể dục thể thao cấp tỉnh thành;

- Có thể vận dụng trong xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương.

1. Khái quát nội dung, cơ sở pháp lý và trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao

Vai trò của quy hoạch phát triển đã được xác định trong quy trình kế hoạch hóa phát triển được thống nhất ở nước ta, bắt đầu từ xây dựng chiến lược phát triển, tiếp theo là lập quy hoạch phát triển và sau đó là kế hoạch phát triển. Quy hoạch là cầu nối giữa chiến lược và kế hoạch và quản lý thực hiện chiến lược thông qua các kế hoạch, các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, xã hội ổn định bền vững.

Cùng với các ngành kinh tế - kỹ thuật gồm: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; công nghiệp khai thác mỏ; công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp dệt, da, may; công nghiệp hoá chất; công nghiệp cơ khí và gia công kim loại; thương mại; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; du lịch; giao thông vận tải; bưu chính, viễn thông; thủy lợi và sử dụng tổng hợp nước; năng lượng; hệ thống giáo dục - đào tạo; hệ thống cơ sở y tế và chăm sóc sức khoẻ; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; thể dục thể thao là một ngành được Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa vào danh mục các ngành cần được triển khai lập và thực hiện quy hoạch phát triển. Quy hoạch phát triển thể dục thể thao được thiết lập và tổ chức thực hiện ở cấp quốc gia và ở các địa phương.

1.1. Nội dung quy hoạch phát triển thể dục thể thao

Để đảm bảo những yêu cầu đặt ra trong công tác quy hoạch và thể hiện được vai trò của kế hoạch quy hoạch; vận

dụng hướng dẫn trong Nghị định 04/2008 của chính phủ, có thể thiết kế nội dung chủ yếu của kế hoạch quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao như sau:

1.1.1. Phân tích tiềm năng, đánh giá thực trạng phát triển và dự báo các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài, bao gồm:

a) Phân tích, dự báo các yếu tố phát triển thể dục thể thao, trong đó có phân tích, dự báo đầy đủ yếu tố và xu thể phát triển thể dục thể thao trong nước và nước ngoài, các yêu cầu về khả năng phát triển thể thao thành tích cao và thể thao nhà nghề trong xu thế hội nhập quốc tế.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển và phân bố ngành thể dục thể thao trên các vùng lãnh thổ. Phân tích cơ cấu ngành, lĩnh vực (thể dục thể thao quần chúng, thể thao trường học, thể thao thành tích cao, tổ chức quản lý đất đai và cơ sở hạ tầng công nghệ, kỹ thuật thể dục thể thao, các sản phẩm chủ yếu...

c) Xác định vị trí, vai trò của ngành thể dục thể thao đối với nền kinh tế quốc dân và các mục tiêu phát triển của địa phương.

d) Phân tích cung cầu trên thế giới và khu vực; phân tích tình hình thể dục thể thao trên thế giới và trong nước, ảnh hưởng của nó đối với không gian thể dục thể thao trong kỳ quy hoạch.

e) Đánh giá lợi thế so sánh, hạn chế, các cơ hội và thách thức đối với sự phát triển thể dục thể thao của ngành hoặc địa phương.

1.1.2. Luận chứng mục tiêu phát triển

Luận chứng mục tiêu phát triển là việc thiết lập luận chứng cho các phương án phát triển (cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể) bao gồm:

a) Phương án phát triển thể dục thể thao quần chúng: số lượng, tỷ lệ người tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao, số lượng các môn thể thao quần chúng, thể thao dân tộc; trình trạng phân bố đối tượng, giới tính, thành phần người tập thể dục thể thao, sự phân bố theo khu vực, vùng miền (đô thị, nông thôn, miền núi...); kể cả các phong trào thể dục thể thao trong các lực lượng vũ trang;

b) Phương án phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học bao gồm số lượng học sinh tham gia tập luyện thể dục thể thao, các môn thể thao phát triển trong trường học, các mô hình câu lạc bộ thể dục thể thao trường học, hình thức nội dung thể dục thể thao chính khóa và ngoại khóa;

c) Phương án phát triển thể thao thành tích cao, bao gồm việc đầu tư phát triển vận động viên các tuyến từ tuyến năng khiếu đến các đội tuyển, phương án đầu tư bồi dưỡng huấn luyện viên và huấn luyện viên cao cấp.

d) Phương án phân bố đất đai cho thể thao, đầu tư xây dựng các công trình cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao.

e) Phương án cơ cấu ngành, lĩnh vực thể thao và sản phẩm hàng hóa – dịch vụ thể thao chủ yếu, các điều kiện ưu tiên đảm bảo mục tiêu quy hoạch được thực hiện (đầu tư, công nghệ, lao động).

1.1.3. Xác định các nhiệm vụ và giải pháp

Xác định các nhiệm vụ cụ thể đạt được trong thời kỳ quy hoạch, bao gồm luận chứng về cơ cấu kinh tế, xã hội; luận chứng các phương án phát triển ngành và các lĩnh vực, đối tượng chủ yếu và then chốt;

Nhiệm vụ phát triển cơ sở vật chất và công nghệ để đảm bảo trước mặt và lâu dài các hoạt động thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện quy hoạch.

Xây dựng danh mục công trình, dự án đầu tư trọng điểm có tính toán cân đối nguồn vốn để bảo đảm thực hiện, trong đó có chia ra bước đi cho 5 năm đầu tiên; tổ chức thực hiện quy hoạch.

Thể hiện các phương án quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao trên bản đồ quy hoạch cho từng vùng miền, địa phương.

Các giải pháp cần nhấn mạnh đến giải pháp xã hội hóa thể dục thể thao, quan tâm các tổ chức, hiệp hội thể thao xã hội; huy động các nguồn vốn đầu tư cho cơ sở vật chất thể dục thể thao, cho đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao, phát

triển vận động viên các tuyến, giải pháp về khoa học công nghệ, cơ chế chính sách và cuối cùng là giải pháp liên quan đến tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển.

1.2. Căn cứ lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao

Tương tự như xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao, khi tiến hành lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao cấp quốc gia hoặc của địa phương, trước hết chúng ta cũng cần tôn trọng xu thế, quy luật thực tiễn khách quan cũng như sự phát triển kinh tế xã hội, các quy luật kinh tế thị trường, quy luật phát triển thể dục thể thao, quy luật phát triển khoa học công nghệ thể dục thể thao.

Bên cạnh đó, ta phải vận dụng các căn cứ về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là dựa trên cơ sở các văn bản, nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và các quy định hiện hành của các bộ, ngành, địa phương liên quan. Trong thực tế có thể căn cứ các cơ sở pháp lý và thực tiễn sau đây để xây dựng quy hoạch:

- Các nghị quyết, các văn bản pháp quy, chính sách của Đảng và Nhà nước (cấp trung ương và đặc biệt là cấp tỉnh thành).

- Mục đích, nhiệm vụ, chiến lược hoặc quy hoạch phát triển thể dục thể thao quốc gia trong thời kỳ lập quy hoạch.

- Thực tiễn của địa phương về kinh tế - xã hội, điều kiện địa lý, phong tục tập quán, thực trạng phát triển thể dục thể thao, thực trạng phát triển con người, thực trạng quản lý

nhà nước, quản lý xã hội và quản lý phong trào thể dục thể thao...

- So sánh thực tiễn của các tỉnh thành lân cận, của khu vực.

- Trình độ phát triển thể dục thể thao, các dữ liệu phát triển và kinh nghiệm tích lũy của các kỳ kế hoạch quy hoạch trước.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong kỳ quy hoạch;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;

- Các nghị quyết, quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội và Chính phủ có liên quan.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng giai đoạn trước.

- Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực (cấp quốc gia) có liên quan.

- Quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống số liệu thống kê, các kết quả điều tra cơ bản, khảo sát và hệ thống số liệu, tài liệu liên quan. Các kết quả dự báo về thị trường và tiến bộ khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.

1.3. Trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao

Xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao được xem là một khoa học dự báo về những kết quả sẽ đạt được trong tương lai, vì vậy trong công tác xây dựng quy hoạch phải đảm bảo chặt chẽ các quy trình tổ chức và sử dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu dự báo. Công tác lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao thường thực hiện theo các bước sau:

(1) Tổng hợp các kết quả nghiên cứu liên quan đến việc lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao (của ngành hoặc địa phương); trên cơ sở đó tiến hành phân tích, đánh giá các yếu tố và điều kiện phát triển và dự báo tác động của chúng đến quy hoạch phát triển. Thu thập tài liệu và tiến hành điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường, thu nhập và mức sống dân cư liên quan và các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển thể dục thể thao. Trong quá trình nghiên cứu phân tích và tổng hợp, nếu thiếu hoặc cần thiết phải có kế hoạch điều tra bổ sung.

(2) Nghiên cứu các tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển thể dục thể thao (của ngành hoặc địa phương). Đánh giá và dự báo các yếu tố và nguồn lực phát triển, các tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới và các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội khác tác động đến quy hoạch phát triển thể dục thể thao (của ngành hoặc địa phương) trong tương lai.

(3) Xác định vị trí, vai trò của các hoạt động thể dục thể thao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và vùng nghiên cứu lập quy hoạch; nghiên cứu các quan điểm chỉ đạo và một số chỉ tiêu vĩ mô về phát triển thể dục thể thao; đồng thời có thể cung cấp các thông tin cho các Bộ, ngành liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (khi có yêu cầu) để làm cơ sở phục vụ lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thu nhận thông tin phản hồi để điều chỉnh, bổ sung.

(4) Xây dựng và lựa chọn phương án quy hoạch phát triển thể dục thể thao. Dựa vào các mục tiêu đặt ra của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, các yếu tố trong và ngoài nước tác động đến thể dục thể thao, khả năng các nguồn lực để luận chứng quan điểm, mục tiêu phát triển ngành cho các năm mốc của thời kỳ quy hoạch.

Luận chứng các giải pháp chủ yếu và điều kiện đảm bảo thực hiện quy hoạch ngành. Định hướng tổ chức không gian phân bố ngành. Các giải pháp thực hiện...

(5) Lập báo cáo quy hoạch phát triển thể dục thể thao (của ngành hoặc địa phương) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(6) Thông báo quy hoạch phát triển thể dục thể thao trong vòng 30 ngày sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức liên quan. Các ngành, các địa phương căn cứ vào đó hiệu chỉnh quy hoạch phát triển thể dục thể thao và triển khai các quy hoạch cụ thể.

2. Hướng dẫn cách thức lập đề cương xây dựng quy hoạch phát triển

Ngành thể dục thể thao là một ngành trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, vừa có tính chất quản lý và hoạt động nhưng vừa có tính chất phối hợp liên ngàng trực thuộc một cơ quan quản lý nhà nước cấp Bộ. Vì vậy, trong xây dựng quy hoạch phát triển, tùy theo tính chất hoạt động và yêu cầu cụ thể, có thể tiến hành quy hoạch đơn ngành (thể dục thể thao) hoặc quy hoạch liên ngành (văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình), không gian quy hoạch cũng đa dạng có thể ở tầm quốc gia, khu vực (miền) hoặc địa phương. Trong phạm vi chương trình môn học này, chúng tôi giới thiệu một đề cương quy hoạch chung mang tính liên ngành và một quy hoạch ngành cấp địa phương để sinh viên nghiên cứu vận dụng trong thực tiễn.

2.1. Lập đề cương quy hoạch phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch

a. Xác định tên đề cương quy hoạch

Tên đề cương quy hoạch là một câu trọn vẹn, trong đó nêu loại hình quy hoạch (quy hoạch tổng thể), lĩnh vực quy hoạch, không gian (địa phương) quy hoạch, thời gian quy hoạch và tầm nhìn tiếp theo.

Ví dụ: Đề cương *"Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*

b. Nội dung đề cương quy hoạch tổng thể

Phần nội dung của quy hoạch tổng thể phát triển các lĩnh vực của các ngành, địa phương có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế, nhưng thông thường có các phần. Trong ví dụ về Đề cương *"Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"* có các nội dung cụ thể sau:

Phần mở đầu - Trình bày các vấn đề sau:

1. Sự cần thiết lập quy hoạch.
2. Căn cứ lập quy hoạch.
3. Nguyên tắc và mục tiêu nhiệm vụ lập quy hoạch.
4. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch.
5. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch.

Phần thứ nhất - Khái quát điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Phần này thường mô tả các vấn đề:

- Vị trí và mối liên hệ vùng, trong đó cần làm rõ vị trí địa lý của các tỉnh, thành thuộc khu vực kinh tế trọng điểm miền trung và khái quát các mối liên hệ trong vùng

- Mô tả điều kiện tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, tài nguyên thiên nhiên của từng khu vực.

- Trình bày điều kiện kinh tế xã hội, trong đó tập trung giới thiệu hiện trạng phát triển kinh tế, các đặc điểm văn hóa xã hội, hiện trạng kết cấu hạ tầng, tiềm năng và nguồn lực phát triển của các tỉnh, thành trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Phần thứ hai - Hiện trạng phát triển. Phần này tập trung phân tích làm rõ hiện trạng (ít nhất là 5 năm gần nhất) phát triển các lĩnh vực thuộc ngành, thường được phân thành các mảng, nội dung đánh giá sau:

- Hiện trạng bộ máy tổ chức quản lý của ngành văn hóa, thể thao và du lịch các tỉnh trong vùng quy hoạch, bao gồm thực trạng cơ cấu và bộ máy quản lý hành chính, quản lý sự nghiệp; hiện trạng nguồn cán bộ và các nguồn nhân lực phục vụ cho các hoạt động cả ngành.

Phần này chủ yếu là đánh giá chung về cơ chế quản lý và công tác quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở các mặt văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch. Sau đó tiếp tục đánh giá hiện trạng riêng ở từng lĩnh vực.

- Đánh giá hiện trạng lĩnh vực văn hóa, bao gồm đánh giá hiện trạng các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; thực trạng công tác đào tạo phát triển nhân lực trong lĩnh vực văn hóa và hiện trạng về hệ thống cơ sở vật chất phục vụ văn hóa, nghệ thuật.

- Đánh giá hiện trạng lĩnh vực gia đình, bao gồm việc triển khai chương trình xây dựng gia đình văn hóa; tình trạng bạo lực gia đình và các chương trình, kế hoạch phòng chống bạo lực gia đình; tình trạng tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình và các chương trình, kế hoạch phòng chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

- Đánh giá hiện trạng phát triển thể dục thể thao, cần nêu đầy đủ các lĩnh vực như hiện trạng phát triển thể dục thể

thao cho mọi người; hiện trạng phát triển thể thao thành tích cao; hiện trạng sử dụng đất và mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao; hiện trạng các tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể dục thể thao ở địa phương; thực trạng hoạt động xã hội hóa thể dục thể thao theo chủ trương và các cơ chế hiện hành của nhà nước.

Phần này cũng cần làm rõ hiệu quả, những tồn tại của các dự án đầu tư phát triển thể dục thể thao vừa qua.

- Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch trong vùng, tập trung làm rõ hiện trạng liên kết trong phát triển du lịch, lượng khách du lịch quan tâm và tham gia đến thị trường du lịch, trong đó cần làm rõ các nguồn tổng thu từ khách du lịch và GDP du lịch.

Phần này cũng cần làm rõ hiện trạng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho hoạt động du lịch, hiện trạng sản phẩm du lịch, niện trạng hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch và đầu tư phát triển du lịch.

Đánh giá hiện trạng liên kết phát triển, hợp tác và giao lưu quốc tế, bao gồm các vấn đề thực trạng liên kết, phát triển giữa các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch. Việc hợp tác phát triển quy mô vùng trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch. Việc giao lưu hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

Đánh giá chung những kết quả đạt được và tác động của chúng đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng;

hững tồn tại, hạn chế và ảnh hưởng của chúng đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng. Phân tích làm rõ nguyên nhân thành tựu, tồn tại, những bài học kinh nghiệm.

Trong phần này lưu ý sử dụng phương pháp phân tích lý luận, phương pháp tham vấn, phương pháp chuyên gia và các công cụ phân tích SWOT, so sánh cặp đôi... để phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức là cơ sở cho định hướng phát triển và xác định các giải pháp tối ưu.

Phần thứ ba- Định hướng phát triển. Phần này có thể chia thành các chương và làm rõ các vấn đề, có thể quan tâm đến các vấn đề sau:

Chương 1. Quan điểm và mục tiêu phát triển. Trình bày các quan điểm phát triển và mục tiêu phát triển.

Chương 2. Định hướng phát triển văn hóa, bao gồm định hướng phát triển văn hóa, nghệ thuật và định hướng đầu tư hệ thống cơ sở vật chất phục vụ văn hóa, nghệ thuật.

Chương 3. Định hướng xây dựng gia đình.

Chương 4. Định hướng phát triển thể dục thể thao. Trong phần này cần định hướng cụ thể cho các lĩnh vực như phát triển thể dục thể thao cho mọi người; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao; sử dụng đất và phát triển mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao; phát triển các tổ chức, liên đoàn thể dục thể thao; Định hướng xã hội hóa thể dục thể thao...

Chương 5. Định hướng phát triển phát triển du lịch. Phần này có thể định hướng theo các lĩnh vực phát triển

khách du lịch và thị trường tiềm năng; các sản phẩm du lịch; du lịch theo không gian lãnh thổ; phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch...

Chương 6. Định hướng liên kết phát triển, hợp tác và giao lưu quốc tế trong các lĩnh vực thuộc ngành. Trong phần này có thể tập trung các cho các định hướng liên kết hợp tác giữa các lĩnh vực văm hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch; hợp tác phát triển giữa vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các vùng và các tỉnh lân cận, với cả nước; hợp tác giao lưu khu vực và quốc tế.

Chương 7. Định hướng hoàn thiện bộ máy quản lý, bao gồm cơ cấu - mô hình tổ chức bộ máy quản lý ngành và các biện pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy quản lý ngành.

Chương 8. Định hướng phát triển nguồn nhân lực. bao gồm mô tả định hướng phát triển nguồn nhân lực và chiến lược giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng.

Phần thứ tư- Chương trình, dự án đầu tư. Trong phần này trình bày các lĩnh vực và khu vực ưu tiên đầu tư, đồng thời liệt kê danh mục các dự án ưu tiên.

Phần thứ năm- Đánh giá môi trường chiến lược. Là yêu cầu thiết yếu khi thực hiện quy hoạch, phần này cần làm rõ phạm vi nghiên cứu và các vấn đề môi trường chính liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động đến các vấn đề môi trường và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Phần thứ sáu- Các giải pháp thực hiện quy hoạch tổng thể. Trong phần này cần ghi rõ các giải pháp chung và giải pháp cụ thể, đồng thời phân công tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể.

2.2. Lập đề cương quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương

2.2.1. Tên đề cương

Tên đề cương quy hoạch phát triển là một câu trọn vẹn, trong đó nêu loại hình quy hoạch (quy hoạch phát triển ngành), lĩnh vực quy hoạch, không gian (địa phương) quy hoạch, thời gian quy hoạch và tầm nhìn tiếp theo.

Ví dụ: Đề cương *"Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025".*

2.2.2. Nội dung đề cương quy hoạch tổng thể

Phần nội dung của quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế, nhưng thông thường có các nội dung sau (dưới đây là một quy hoạch cấp tỉnh có tính chất tham khảo để sinh viên có thể vận dụng, là đề cương quy hoạch tham khảo nên chúng tôi dùng từ địa phương để thay thế cho một tỉnh/ thành bất kỳ):

Phần mở đầu

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết phải xây dựng quy hoạch

Sau hơn nửa chặng đường triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ, địa phương đã có nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Những kết quả đạt được về tăng trưởng kinh tế, phát triển nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ, phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phúc lợi xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đã mở ra nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương, trong đó có nhu cầu phát triển thể dục thể thao.

Thể dục thể thao là một bộ phận của nền văn hoá xã hội, là phương tiện, phương pháp rèn luyện sức khoẻ thể chất và tinh thần của con người, phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng gia đình hạnh phúc. Công tác phát triển thể dục thể thao trong những năm qua được quan tâm thực hiện khá tốt thể hiện qua các mặt thể dục thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học, hoạt động thể thao thành tích cao, xã hội hóa thể dục thể thao cũng như đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục thể thao…

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, đánh giá một cách khách quan, công tác thể dục thể thao của địa phương trong những năm qua còn nhiều hạn chế, hoạt động thể thao manh mún, dàn trải, chưa có quy hoạch chiến lược, những định hướng phát triển dài hạn cũng như chưa tạo được đột phá trong hoạt động thể dục thể thao (cả thể thao quần chúng lẫn thành tích cao) nên hoạt động thể dục thể

thao của tỉnh chưa phát triển đúng tiềm năng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Điều đó đòi hỏi ngành thể dục thể thao tỉnh nhà cần phải có một quy hoạch phát triển ngành với những định hướng rõ ràng, mục tiêu cụ thể và có hệ thống các giải pháp khả thi, hiệu quả, đồng bộ nhằm tạo bước đột phá cho thể dục thể thao phát triển nhanh, bền vững, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương cũng như trong cả nước.

1.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Các văn bản của Trung ương Đảng.

- Các Nghị định của Chính phủ và các văn bản của Bộ, ngành liên quan về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch.

- Luật Thể dục, Thể thao và các văn bản của Chính phủ liên quan đến công tác thể dục thể thao.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm.

- Các văn kiện, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh,

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và chủ trương phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

- Niên giám thống kê và các tài liệu liên quan khác.

1.3. Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc và lộ trình lập quy hoạch

- Mục đích quy hoạch là cụ thể hóa quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao thành những nhiệm vụ, phương án phát triển có định hướng, lộ trình, giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả

quản lý và chỉ đạo các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh.

- Yêu cầu của quy hoạch phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử và những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; quy hoạch phải có tính đồng bộ và khả thi hóa; quy hoạch đúng quy trình từ cấp cơ sở (xã, phường) đến tỉnh.

Xây dựng quy hoạch phát triển là chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành và các địa phương dưới sự chỉ đạo của Chính phủ. Vì vậy, việc xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh; phù hợp với quy hoạch phát triển chung của ngành văn hóa, thể thao, du lịnh của tỉnh và với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành thể dục thể thao trong cả nước.

- Nguyên tắc xây dựng quy hoạch là phải có tính định hướng *(trên cơ sở dự báo)*, tính đồng bộ *(trên cơ sở các quy hoạch ngành và lãnh thổ)*, tính khả thi *(trên cơ sở các giải pháp và cách tổ chức thực hiện có hiệu quả)*, tính công khai trong *(trên cơ sở thu thập số liệu, lập và công bố quy hoạch)*

- Lộ trình xây dựng quy hoạch là: đánh giá thực trạng; dự báo các yếu tố tác động; quy hoạch phát triển cho từng nội dung hoạt động; các giải pháp và tổ chức thực hiện.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh tác động đến công tác thể dục thể thao

Phần này nêu khái quát các nội dung như vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, điều kiện dân số và phân bố dân số và

lực lượng lao động; truyền thống văn hoá, có truyền thống cách mạng kiên cường, có lực lượng lao động dồi dào, có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế theo hướng Dịch vụ – Công nghiệp – Du lịch. GDP tăng trưởng hàng năm, các thành tựu về công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, mức sống của người dân phát triển.

Quá trình hình thành và phát triển thể dục thể thao của địa phương gắn liền với các thời kỳ lịch sử phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và của đất nước, trong đó có nhiều thuận lợi về phát triển thể dục thể thao...

Đánh giá chung về những thuận lợi, khó khăn của công tác thể dục thể thao trước sự tác động của các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội nói trên.

Phần thứ nhất. Đánh giá hiện trạng thể dục thể thao

1. Hiện trạng phong trào thể dục thể thao cho mọi người

1.1. Người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao

- Tỷ lệ phân bố người tập thể dục thể thao thường xuyên theo địa giới (huyện thị); giới tính; lứa tuổi; đối tượng; thành phần kinh tế;

- Tỷ lệ hộ gia đình thể thao ở tỉnh, huyện – thị, theo thành phần kinh tế;

- Tỷ lệ người tập luyện theo các loại hình thể dục, các môn thể thao;

- Công tác khôi phục và phát triển các môn thể thao truyền thống dân tộc, phát triển các môn thể thao hiện đại, thể thao đại chúng;

1.2. Hiện trạng các hoạt động thi đấu thể thao quần chúng

- Tổ chức các giải, hội thi cấp tỉnh;

- Tổ chức hội thi ở cấp huyện, ngành;

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao cấp xã.

* Đánh giá ưu – nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của hiện trạng trên.

2. Hiện trạng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học

2.1. Tiểu học

- Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của học sinh tiểu học.

- Đội ngũ giáo viên thể dục tiểu học.

2.2. Trung học cơ sở

- Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của học sinh trong các trường trung học cơ sở.

- Đội ngũ giáo viên thể dục trung học sơ sở.

2.3. Trung học phổ thông

- Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của học sinh các trường trung học phổ thông.

- Đội ngũ giáo viên thể dục trung học phổ thông,

2.4. Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp

- Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của sinh viên, học sinh.

- Đội ngũ giáo viên thể dục thể thao trong HT giáo dục.

Chú ý khi phân tích thực trạng, cần tập trung các vấn đề: thực hiện giờ học thể dục nội khoá; hoạt động thể thao ngoại khoá; thực hiện tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định; tổ chức Hội khoẻ Phù đổng các cấp và các giải thể thao truyền thống hàng năm của học sinh, sinh viên...

* Đánh giá ưu nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của hiện trạng trên.

3. Hiện trạng phát triển thể thao thành tích cao

3.1. Phát triển lực lượng vận động viên

- Công tác phát triển vận động viên theo các tuyến, giới tính, lứa tuổi, năm tập luyện...;

- Công tác phát triển vận động viên theo các môn thể thao trọng điểm;

- Công tác phát triển vận động viên theo địa giới;

3.2. Về thành tích thể thao của vận động viên

Thành tích thể thao của vận động viên trong các giải thể thao, các kỳ đại hội, thi đấu trong và ngoài nước thể hiện qua các loại huy chương; xếp hạng; đẳng cấp VĐV...

3.3. Về đội ngũ huấn luyện viên

Thực trạng đội ngũ huấn luyện viên của các tuyến ở các môn thể thao trọng điểm và các môn thể thao khác; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các yếu tố liên quan đến công tác huấn luyện – đào tạo.

* Đánh giá ưu – nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của hiện trạng trên.

4. Hiện trạng hệ thống tổ chức quản lý và đội ngũ cán bộ ngành thể dục thể thao

4.1. Hiện trạng tổ chức bộ máy quản lý ngành thể dục thể thao

- Cấp tỉnh.
- Cấp huyện, thành phố.
- Cấp xã phường, thị trấn.
- Các tổ chức xã hội về thể dục thể thao ở địa phương.

4.2. Hiện trạng đội ngũ cán bộ thể dục thể thao (bao gồm cán bộ viên chức, trọng tài, hướng dẫn viên, cộng tác viên...).

- Cấp tỉnh.
- Cấp huyện.
- Cấp xã phường.
- Các tổ chức đoàn thể, xã hội, ngành... làm công tác thể dục thể thao.

4.3. Các chế độ, chính sách chung và chính sách đặc thù của tỉnh đối với người làm công tác thể dục thể thao

* Đánh giá ưu – nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của hiện trạng trên.

5. Hiện trạng công tác xã hội hóa thể dục thể thao

5.1. Về đa dạng hoá các loại hình tổ chức thể dục thể thao quần chúng

- Công tác vận động tuyên truyền, phổ biến tri thức, nâng cao nhận thức về hoạt động thể dục thể thao và công tác xã hội hoá thể dục thể thao tại địa phương..

- Khuyến khích xây dựng các loại hình luyện tập thể dục thể thao, các mô hình câu lạc bộ thể dục thể thao ở cơ sở bằng nguồn lực xã hội hoá;

- Khai thác mọi nguồn đầu tư tự nguyện trong nhân dân để mở rộng các hoạt động thể dục thể thao cơ sở.

- Phát triển các loại hình dịch vụ thể dục thể thao.

5.2. Phát triển hệ thống thi đấu thể dục thể thao thông qua hoạt động xã hội hoá

- Các giải thể thao phong trào.

- Các giải thể thao thành tích cao có huy động nguồn lực của xã hội.

5.3. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức đào tạo tài năng thể thao trẻ; đào tạo vận động viên thể thao ở trình độ cao

5.4. Khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhân dân, giảm bớt chi ngân sách Nhà nước

* Đánh giá công tác xã hội hoá thể dục thể thao của địa phương qua các mặt: thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

6. Hiện trạng sử dụng đất và hạ tầng cơ sở vật chất thể dục thể thao

6.1. Hiện trạng sử dụng đất dành cho hoạt động thể dục thể thao

- Vấn đề thực hiện các chủ trương, chính sách về dành đất cho công tác thể dục thể thao.

- Hiện trạng công tác quy hoạch và khai thác quỹ đất dành cho hoạt động thể dục thể thao của tỉnh.

6.2. Hiện trạng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao

- Hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao quần chúng.

- Hiện trạng cơ sở vật chất trong trường học từ tiểu học đến đại học.

- Hiện trạng cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao.

6.3. Đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao của địa phương

* Đánh giá ưu – nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của hiện trạng trên.

7. Thực trạng các hoạt động hỗ trợ sự phát triển thể dục thể thao của địa phương

7.1. Hoạt động đầu tư sản xuất, cung ứng hàng hoá, kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao.

7.2. Công tác khoa học công nghệ trong hoạt động thể dục thể thao

7.3. Công tác thông tin tuyên truyền về thể dục thể thao

7.4. Công tác quan hệ quốc tế về thể dục thể thao

7.5. Cơ cấu nguồn kinh phí dành cho hoạt động thể dục thể thao trong 5 năm qua

Chú ý:

1. Tiến hành khảo sát thu thập thực tế và chi tiết số liệu của tất cả các nội dung trên trong năm lập kế hoạch quy hoạch, đồng thời nên thống kê lại 5 năm trước đó để tính nhịp tăng trưởng.

2. Đánh giá theo đối tượng (nông dân, công nhân viên chức, thanh thiếu niên, người cao tuổi, lực lượng quân đội, công an...) và địa bàn (nông thôn, miền núi, đô thị).

3. Đánh giá cơ sở vật chất chủ yếu theo các quy định và tiêu chí hiện hành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Dự báo xu thế phát triển thể dục thể thao trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến sự phát triển thể dục thể thao của địa phương trong kỳ quy hoạch

1. Xu thế phát triển TDTT trong nước

+ Thuận lợi - cơ hội.

+ Khó khăn - Thách thức.

+ Xu thế phát triển thể dục thể thao và các môn thể thao trong các đại hội (Olympic, SEA Games, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc).

+ Xu thế áp dụng khoa học công nghệ trong thể dục thể thao.

2. Xu thế phát triển thể dục thể thao khu vực và các nước

+ Xu thế phát triển thể dục thể thao quần chúng.

+ Xu thế phát triển thể dục thể thao trường học.

+ Xu thế phát triển thể thao thành tích cao và chuyên nghiệp hóa.

+ Những xu thế phát triển mới trong thể dục thể thao của thế giới...

Phần thứ hai. Quy hoạch phát triển thể dục thể thao địa phương

1. Quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương án quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao trong kỳ quy hoạch

1.1. Quan điểm

- Công tác thể dục thể thao phải góp phần tích cực nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Xây dựng nền thể dục thể thao của tỉnh phát triển, tiến bộ có tính dân tộc, khoa học và nhân dân. Giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống dân tộc, đồng thời nhanh chóng tiếp thu những thành tựu khoa học hiện đại.

1.2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Vận dụng những phương pháp, biện pháp hữu hiệu nhằm xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động và thành tích thể dục thể thao của tỉnh; góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống

lành mạnh của nhân dân tỉnh nhà, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mục tiêu cụ thể: Tùy theo mục đích và yêu cầu quy hoạch phát triển, có thể đưa ra các mục tiêu dưới đây, mỗi mục tiêu kèm theo các chỉ tiêu định mức cụ thể.

- Phát triển thể dục thể thao cho mọi người.
- Phát triển thể thao thành tích cao.
- Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao.
- Đảm bảo các điều kiện phát triển thể dục thể thao.
- Phát triển dịch vụ thể thao....

2. Các nội dung và phương án phát triển

2.1. Phong trào thể dục thể thao quần chúng

Động viên, khuyến khích phong trào rèn luyện thân thể, tập luyện thể thao giữ gìn sức khoẻ trong nhân dân, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng ở các đối tượng người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao theo từng năm và chu kỳ 5 năm.

Xây dựng và phát triển hệ thống thi đấu thể dục thể thao quần chúng, chú trọng tăng số lượng và chất lượng vận động viên tham gia thi đấu theo định mức tăng trưởng hàng năm.

Dự báo theo chu kỳ 5 năm (ví dụ đến 2020, 2025 và 2030...) phải đạt các chỉ tiêu (quy hoạch cho từng mốc thời gian): Tỷ lệ người tập luyện thường xuyên/dân số; tỷ lệ hộ gia đình luyện tập/tổng số hộ; số giải thể thao được tổ chức

hàng năm (cấp xã, huyện, tỉnh); số môn thể thao quần chúng, thể thao dân tộc được duy trì và phát triển.

Các chỉ tiêu nói trên quy hoạch theo 3 khu vực: đô thị, đồng bằng ven biển; miền núi và theo các đối tượng nông dân, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, lao động tự do, người cao tuổi, người khuyết tật, dân tộc thiểu số...

2.2. Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao nhà trường

Dự báo theo chu kỳ 5 năm (ví dụ đến 2020, 2025...) phải đạt các chỉ tiêu về đảm bảo tỷ lệ trường học trong tỉnh thực hiện tốt các giờ học nội khoá, nâng cao chất lượng giảng dạy; tỷ lệ học sinh sinh viên đạt tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá thể lực; Tăng trưởng tỷ lệ học sinh sinh viên tập luyện và thi đấu thể dục thể thao ngoại khoá, tổ chức các giải thể thao trường học; nâng cao thứ hạng các kỳ Hội khoẻ Phù Đổng; chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, đảm bảo tỷ lệ giáo viên/học sinh sinh viên.

Các chỉ tiêu trên quy hoạch theo 4 cấp: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Đại học, Cao đẳng và dạy nghề.

2.3. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

- Phương án xây dựng lực lượng vận động viên.
- Phương án phát triển các môn thể thao và môn thể thao trọng điểm.
- Phương án xây dựng hệ thống đào tạo vận động viên.
- Xây dựng quy trình đào tạo vận động viên.

- Phương án đầu tư kinh phí cho thể thao thành tích cao:

Quy hoạch cho từng mốc thời gian (đến 2020, 2025, 2030...) theo các chỉ tiêu: Số lượng và trình độ của vận động viên, huấn luyện viên; số huy chương và thứ hạng phải đạt tại các kỳ đại hội thể dục thể thao và các giải quốc gia; số vận động viên đóng góp cho các đội tuyển quốc gia làm nhiệm vụ thi đấu quốc tế; quy hoạch phát triển các môn thể thao trọng tâm, mũi nhọn của tỉnh, phát triển lực lượng huấn luyện viên, vận động viên. Phấn đấu đến năm 2020 thành tích thể thao địa phương nằm trong tốp có thứ hạng cao trong cả nước.

2.4. Hệ thống tổ chức quản lý, đào tạo cán bộ thể dục thể thao

Xây dựng hệ thống bộ máy quản lý thể dục thể thao các cấp tỉnh, huyện thị, xã phường theo quy định và hướng dẫn của chính phủ, của các bộ ngành có thẩm quyền.

Quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục thể thao các cấp; mỗi xã, phường có 1 cộng tác viên thể dục thể thao được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, ưu tiên cộng tác viên là người dân tộc ở các xã miền núi, biên giới, hải đảo; cơ cấu cán bộ nghiệp vụ thể dục thể thao tại các Trung tâm Văn hoá Thể thao cấp huyện. Đến 2020 đảm bảo đủ cán bộ chuyên môn trong các thiết chế văn hoá thể thao; trong đó trên 80% cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng trở lên. Đảm bảo chuẩn hoá cán bộ theo quy định của Trung ương và của tỉnh...

2.5. Xã hội hóa thể dục thể thao

Một số chỉ tiêu xã hội hoá;

Các định hướng đẩy mạnh xã hội hóa:

- Đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa thể dục thể thao.

- Xác định các mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể thao.

- Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động xã hội hóa.

2.6. Phát triển hạ tầng vật chất kỹ thuật thể dục thể thao

- Xác định các chỉ tiêu tối thiểu về đất dành cho thể dục thể thao.

- Phương án bố trí sử dụng đất dành cho ngành thể dục thể thao.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, thể thao trường học, thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang và thể thao thành tích cao.

- Các thiết chế thể dục thể thao và cơ sở vật chất cấp thôn, xã, huyện và thành phố.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình thể thao và trang bị cơ sở vật chất đáp ứng đăng cai các giải thi đấu toàn quốc.

2.7. Các phương án hỗ trợ phát triển thể dục thể thao

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ trong các hoạt động huấn luyện, đào tạo vận động viên, huấn luyện viên.

- Các phương án phát triển trong hoạt động thông tin tuyên truyền về thể dục thể thao.

- Các hoạt động hợp tác quốc tế về thể dục thể thao.

- Dự kiến nguồn đầu tư tài chính: vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vốn sự nghiệp thể dục thể thao; vốn xã hội hoá...

- Định hướng chế độ chính sách ngành thể dục thể thao của tỉnh.

2.8. Các chương trình, dự án ưu tiên

- Chương trình xây dựng lực lượng vận động viên.

- Dự án đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao.

Phần thứ ba. Hệ thống các giải pháp và tổ chức thực hiện

1. Hệ thống các giải pháp thực hiện

1.1. Các giải pháp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người

Đẩy mạnh cuộc vận động *"Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"*.

Gắn với việc xét các danh hiệu gia đình văn hoá, làng văn hoá, tổ dân phố văn hoá, công sở văn hoá.

Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện thi đấu thể thao trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Duy trì ổn định lịch thi đấu các giải, hội thi, đại hội thể thao trên địa bàn tỉnh theo chu kỳ hàng năm, 2 năm và 4 năm.

Tăng cường liên kết ngang – dọc giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để chỉ đạo xây dựng và phát triển phong trào.

1.2. Các giải pháp về phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục thể chất trong nhà trường.

Nâng cao chất lượng dạy học chính khoá môn thể dục,

Ổn định và phát triển các giải thể thao trong học sinh, sinh viên .

Xây dựng các câu lạc bộ thể thao tự chọn trong trường học, mở các lớp học năng khiếu Thể dục thể thao trong các trường phổ thông.

Phối hợp chỉ đạo theo ngành dọc *(Giáo dục Đào tạo)* và ngành chuyên môn *(Thể dục thể thao)* dưới sự chỉ đạo Uỷ ban nhân dân các cấp.

1.3. Các giải pháp phát triển thể thao thành tích cao

Tập trung đầu tư nâng cao một số môn thể thao mũi nhọn, xây dựng hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao theo các tuyến.

Xây dựng Đề án thành lập "Trường/ trung tâm đào tạo thể dục thể thao".

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, huấn luyện vận động viên ở các tuyến từ năng khiếu đến tuyển.

Mở rộng không gian tìm kiếm và phát hiện các tài năng thể thao; kết hợp với nhà trường và gia đình trong việc phát hiện vận động viên tài năng.

Hướng dẫn các quy định kỹ thuật mới nhất của quốc tế để kịp thời vận dụng vào xây dựng cơ sở vật chất phù hợp nhu cầu tập luyện và có thể tổ chức thi đấu từ quy mô nhỏ đến lớn.

Tiêu chuẩn hóa và có chế độ đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao.

Giáo dục chính trị, tư tưởng và kiến thức văn hoá cho vận động viên.

Kết hợp tập huấn các đội tuyển tại địa phương với các địa phương khác ở các trung tâm tập huấn quốc gia và ở cả nước ngoài để nâng cao chất lượng và trình độ các đội tuyển của tỉnh.

1.4. Các giải pháp phát triển hệ thống tổ chức, nhân sự

Nâng chỉ tiêu đào tạo giáo viên thể dục thể thao đào tạo tại địa phương; tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học thể dục thể thao; khuyến khích các cơ sở đào tạo tư nhân, dân lập mở chuyên ngành thể dục thể thao.

Có chế độ, chính sách thu hút số vận động viên thể thao thành tích cao khi hết thành tích được đi học huấn luyện viên, cán bộ thể dục thể thao; ưu tiên vận động viên, học sinh là người dân tộc thiểu số.

Hàng năm cử cán bộ chuyên ngành thể dục thể thao đi đào tạo, đào tạo lại tại các trường bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, Trung ương hoặc nước ngoài.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để thu hút các loại cán bộ chuyên ngành thể dục thể thao yên tâm

phục vụ và cống hiến cho địa phương *(kể cả thu hút vận động viên từ các địa phương khác).*

1.5. Các giải pháp phát triển xã hội hoá thể dục thể thao

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hoá thể dục thể thao, tạo sức mạnh toàn xã hội, nhất là các doanh nghiệp cùng đầu tư xây dựng các công trình thể thao trên địa bàn.

Thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng, các liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh, huyện và ngành để thực thi các hoạt động tác nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cử cán bộ tham gia các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế.

Huy động nguồn tài chính của xã hội đầu tư cho thể thao thành tích cao, hướng tới chuyên nghiệp hóa thể thao.

Khuyến khích thành lập các cơ sở thể thao tư nhân trong việc đào tạo và chuyển nhượng vận động viên.

1.6. Giải pháp phát triển hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao

Phối hợp các sở, ban, ngành ở tỉnh tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích việc dành đất cho thể thao.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đất cho thể thao đã được phê duyệt, tránh lấn chiếm hoặc sử dụng sai mục đích.

Đảm bảo vốn đầu tư xây dựng và vốn sự nghiệp hàng năm để triển khai quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất cho thể thao trên địa bàn.

1.7. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ hỗ trợ thể dục thể thao

Ứng dụng khoa học công nghệ trong các hoạt động thể dục thể thao.

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các địa phương trong nước và nước ngoài để nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ thể dục thể thao.

Phát triển nguồn nhân lực về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ thể dục thể thao, cử đi học các chuyên ngành ở các trường đại học trong nước và nước ngoài.

Đầu tư kinh phí xây dựng, mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị khoa học thể dục thể thao, thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học thể thao cấp tỉnh.

Xây dựng bộ phận chuyên trách thực hiện công tác cập nhật thông tin mới về các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực thể dục thể thao.

1.8. Các giải pháp trong lĩnh vực thông tin tuyên truyền

Tăng cường tuyên truyền vận động quần chúng đến với thể dục thể thao, phổ biến kiến thức thể thao...

Tăng cường hợp tác với các cơ quan thông tin, báo đài... về công tác thông tin tuyên truyền về thể dục thể thao.

Phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực báo chí, thông tin tuyên truyền thể dục thể thao.

Tăng cường kinh phí hoạt động thông tin tuyên truyền thể dục thể thao.

1.9. Giải pháp về quan hệ quốc tế

Mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực thể dục thể thao.

Tìm hiểu, khảo sát, nghiên cứu những đặc điểm và khả năng của từng đối tác, từng nước và từng tổ chức xã hội về thể dục thể thao để định ra nội dung, hình thức hợp tác thích hợp.

1.10. Giải pháp đầu tư tài chính

Dự kiến nguồn vốn đầu tư, nguồn kinh phí hoạt động cho ngành thể dục thể thao tỉnh do ngân sách nhà nước cấp; nguồn kinh phí tự cân đối được sử dụng từ khoản thu trong các hoạt động của ngành.

Xây dựng đề án và thực hiện chính sách tạo vốn bằng các hình thức để đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động.

Lập kế hoạch và thực hiện kinh phí cấp theo chế độ trong các thời kỳ tập huấn trong nước và nước ngoài, mời chuyên gia.

Tạo nguồn thu tổ chức các cuộc thi đấu cấp tỉnh, cấp quốc gia, và các giải quốc tế...

2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Trách nhiệm chủ trì và phối hợp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương với các đơn vị, tổ chức liên quan.

2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

7. Trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

Phần phụ lục (kèm theo). Giới thiệu kế hoạch tổ chức thực hiện lập quy hoạch.

1. Các phương pháp lập quy hoạch

Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao địa phương được xây dựng dựa trên việc sử dụng tổng hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: qua phân tích, tổng hợp các văn kiện, nghị quyết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, Chính phủ, của các Bộ ngành liên quan và Đảng bộ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh và các tài liệu liên quan khác để đánh giá kết quả đạt được trong những năm qua, từ đó đề xuất các định hướng nội dung, giải pháp quy hoạch trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với tình hình mới.

- Phương pháp khảo sát: Lập các mẫu phiếu và tiến hành điều tra khảo sát thực tế để thu thập thông tin nhằm đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của địa phương.

- Phương pháp chuyên gia: thông qua tội thảo khoa học xin ý kiến đánh giá của các chuyên gia ở trung ương và địa phương trong lĩnh vực thể dục thể thao cũng như các vấn đề khác có liên quan.

- Phương pháp sơ đồ: sử dụng phần mềm hệ thống thông tin địa lý MapInfo xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch.

- Phương pháp toán học thống kê: để xử lý các kết quả điều tra thu thập và tính hệ số tăng trưởng.

- Các công cụ phân tích SWOT: sử dụng công cụ phân tích SWOT lồng ghép trong phương pháp phân tích và tổng hợp để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc phát triển sự nghiệp TDTT của địa phương,

2. Tổ chức thực hiện và sản phẩm

2.1. Các cơ quan tham gia thực hiện quy hoạch

- Cơ quan chủ đầu tư.
- Cơ quan tư vấn thực hiện.
- Cơ quan thẩm định.
- Cơ quan phê duyệt:.

2.2. Tiến độ thực hiện quy hoạch

Thời gian thực hiện khoảng 06 tháng kể từ khi đề cương, dự toán được phê duyệt. Dự kiến cụ thể theo trình tự nội dung công việc sau:

TT	Các nội dung nhiệm vụ chủ yếu	Tiến độ thực hiện (tháng thứ)					
		1	2	3	4	5	6
1	- Xây dựng và triển khai kế hoạch lập quy hoạch,	x					
	- Chuẩn bị mẫu Phiếu điều tra, xin ý kiến đóng góp chuyên gia	x					
	- Thu thập dữ liệu ban đầu	x					
	- Chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh các mẫu Phiếu điều tra	x					
	- Khảo sát một số cơ quan tư vấn và địa phương về Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao	x	x				
2	- Hội thảo tập huấn công tác điều tra		x				
	- Triển khai điều tra thu thập số liệu thực trạng về thể dục thể thao tại địa phương		x	x			
	- Tiến hành kế hoạch			x			

	khảo sát thực tế tại cơ sở, đôn đốc các đơn vị điều tra						
3	- Tập hợp báo cáo điều tra và xử lý phiếu điều tra; chuẩn bị tài liệu Hội thảo			x	x		
4	Dự thảo quy hoạch lần thứ nhất			x	x	x	
5	- Hội thảo nội bộ - Tiếp thu ý kiến Hội thảo, hoàn chỉnh dự thảo quy hoạch						x x
6	- Gửi xin ý kiến các sở, ban, ngành liên quan và tổ chức Hội thảo mở rộng - Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh đề án quy hoạch						x x
7	- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố thẩm định, phê duyệt quy hoạch. - Công bố quy hoạch						x x

2.3. Sản phẩm của dự án: bao gồm:

Tờ trình; báo cáo tổng hợp; bộ báo cáo tóm tắt; bộ bản đồ màu, tỷ lệ 1/100.000 – 1/250.000 quy hoạch cơ sở vật chất thể dục thể thao toàn tỉnh đến năm 2030. *(Tỷ lệ bản vẽ có thể được điều chỉnh để phù hợp với khổ giấy A_0).*

3. Kinh phí thực hiện: dự toán chi tiết kèm theo.

Ví dụ: Kinh phí thực hiện quy hoạch cho địa phương. Dự toán như sau:

A. Chi phí lập, thẩm định quy hoạch

1/ Tính theo định mức chi phí ban hành tại Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

$G_{QHT} = G_{chuẩn}$ x H1 + H2 + H3.

$G_{chuẩn}$ = 500.000.000đồng VN.

G_{QHT} mức chi phí cho quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

H1 (quy hoạch cấp tỉnh) = 1

H2 (tỉnh thuộc vùng kinh tế miền trung) = .2

H3 (tỉnh có diện tích 5.000 – 5.500 km^2) = 1,25

$G_{QHTDTT} = G_{QHT}$ x 0,3.

Thành tiền: **375,000,000 đồng**

2/ Căn cứ điểm a, mục 3, Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nhân thêm hệ số trượt giá do Tổng cục Thống kê và Niên giám thống

kê tỉnh các năm từ 2007 - 2011, chi phí lập quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh như sau:

375.000.000đ x (1,1 x 1,22 x 1,12 x 1,14 x 1,15)* = 744.807.155 đồng, (Lấy tròn số: 745.000.000 đồng)

Chú thích: (1,1 ... 1,15) là hệ số trượt giá theo từng năm.*

3/ Tổng chi phí thực hiện các nhiệm vụ trong quy hoạch:

745.000.000 đồng + 10% (thuế VAT) = 819.500.000đồng (Tám trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng).

B. Phân bố theo các hạng mục

Định mức chi cho các mục chi của đề án quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh

TT	Khoản mục chi phí	Tỷ lệ (%)	Mức chi tối đa (đồng)
	Tổng kinh phí mức tối đa	100	819,500,000
I	**Chi phí xây dựng đề cương và trình duyệt đề cương quy hoạch**	*3*	24,585,000
1	Chi phí xây dựng đề cương	2	16,390,000
2	Lập dự toán kinh phí theo đề cương đã thống nhất và trình duyệt	1	8,195,000

II	**Chi phí nghiên cứu xây dựng báo cáo dự án quy hoạch**	*83*	**680,185,000**
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	6	49,170,000
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	32,780,000
3	Chi phí khảo sát thực tế	20	163,900,000
4	Chi phí thiết kế quy hoạch (theo đề cương đã phê duyệt)	53	434,335,000
4.1	Phân tích đánh giá vai trò, vị trí ngành thể dục thể thao địa phương	*6*	49,170,000
4.2	Phân tích, dự báo các tiến bộ khoa học công nghệ và phát triển ngành của khu vực, của cả nước tác động tới phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	*3*	24,585.000
4.3	Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển ngành thể dục thể thao của tỉnh	*4*	32.780.000
4.4	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển thể dục thể thao của tỉnh	*3*	12,780,000

4.5	Nghiên cứu đề xuất các phương án phát triển	*6*	49,170,000
4.6	Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu	*20*	163,900,000
4.7	Xây dựng báo cáo tổng hợp và các báo cáo liên quan	*8*	65.560.000
4.8	Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch	*8*	65,560.000
III	**Chi phí quản lý và điều hành**	**14**	**114,730,000**
1	Chi phí quản lý dự án của Ban quản lý	4	32,780,000
2	Chi phí hội thảo và xin ý kiến chuyên gia	4	32,780,000
3	Chi phí thẩm định và hoàn thiện báo cáo tổng hợp quy hoạch theo kết luận thẩm định của Hội đồng thẩm định	2	16,390,000
4	Chi phí công bố quy hoạch	4	32,780,000

4. Trình bày báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển thể dục thể thao

Dẫn chứng báo cáo tóm tắt do trường Đại học thể dục thể thao Đà Nẵng tư vấn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam năm 2011.

MỞ ĐẦU

Trên cơ sở đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tỉnh Quảng Nam đang nỗ lực phấn đấu xây dựng thành một trung tâm kinh tế văn hóa phát triển ở khu vực miền Trung – Tây nguyên. Trong xu hướng đó và với vị trí đặc biệt quan trọng của tỉnh Quảng Nam, ngành thể dục thể thao Tỉnh cần thiết phải có một quy hoạch tổng thể phát triển dài hạn, định hướng rõ ràng, mục tiêu cụ thể và có hệ thống các giải pháp khả thi, hiệu quả, đồng bộ nhằm đẩy nhanh, tạo bước đột phá mới cho thể dục thể thao tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững.

Mục đích của quy hoạch là cụ thể hóa quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao thành những nhiệm vụ, phương án phát triển có định hướng, lộ trình, giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chỉ đạo các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh, bảo đảm sự phát triển nhanh, vững chắc nền thể dục thể thao tỉnh.

Quy hoạch này nằm trong tổng thể mạng lưới quy hoạch thống nhất của ngành thể dục thể thao trong cả nước và phát triển hài hoà cùng với các lĩnh vực văn hoá, du lịch của tỉnh Quảng Nam.

I. HIỆN TRẠNG SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH QUẢNG NAM

1. Một số thành tựu

Trong những năm qua phong trào tập luyện thể dục thể thao của nhân dân tỉnh Quảng Nam đã có bước phát triển tốt từ thành thị đến nông thôn, miền núi; thu hút nhiều đối tượng tham gia tập luyện. Tính đến năm 2010, cả tỉnh có 21,39% dân số thường xuyên tập luyện thể dục thể thao; có 14,97% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao. Có khoảng 214 câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động thường xuyên. Thể dục thể thao vùng dân tộc thiểu số được phát triển. Các môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển, đặc biệt là ở vùng dân tộc miền núi.

Về công tác giáo dục thể chất, năm học 2009 - 2010, cả tỉnh có 100% trường học triển khai chương trình giáo dục thể chất chính khóa, có 60,50% trường tổ chức học tập ngoại khóa; 100% các trường tổ chức ít nhất 1 - 2 giải thi đấu thể thao/năm. Số lượng đội ngũ giáo viên thể dục thể thao tăng, trình độ được cải thiện. Số giáo viên thể dục kiêm nhiệm giảm đáng kể ở tất cả các cấp học. Hầu hết các trường đều có sân tập để dạy học môn thể dục và tổ chức tập luyện một số môn thể thao phổ biến.

Về thể thao thành tích cao đã xây dựng được các môn thể thao thế mạnh, hình thành hệ thống đào tạo vận động viên các tuyến. Năm 2010 tỉnh có 216 vận động viên, lượng vận động viên tăng dần và phân bố ở các tuyến (học sinh năng khiếu 23,14%, đội năng khiếu 29,72%, đội tuyển trẻ 21,74%, đội tuyển 24,46%) cho thấy các môn thể thao

trọng điểm của tỉnh đã bước đầu hình thành hệ thống huấn luyện bài bản, nhất là ở một số môn có thế mạnh như Điền kinh, Taekwondo, Karatedo...

Thành tích thể thao có nhiều tiến bộ, thể hiện qua số huy chương các loại đạt được tại các giải thi đấu. Các môn trọng tâm được đầu tư phát triển đạt thành tích cao hơn (Karatedo, Taekwondo, Võ cổ truyền).

Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao có sự phát triển khá tốt, trong đó số cán bộ, viên chức, huấn luyện viên có trình độ chuyên môn đại học và sau đại học thể dục thể thao trẻ chiếm tỷ lệ hơn 50% là lực lượng quan trọng, phục vụ lâu dài cho thể dục thể thao tỉnh nhà. Về huấn luyện viên có 70,59% trình độ đại học và sau đại học, là nguồn nhân lực khá tốt phục vụ cho công tác huấn luyện chuyên môn của ngành thể dục thể thao.

Về cơ sở vật chất, có 2 công trình thể thao đủ tiêu chuẩn thi đấu quốc gia và quốc tế. Có hơn 500 công trình thể thao công cộng phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của nhân dân. Có 60 - 70% xã, phường, thị trấn đã dành đất cho thể dục thể thao, trong đó khoảng 30% xã, phường có sân bóng, hồ bơi, nhà tập.

Về công tác xã hội hoá thể dục thể thao bước đầu đã khai thác được tiềm năng của các nguồn lực xã hội để đầu tư, xây dựng các cơ sở vật chất thể thao. Nhiều câu lạc bộ thể dục thể thao được thành lập và hoạt động có hiệu quả, làm phong phú thêm hệ thống thể dục thể thao từ cấp xã,

huyện tới cấp tỉnh, thu hút các đối tượng tham gia tập luyện và thi đấu, góp phần tăng cường chất lượng thi đấu; tạo nguồn phát hiện và bổ sung tài năng thể thao của tỉnh. Các loại hình kinh doanh Gofl, Billiard, các môn thể hình, thẩm mỹ, thể thao giải trí, võ thuật... có xu hướng phát triển ở các khu đô thị, khu du lịch, nghỉ dưỡng (Hội An, Tam Kỳ, Điện Bàn).

Nguồn kinh phí dành cho các hoạt động thể dục thể thao của tỉnh giai đoạn 2005 – 2010 là 178.314 (triệu đồng). Trong đó nguồn kinh phí phục vụ cho công tác thể dục thể thao chủ yếu được trích từ nguồn ngân sách nhà nước, chiếm tỷ lệ: 86,70%; nguồn thu sự nghiệp và hoạt động dịch vụ chiếm tỷ lệ 8,90%; nguồn thu từ xã hội hoá, liên doanh liên kết và các hoạt động tài trợ cho sự nghiệp thể dục thể thao chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn chỉ khoảng 4,40%.

2. Tồn tại, yếu kém

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển chưa đều, chất lượng chưa cao. Các vùng núi, biên giới thiếu phương tiện tập luyện và hướng dẫn viên thể dục thể thao. Các nội dung và hình thức tổ chức hoạt động thể dục thể thao thiếu đa dạng, phong phú. Chưa khai thác hết thế mạnh các môn thể thao truyền thống ở từng địa phương. Việc xây dựng và quản lý các đơn vị cơ sở, các câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở còn hạn chế.

- Giáo dục thể chất trong trường học chưa được giáo viên, cán bộ quản lý tích cực quan tâm. Việc tổ chức các

hoạt động ngoại khoá, thi đấu thể thao còn ít, nhiều nơi chưa nề nếp. Một số cơ sở đào tạo thiếu sân bãi, dụng cụ đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu của học sinh, sinh viên. Chương trình chính khóa cũng như nội dung ngoại khóa còn nghèo nàn, chưa thu hút học sinh, sinh viên.

- Về thể thao thành tích cao, việc phân bố vận động viên còn bất cập. Quy trình đào tạo chưa đồng bộ, thiếu các điều kiện đảm bảo (kinh phí, cơ sở vật chất, chế độ chính sách...). Đội ngũ huấn luyện viên chưa đủ đáp ứng cho công tác huấn luyện ở giai đoạn hoàn thiện. Việc quản lý vận động viên chưa chặt chẽ do chỗ ăn, ở, sinh hoạt, học tập của vận động viên chưa ổn định.

- Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao còn mỏng so với yêu cầu phát triển, tỷ lệ cán bộ trên số lượng người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên quá thấp (1/1.553). Cấp cơ sở hầu như không có cán bộ chuyên trách thể dục thể thao.

- Mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao còn hạn chế. Diện tích đất dành cho xây dựng các công trình thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân chưa đảm bảo yêu cầu theo các quy định hiện hành. Việc đầu tư xây dựng các Trung tâm thể dục thể thao, các công trình thể dục thể thao ở cấp huyện/ thành phố chậm và chưa đồng bộ, còn phụ thuộc vào tiềm năng kinh tế của từng huyện/ thành phố.

3. Nguyên nhân

* *Nguyên nhân khách quan:* Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và cộng đồng xã hội cho thể dục thể thao

còn thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thể thao còn thiếu thốn, lạc hậu; chưa chú trọng đầu tư cho khoa học công nghệ và kỹ thuật thể dục thể thao. Tỷ trọng đầu tư của Nhà nước và xã hội cho thể dục thể thao trong những năm qua tuy có xu hướng tăng song vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thể dục thể thao của tỉnh.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý thể dục thể thao các cấp đối với hoạt động thể dục thể thao cơ sở chưa sâu sát. Thiếu các kế hoạch trung hạn và dài hạn; các chương trình, dự án phát triển thể thao thành tích cao.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ về vai trò của công tác phát triển thể dục thể thao quần chúng chưa đúng và đủ. Việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia vào các hoạt động thể dục thể thao còn mang tính hình thức, thiếu gắn bó với thực tiễn đời sống và phong tục, tập quán của đồng bào địa phương. Chưa chú trọng chỉ đạo và đầu tư cho thể dục thể thao trường học.

- Chưa có chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và quản lý công tác phát triển thể thao thành tích cao; công tác chuyển giao một số hoạt động tác nghiệp trong hoạt động thể dục thể thao cho các tổ chức xã hội còn chậm.

- Một số chính sách, chế độ đối với giáo viên thể dục trong các cơ sở giáo dục đào tạo, đối với vận động viên, huấn luyện viên chưa phù hợp với thực tiễn.

- Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp đối với huấn luyện viên, vận động viên... chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có quy hoạch nguồn nhân lực thể dục thể thao, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý.

II. QUAN ĐIỂM – MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2025

1. Quan điểm

- Xây dựng nền thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam phát triển, tiến bộ có tính dân tộc, khoa học và nhân dân. Giữ gìn phát huy bản sắc và truyền thống dân tộc, đồng thời nhanh chóng tiếp thu những thành tựu khoa học hiện đại.

- Xây dựng chiến lược phát triển thể thao thành tích cao phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; xây dựng hệ thống đào tạo vận động viên mang tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả. Đổi mới toàn diện quan điểm và định hướng xã hội hóa thể dục thể thao với mục tiêu phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp phát triển thể dục thể thao và tạo điều kiện để toàn xã hội thụ hưởng giá trị của thể dục thể thao ngày càng nhiều.

- Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật thể dục thể thao của tỉnh góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng các thiết chế phục vụ đào tạo vận động viên, phục vụ phát triển các loại hình thể dục thể thao quần chúng, trường học, giải trí...

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần; giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh của nhân dân tỉnh Quảng Nam. Đẩy mạnh các hoạt động thể thao thành tích cao, đưa thành tích thể thao tỉnh Quảng Nam đạt vị trí từ 32 - 36 tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2014 và trong nhóm 30 tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2018.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; chú trọng các địa bàn nông thôn, vùng núi; xây dựng mạng lưới cán bộ, hướng dẫn viên làm nòng cốt cho phong trào. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.

- Hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao tỉnh nhà. Hoàn thiện các chính sách, cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hoá thể dục thể thao nhằm huy động nguồn lực tham gia phát triển thể thao thành tích cao, tạo động lực thúc đẩy thành tích thể thao của tỉnh vươn lên trong nhóm 30 tỉnh, thành mạnh của cả nước về thể dục thể thao trong thời kỳ quy hoạch.

- Đổi mới cơ bản về nhận thức, giải pháp thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao; tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục thể thao; chuyển giao hoạt động tác nghiệp về thể thao cho các tổ

chức xã hội - nghề nghiệp. Phát triển dịch vụ thể thao gắn với du lịch, đẩy mạnh hoạt động thể thao giải trí tạo nguồn kinh phí hoạt động cho ngành ngoài ngân sách nhà nước.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH SỰ NGHIỆP TDTT TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2010 - 2020, TẦM NHÌN ĐẾN 2025

1. Phong trào TDTT cho mọi người

Động viên, khuyến khích phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân, đảm bảo các chỉ tiêu về người tập thể dục thể thao thường xuyên đến năm 2015 đạt 26,74%, 2020 đạt 32,09% và năm 2025 đạt 37,44%. Số gia đình thể thao ở các thời kỳ tương ứng là 21,77%, 25,00% và 28,00% dân số.

Định hướng phát triển và phân bố các nhóm môn thể thao ở vùng đồng bằng và miền núi theo 3 hướng: những môn thể thao phát triển mạnh; những môn thể thao phát triển trung bình và những môn có hướng phát triển.

Xây dựng và phát triển hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cả về số lượng và chất lượng. Định mức tăng trưởng 15% vận động viên mỗi năm các giải đấu cấp tỉnh.

2. Giáo dục thể chất trong trường học

100% trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khoá và đạt tiêu chuẩn kiểm tra về sức khỏe; 65-75% trường đảm bảo có hoạt động thể thao ngoại khoá. Chỉ tiêu về giáo viên thể dục/ học sinh đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thể thao thành tích cao

Về xây dựng lực lượng vận động viên, giai đoạn 2010 - 2015 hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao từ cấp huyện đến cấp tỉnh, đảm bảo phát triển đều ở 4 tuyến.

Tập trung đầu tư có trọng điểm ở các môn thể thao, đảm bảo chỉ tiêu vận động viên/huấn luyện viên đến năm 2015 là 351/35. Giai đoạn sau 2015 phát triển hệ thống đào tạo tài năng thể thao theo hướng chuyên nghiệp hóa; quy hoạch phát triển vận động viên và huấn luyện viên giai đoạn 2020 là 525/58 và năm 2025 là 753/94. Thành tích thể thao đạt được tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng vận động viên.

Về phát triển môn thể thao, giai đoạn 2011 - 2015 phát triển và duy trì thường xuyên từ 17 - 20 môn thể thao; giai đoạn sau năm 2015 hình thành 3 nhóm môn thể thao, nhóm 1 là những môn thể thao trọng điểm, nhóm 2 gồm các môn có phong trào phát triển rộng; nhóm 3 là những môn thể thao dân tộc, thể thao giải trí nhằm quảng bá dịch vụ du lịch. Phát triển một số môn thể thao chuyên nghiệp.

Kinh phí cho chương trình đào tạo VĐV giai đoạn 2011 - 2015 được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng chính phủ, Thông tư Liên tịch số 127/TTLT của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Kinh phí dự toán cho 1 vận động viên/ năm của từng tuyến thể thao như sau:

- Đào tạo cơ sở: 13.950.000 đồng;
- Học sinh năng khiếu: 26.950.000 đồng;

- Tuyến VĐV năng khiếu: 41.900.000 đồng;
- Tuyến VĐV đội tuyển trẻ: 56.850.000 đồng;
- Tuyến VĐV đội tuyển tỉnh: 82.750.000 đồng.

Kinh phí đầu tư ở giai đoạn sau 2015 được điều chỉnh phù hợp với từng năm và mức độ chuyên nghiệp hóa các môn thể thao theo quy hoạch.

4. Hệ thống tổ chức quản lý và đào tạo cán bộ thể dục thể thao

Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ cấp tỉnh đến huyện, xã theo các văn bản quy định hiện hành của Chính phủ. Thành lập Liên đoàn, Hiệp hội các môn thể thao, thực hiện các chức năng quản lý tổ chức hoạt động của tất cả các tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao theo xu hướng xã hội hóa. Củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các liên đoàn, hội thể thao các môn trọng điểm và các môn có phong trào phát triển mạnh.

Về đội ngũ cán bộ thể dục thể thao, tăng cường và chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, viên chức có trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành thể dục thể thao. Đảm bảo mỗi xã/ phường/ thị trấn có ít nhất 01 nhân sự phụ trách về công tác thể dục thể thao; cán bộ phụ trách công tác này ở cơ sở phải được đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa nghiệp vụ.

5. Phát triển mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao, đến năm 2015 hoàn thành quy hoạch đất cho thể thao, đảm bảo các huyện, xã đạt chuẩn theo Thông tư số 11 và 12/2010/TT

ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong đó:

+ Vùng đồng bằng có 70% thôn có ít nhất 01 sân tập thể dục thể thao diện tích tối thiểu 2.000m^2, 60% xã có sân bóng đá diện tích tối thiểu 15.000m^2; từ 3 - 5 xã có 01 bể bơi đơn giản trong khu trường học; 100% huyện, thành phố có ít nhất 2/3 công trình thể dục thể thao cấp huyện.

+ Vùng miền núi có 70% thôn có ít nhất 01 sân tập thể dục thể thao diện tích tối thiểu 1.500m^2, 50% xã có sân bóng đá diện tích tối thiểu 15.000m^2, từ 4 - 6 xã có 1 bể bơi đơn giản, 80% huyện có ít nhất 2/3 công trình thể dục thể thao cấp huyện.

+ Khu đô thị có ít nhất 2/3 công trình thể dục thể thao và một số sân bãi tập luyện khác; Đối với các khu chung cư mới được xây dựng phải có ít nhất 1 sân tập thể thao/khu chung cư; đối với các chung cư liền kề phải có ít nhất 1 công trình thể thao/2.500dân.

Giai đoạn 2015 - 2020, vùng đồng bằng có 100% xã có ít nhất 1/3 công trình thể thao và 50% xã có ít nhất 2/3 công trình thể thao. Vùng miền núi có 80% xã có ít nhất 1/3 công trình thể thao và 50% xã có ít nhất 2/3 công trình thể thao.

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao trong trường học và lực lượng vũ trang được bổ sung hoàn thiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, ưu tiên xây dựng các nhà tập và bể bơi.

Nhu cầu đất xây dựng công trình thể thao tỉnh giai đoạn 2011 – 2020 là 578 ha. Các phương án xây dựng chi tiết được trình bày trong quy hoạch. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình, thiết bị thể dục thể thao gồm nguồn vốn nhà nước từ ngân sách trung ương và địa phương, từ hoạt động xã hội hoá, nguồn tài trợ của các đơn vị kinh tế xã hội và nhân dân. Cơ cấu nguồn vốn hàng năm điều chỉnh theo hướng tăng dần tỷ lệ huy động nguồn vốn xã hội hoá thể dục thể thao, đến giai đoạn 2021-2025 đạt 40% trong nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thể dục thể thao.

IV. HỆ THỐNG CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người

- Thực hiện Luật Thể dục, Thể thao và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng các chương trình phát triển nội dung, hình thức tập luyện thể dục thể thao cho mọi người.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp đối với phong trào thể dục thể thao của các địa phương trong tỉnh.

- Phổ biến các hình thức, nội dung, phương pháp, chỉ tiêu, tiêu chuẩn tập luyện thể dục thể thao; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thể dục thể thao quần chúng.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên thể dục thể thao cơ sở.

2. Giải pháp phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong trường học

- Tiếp tục tăng cường đổi mới nhận thức về giáo dục thể chất và thể thao trường học trong toàn xã hội.

- Thực hiện tốt chương trình giáo dục thể chất ở các cấp học, bậc học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức các hoạt động tập luyện và thi đấu để tăng số lượng các trường có tổ chức giờ hoạt động thể thao ngoại khóa, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng.

- Chú trọng phát triển các hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao ngoại khóa thường xuyên một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn các trường.

- Cải tiến hệ thống thi đấu thể thao trong trường học, Hội khỏe Phù Đổng các cấp cho phù hợp với nhu cầu của học sinh sinh viên và xu thế phát triển.

- Xây dựng Đề án đăng cai tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng 2020.

- Cải tiến hệ thống quản lý công tác giáo dục thể chất, thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao trường học làm đơn vị cơ sở và được coi là tế bào của hệ thống này.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên thể dục cho hệ thống trường học, bồi dưỡng nghiệp vụ cho từng giáo viên kiêm nhiệm thể dục ở các trường tiểu học và trung học cơ sở.

- Quy hoạch lại diện tích đất dành cho các công trình thể dục thể thao ở các trường học. Có kế hoạch đầu tư xây dựng liên thông các công trình thể dục thể thao giữa các trường để đảm bảo phát huy hết hiệu quả sử dụng. Kết hợp đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm thu hút đầu tư và tham gia của xã hội trong các trường học.

- Ban hành văn bản về các chế độ, chính sách thích hợp để đảm bảo có các trường đạt chuẩn về thể dục thể thao.

3. Giải pháp phát triển thể thao thành tích cao

- Các trung tâm Văn hóa Thể thao huyện tập trung đầu tư một số môn thể thao mũi nhọn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo vận động viên.

- Mở rộng không gian tìm kiếm và phát hiện các tài năng thể thao.

- Kết hợp với nhà trường, phụ huynh trong việc phát hiện tài năng thể thao.

- Ưu tiên mọi điều kiện đảm bảo tốt nhất để xây dựng hệ thống tài năng theo các tuyến năng khiếu dành cho vận động viên lứa tuổi 12 - 14.

- Quy trình hóa công nghệ tuyển chọn và huấn luyện; xây dựng hệ thống tổ chức tuyển chọn vận động viên, chương trình đào tạo dài hạn, hệ thống thi đấu.

- Tiêu chuẩn hóa trình độ huấn luyện viên.

- Thực hiện chuyên nghiệp hóa thể thao một số môn thể thao với sự đầu tư của các đơn vị kinh tế.

4. Giải pháp về hệ thống tổ chức, nhân sự thể dục thể thao

- Tiến hành kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về thể dục thể thao từ cấp tỉnh đến các cấp cơ sở theo các văn bản quy định.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm. Đào tạo lại các cán bộ đại học hoặc học sau đại học, quy hoạch số huấn luyện viên có trình độ chuyên môn cao ở một số môn thể thao mũi nhọn của tỉnh.

- Phối hợp mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho các huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cán bộ quản lý thể dục thể thao ở cơ sở...

- Phát huy cơ sở vật chất của tỉnh, tổ chức đăng cai các giải thi đấu quốc gia, quốc tế các môn mạnh của tỉnh.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức và phong trào thể dục thể thao cơ sở.

5. Giải pháp phát triển hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao

- Xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý đất đai.

- Xây dựng và đưa vào sử dụng các trung tâm thể thao đã được duyệt.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nâng cấp củng cố các công trình, cơ sở vật chất thể dục thể thao quần chúng ở xã, phường, thị trấn và các trường học.

- Khuyến khích các tổ chức, gia đình có vốn, có mặt bằng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ vui chơi giải trí, tổ chức các dịch vụ thể dục thể thao.

- Phối hợp thống nhất với các ban ngành liên quan trong việc xét duyệt xây dựng các chung cư cần phải có mặt bằng giành cho hoạt động thể thao. Việc xây dựng cơ sở vật chất

đến cấp xã phường, lưu ý ngay từ lúc quy hoạch lại kinh tế – xã hội – văn hóa của từng huyện/ thành phố.

- Ưu đãi, tạo điều kiện kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trung tâm thể dục thể thao. Phát triển liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước để đầu tư cho các công trình thể thao.

6. Giải pháp về đầu tư tài chính

- Cấp đủ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn vốn đầu tư hằng năm cho ngành thể dục thể thao.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực của toàn xã hội, kêu gọi sự đầu tư của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội vào các dự án thể thao như sân vận động, nhà tập luyện - thi đấu, bể bơi, công viên thể thao...

- Nguồn kinh phí tự cân đối được sử dụng từ khoản thu trong các hoạt động của ngành chiếm tỷ lệ 20 - 30% so với kinh phí do ngân sách cấp (không kể tài trợ và nguồn chi của đội bóng chuyên nghiệp).

- Xây dựng đề án và thực hiện chính sách tạo vốn bằng các hình thức mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao nhằm tăng nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức thực hiện

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan và địa

phương trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển thể dục thể thao tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch và báo cáo Ủy ban nhân dân theo định kỳ; tổ chức sơ kết theo từng giai đoạn 2015, 2020 và tổng kết việc thực hiện Quy hoạch vào cuối năm 2025.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và thực hiện các kế hoạch về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học, hoạt động tổ chức thi đấu thể thao và Hội khỏe Phù Đổng; xây dựng và triển khai đề án trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao; thực hiện định kỳ việc điều tra đánh giá thể chất và sức khỏe của học sinh, sinh viên; phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển ngành thể dục thể thao.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các sở ngành và các địa phương đưa kế hoạch phát triển thể dục thể thao vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ưu tiên dành đất cho xây dựng các công trình thể thao; huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho phát triển thể dục thể thao và đầu tư xây dựng, mua sắm các công trình, thiết bị thể thao.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch ngân sách thể dục thể thao hàng năm bảo đảm kinh phí thực

hiện Quy hoạch; bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư cho thể dục thể thao; xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế - xã hội đầu tư phát triển thể dục thể thao.

- Các sở, ban, ngành phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các tổ chức và địa phương liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Quy hoạch theo chức năng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Uỷ ban nhân dân các huyện/ thành phố trực thuộc chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm và hàng năm phù hợp với Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Kiến nghị

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với sự nghiệp phát triển thể dục thể thao, coi công tác thể dục thể thao là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo lồng ghép việc triển khai thực hiện phát triển thể dục thể thao của tỉnh với các chương trình mục tiêu quốc gia (như Chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phòng chống biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai...) có liên quan đến xây dựng, phát triển cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phục vụ hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn.

- Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thống nhất mô hình tổ chức ngành Văn hóa, Thể thao các cấp và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo đủ cơ sở vật chất, quỹ đất dành cho hoạt động thể dục thể thao.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư và liên doanh, liên kết trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển thể dục thể thao địa phương đến năm 2020. Đẩy mạnh tổ chức thực hiện các chương trình, đề án trọng điểm, đặc biệt đối với các đề án thể thao chuyên nghiệp, thể thao giải trí, thể thao gắn với văn hóa và du lịch.

- Cấp kinh phí và thực hiện các chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh theo các quy định của chính phủ đã được ban hành.

- Có chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực thể dục thể thao trong các hoạt động lấy thu bù chi, miễn thuế bán vé và quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu, sân bãi thể dục thể thao và trong các cuộc tổ chức thi đấu.

Tóm tắt chương 8

1. Quy hoạch phát triển thể dục thể thao có các nội dung: (1) Phân tích tiềm năng, đánh giá thực trạng phát triển và dự báo các yếu tố tác động đến thể dục thể thao thời kỳ quy hoạch. (2) Luận chứng các phương án mục tiêu phát triển. (3) Xác định các nhiệm vụ và giải pháp.

2. Khi xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao, cần tôn trọng xu thế, quy luật khách quan cũng như sự phát triển kinh tế xã hội, quy luật kinh tế thị trường, quy luật phát triển khoa học công nghệ thể dục thể thao. Đồng thời bám sát cơ sở văn bản nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và các bộ, ngành, địa phương liên quan.

3. Quy trình lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao được thực hiện theo trình tự: (1) Tổng hợp các kết quả nghiên cứu liên quan đến việc lập quy hoạch; (2) Đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển thể dục thể thao; (3) Xác định vị trí, vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với phát triển xã hội và kinh tế; (4) Xây dựng và lựa chọn phương án quy hoạch phát triển;(5) Lập báo cáo quy hoạch phát triển; (6) Thông báo quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nội dung một đề cương quy hoạch tổng thể ngành văn hóa, thể thao thể thao và thể thao thường có các phần: Mở đầu; Khái quát điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng quy hoạch; Đánh giá hiện trạng lĩnh vực quy hoạch; Phân tích tổng thể các vấn đề được quy hoạch; Định hướng phát triển; Các chương trình, dự án đầu tư; Đánh giá môi trường; Các giải pháp thực hiện.

5. Đề cương quy hoạch phát triển thể dục thể thao cấp địa phương gồm có các phần: Đặt vấn đề; Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương tác động đến công tác

thể dục thể thao; Đánh giá hiện trạng thể dục thể thao; Dự báo xu thế phát triển thể dục thể thao trong nước và quốc tế; Nội dung quy hoạch phát triển thể dục thể thao (quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch, phương án phát triển các lĩnh vực...); Các giải pháp và tổ chức thực hiện.

6. Dẫn chứng tham khảo một báo cáo tóm tắt về quy hoạch của địa phương do Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng tư vấn.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích các nội dung của quy hoạch phát triển thể dục thể thao?

2. Nêu trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao?

3. Đề cương của một quy hoạch phát triển thể dục thao thường gồm có những phần nào? Hãy phân tích?

4. Xây dựng một đề cương quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương anh (chị) sinh sống?

5. Bản tóm tắt một báo cáo quy hoạch thể dục thể thao thường trình bày những nội dung gì?

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới.*

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *244 tình huống giải đáp những vấn đề cốt yếu trong công tác quản*

lý – đào tạo – phát triển ngành thể dục thể thao, Nhà xuất bản Lao động.

3. Dương Nghiệp Chí (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

4. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

5. Nguyễn Văn Phúc (2008), *Quản lý dự án cơ sở lý thuyết và thực hành,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2011), *Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.*

Chương 9
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO Ở ĐỊA PHƯƠNG

Mục tiêu

Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao- một công cụ quản lý và điều hành các hoạt động thể dục thể thao ở thời kỳ ngắn hạn (1 năm) hoặc trung hạn (5 năm).

Học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận biết ý nghĩa của việc lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao ở từng giai đoạn cụ thể;

- Nắm vững các căn cứ lập kế hoạch phát triển;

- Thực hiện quy trình và nội dung lập kế hoạch trung hạn;

- Thực hiện quy trình và nội dung lập kế hoạch ngắn hạn;

- Gắn kết kế hoạch hàng năm và năm năm.

1. Tổng quan kế hoạch phát triển thể dục thể thao

1.1. Khái niệm

Chương 7 và Chương 8 đã đề cập một cách tổng quát chiến lược phát triển và quy hoạch phát triển trong hệ thống kế hoạch hóa phát triển thể dục thể thao của nước ta. Trong

đó, chiến lược đóng vai trò định hướng, xác định tầm nhìn dài hạn thường ở cấp quốc gia; còn quy hoạch đi sâu vào định hướng về không gian và lĩnh vực tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, để quản lý điều hành các hoạt động diễn ra trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể, chúng ta cần phải dựa trên những công cụ cụ thể hơn, kế hoạch phát triển ngắn hạn và trung hạn là một trong những công cụ ấy.

Trong lĩnh vực quản lý thể dục thể thao, văn bản Kế hoạch phát triển là một công cụ quản lý và điều hành các hoạt động thể dục thể thao, nó xác định một cách hệ thống những hoạt động nhằm phát triển thể dục thể thao theo những mục tiêu, chỉ tiêu và các cơ chế, chính sách sử dụng trong một thời kỳ nhất định.

Kế hoạch phát triển thể dục thể thao có thể phân thành hai nhóm là các kế hoạch mục tiêu và các kế hoạch biện pháp. Kế hoạch mục tiêu là những kế hoạch có tính chất phát triển trong các lĩnh vực thể dục thể thao nhằm cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả các chiến lược, quy hoạch. Kế hoạch biện pháp mang tính chất tác nghiệp đơn thuần như kế hoạch vốn, kế hoạch ngân sách dành cho hoạt động thể dục thể thao...

Xét theo góc độ thời gian, có thể chia thành các loại kế hoạch dài hạn (10 năm), kế hoạch trung hạn (3 - 5 năm) và kế hoạch ngắn hạn (1 năm và dưới 1 năm). Ở nước ta hiện nay, kế hoạch trung hạn (thường là 5 năm) được xây dựng trước hoặc trong thời kỳ tiến hành đại hội Đảng các cấp. Kế

hoạch 5 năm là cơ sở và định hướng cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm.

1.2. Hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển thể dục thể thao

Hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển thể dục thể thao được hiểu là thước đo cụ thể về những nhiệm vụ cần đạt được trong thời kỳ kế hoạch. Các thước đo này thể hiện cả về số lượng và chất lượng, nó cho phép xác định nội dung cơ bản của quá trình phát triển, các bộ phận cấu thành cụ thể của nó.

Có nhiều cách phân loại chỉ tiêu kế hoạch được nhìn nhận ở các góc độ khác nhau như góc độ quản lý vĩ mô, góc độ quản lý tác nghiệp, góc độ nội dung, góc độ đo lường...

Đứng trên góc độ quản lý mang tính vĩ mô, hệ thống kế hoạch hóa thể dục thể thao có các chỉ tiêu pháp lệnh như các chỉ tiêu do Đảng, Nhà nước đề ra trong các nghị quyết, chỉ thị mang tính chỉ đạo, chỉ tiêu hướng dẫn mang tính định hướng hoạt động của ngành dựa trên kết quả phân tích các kế hoạch trước đó và chủ trương định hướng của cơ quan có thẩm quyền và các chỉ tiêu dự báo do các cơ quan chuyên môn cung cấp để làm cơ sở luận chứng cho kế hoạch phát triển.

Đứng trên góc độ quản lý tác nghiệp, hệ thống chỉ tiêu phát triển của ngành thể dục thể thao được xác định theo từng lĩnh vực quản lý cụ thể như quản lý phong trào thể

thao quần chúng, quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp, quản lý các tổ chức, hiệp hội thể dục thể thao, công tác xã hội hóa thể dục thể thao.

Đứng trên góc độ nội dung, hệ thống chỉ tiêu có thể được chia thành các chỉ tiêu phát triển xã hội (phát triển thể dục thể thao cân đối hài hòa vùng miền, đối tượng, thành phần tham gia, phát triển thể thao thành tích cao đem lại niềm tự hào dân tộc...); phát triển kinh tế (đầu tư kinh doanh hàng hóa thể thao, xây dựng công trình thể thao, tổ chức dịch vụ thể thao đem lại lợi nhuận...).

Đứng trên góc độ đo lường, hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển thể dục thể thao gồm chỉ tiêu định tính và chỉ tiêu định lượng. Chỉ tiêu định lượng là những chỉ tiêu thể hiện qua những con số, có thể thống kê, đo đếm được, còn chỉ tiêu định tính là những giá trị tuy không đo đếm được nhưng có thể cảm nhận được thông qua thái độ, hiệu ứng của xã hội đối với một lĩnh vực thể dục thể thao cụ thể.

2. Kế hoạch trung hạn

2.1. Khái niệm

Kế hoạch trung hạn (trong thực tế thường được gọi là kế hoạch 5 năm) là sự cụ thể hóa các chiến lược và quy hoạch phát triển. Kế hoạch phát triển thể dục thể thao xác định các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao.

Kế hoạch 5 năm của ngành thể dục thể thao là một bộ phận trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của

đất nước. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định: *"Xây dựng kế hoạch 5 năm trở thành công cụ chủ yếu của hệ thống kế hoạch hóa phát triển".*

Kế hoạch 5 năm được xác định là trung tâm của kế hoạch hóa cả phát triển lẫn đầu tư vì các lý do chủ yếu sau:

- Thông thường các dự án (đầu tư hoặc phát triển) bắt đầu có lợi tức hoặc hiệu quả sau 1 năm hoặc một vài năm sau so với thời điểm bắt đầu tổ chức thực hiện, vì vậy khoảng thời gian 5 năm là thời gian đủ để có thể đánh giá chính xác hiệu quả của dự án kế hoạch, hiệu ứng của các giải pháp, cơ chế, chính sách...

- Yêu cầu của kế hoạch là phải xác định hệ thống chỉ tiêu một cách cụ thể, đo lường nhiệm vụ cần phải đạt được trong một thời kỳ nhất định, vì vậy những kế hoạch trong phạm vi 5 năm thường bảo đảm đưa ra những chỉ tiêu chính xác hơn, dễ thực thi hơn những kế hoạch có thời gian dài hạn hoặc các quy hoạch phát triển.

- Kế hoạch 5 năm (đặc biệt là kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc đất nước) thường được xác định trong một nhiệm kỳ Đại hội Đảng, thường trùng với nhiệm kỳ làm việc của chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy lấy kế hoạch 5 năm làm trung tâm là một quan điểm gắn lãnh đạo chính trị với lãnh đạo kinh tế xã hội, cho phép xác định rõ ràng hơn trách nhiệm của các nhà lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá chính xác, hiệu quả, hiệu lực của các bộ máy quản lý.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm là trụ cột chính trong việc lập kế hoạch cho các ngành, lĩnh vực ở nước ta từ nhiều năm nay. Ở cấp nhà nước, kế hoạch 5 năm được xây dựng sau khi có sự tham vấn chính thức với các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đóng vai trò chính trong việc điều phối việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó các bộ ngành liên quan, trong đó có Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa, thể dục thể thao và du lịch của ngành mình. Đối với cấp tỉnh, Sở Kế hoạch Đầu tư địa phương đóng vai trò chủ đạo trong việc tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của địa phương.

Ở cấp hành chính cơ sở (xã, huyện), cần đệ trình đề xuất cho cấp cao hơn để phê duyệt, tổng hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch. Khi bản Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được phê duyệt thì đây sẽ là cơ sở cho các đề xuất ngân sách năm cho các bộ ngành và chính quyền địa phương.

2.2. Ý nghĩa và cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm ở địa phương

2.2.1. Ý nghĩa của kế hoạch phát triển 5 năm

Kế hoạch phát triển 5 năm của địa phương bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển ngành, trong đó có ngành thể dục thể thao, là nhằm cụ thể

hóa tư tưởng chiến lược và các định hướng không gian lãnh thổ trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp địa phương. Bản kế hoạch phát triển 5 năm được các cấp chính quyền địa phương phê duyệt là một trong những cơ sở có tính pháp lý để xây dựng kế hoạch hàng năm theo phân kỳ kế hoạch trong kế hoạch 5 năm của địa phương.

Như đã phân tích, muốn lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm ở địa phương, người làm công tác lập kế hoạch phải nắm vững việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, vì kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm là trụ cột chính trong việc lập kế hoạch cho các ngành, lĩnh vực ở nước ta.

Trong xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao thời kỳ 5 năm, không cần phân tích tài chính và kinh tế cũng như các nguồn lực có sẵn có. Các kế hoạch và danh mục các dự án thường được phê duyệt với hy vọng nguồn kinh phí ngân sách và tài trợ xã hội thông qua hình thức xã hội hóa thể dục thể thao sẽ có đủ. Các kế hoạch này thường hướng tới kết quả đạt được ở đầu ra và thường không chú trọng tới các tác động tiềm năng về môi trường và xã hội.

Phần này giới thiệu việc lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao trong thời kỳ 5 năm (trung hạn). Việc lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm có các ý nghĩa sau:

- Trước hết, kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm là một công cụ dùng để quản lý các lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao trong một giai đoạn cụ thể, tương ứng với một

thời kỳ quản lý của lãnh đạo địa phương (sau Đại hội Đảng bộ và bầu cử Hội đồng nhân dân);

- Các mục tiêu của kế hoạch 5 năm nhằm cụ thể hóa định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của Chính phủ, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời cụ thể hóa các chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển thể dục thể thao của ngành trong thời kỳ thực hiện kế hoạch;

- Cụ thể hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển thể dục thể thao của địa phương thông qua lựa chọn mục tiêu, các giải pháp và các chỉ tiêu phát triển;

- Cụ thể hóa các giải pháp phối hợp giữa định lướng phát triển ngành thể dục thể thao ở cấp trung ương với định hướng phát triển thể dục thể thao của địa phương;

- Phân tích các lợi thế phát triển của các lĩnh vực thể dục thể thao của địa phương để ưu tiên đầu tư phát triển trọng điểm nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh dựa trên các lợi thế đó của địa phương (ví dụ tiềm năng phong trào võ thuật của địa phương có truyền thống về võ, thế mạnh về các môn thể thao trọng điểm như Điền kinh, Bơi lội, Bóng đá của các tỉnh, thành phố lớn...).

2.2.2. Căn cứ lập kế hoạch 5 năm. Thường được căn cứ trên 2 cơ sở:

** Căn cứ thực tiễn.*

Mục tiêu của hệ thống lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao là tạo được sự phát triển ổn định và bền vững của

ngành trong tổng thể kinh tế xã hội của địa phương. Vì vậy, khi lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao cũng cần chú ý đến các vai trò kinh tế, xã hội và môi trường để kế hoạch phát triển đạt được hiệu quả tối ưu, cụ thể là:

(1) Vai trò kinh tế: đóng góp cho việc xây dựng một nền kinh tế khỏe, có khả năng đáp ứng và cạnh tranh cao thông qua việc đảm bảo đúng vị trí và thời điểm để trợ giúp cho sự tăng trưởng và đổi mới; và thông qua việc xác định và điều phối các yêu cầu phát triển bao gồm cả việc cung cấp cơ sở hạ tầng;

(2) Vai trò xã hội: trợ giúp để các cộng đồng vững mạnh và khỏe khoắn thông qua việc cung cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của các thế hệ hiện tại và tương lai;

(3) Vai trò môi trường: đóng góp vào việc bảo vệ và thúc đẩy môi trường tự nhiên, xã hội và lịch sử; và giúp cho việc cải thiện hệ đa dạng sinh học, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách thận trọng, giảm thiểu rác thải, ô nhiễm và thích ứng với biến đổi xã hội bao gồm cả việc chuyển dịch nền kinh tế với việc thải khí carbon thấp.

** Những căn cứ mang tính pháp lý:*

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 10 năm. Ví dụ: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội cấp vùng.

- Chiến lược, quy hoạch phát triển ngành. Ví dụ: Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020.

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc ở nhiệm kỳ đang diễn ra kế hoạch 5 năm. Ví dụ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

- Các cơ chế chính sách phát triển của Chính phủ trong giai đoạn phát triển những năm trước còn có hiệu lực trong lập kế hoạch 5 năm của giai đoạn trước. Những căn cứ lập kế hoạch cấp địa phương:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

- Các quy hoạch phát triển ngành trên lãnh thổ địa phương. Ví dụ: Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ mới.

- Các kết quả đạt được trong kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước.

2.3. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm

Kế hoạch phát triển thể dục thể thao được thực hiện tuân thủ theo quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nói chung, thường gồm 8 bước:

Bước 1: Chuẩn bị lập kế hoạch phát triển.

Bước này thường được thực hiện vào cuối quý 3 của năm cuối cùng thực hiện kế hoạch trung hạn – dài hạn giai đoạn trước.

Mục tiêu: Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nguồn lực trước khi bắt tay vào công tác lập kế hoạch.

Yêu cầu: Cần xác định rõ thời gian tiến hành các nội dung và các thành phần tham gia thực hiện, chuẩn bị các điều kiện về tổ chức và hậu cần cho công tác lập kế hoạch.

Nội dung: Nội dung chính ở giai đoạn này là tổ chức bộ máy lập kế hoạch và lên kế hoạch cho quá trình lập kế hoạch.

(1) Việc tổ chức bộ máy lập kế hoạch phát triển bao gồm:.

- Thành lập nhóm lập kế hoạch chủ chốt: nhóm này đóng vai trò rất quan trọng là đảm bảo sự thống nhất và sự phối hợp chặt chẽ của tất cả các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch. Tiêu chí lựa chọn thành viên nhóm nòng cốt là những cán bộ có năng lực về chuyên môn lập kế hoạch, đồng thời có khả năng tổ chức, điều phối tạo được sự hợp tác và nhất trí cao giữa các bên liên quan. Những người tham gia nhóm xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao thường gồm lãnh đạo sở/ lãnh đạo phụ trách ngành thể dục thể thao, trưởng các phòng/ban, chuyên viên chính bộ phận chuyên trách về kế hoạch, tài chính và thống kê của ngành thể dục thể thao.

- Xác định các bên tham gia (thành phần mời). Các bên tham gia xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao trung hạn thường là:

+ Đại diện các cơ quan chính quyền địa phương (với vai trò bảo đảm tính pháp lý cho quá trình triển khai, giải trình/báo cáo về tiến độ lập kế hoạch);

+ Đại diện các Hiệp hội, Liên đoàn thể dục thể thao địa phương (những người chủ chốt thực hiện chức năng phát triển phong trào và xã hội hóa thể dục thể thao, cung ứng sản phẩm và dịch vụ thể dục thể thao trên địa bàn...);

+ Đại diện các tổ chức xã hội và người dân địa phương (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, v.v. tham gia với tư cách bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng và làm tăng tính minh bạch của quá trình lập kế hoạch).

- Xây dựng cơ chế hoạt động, làm rõ vai trò, chức năng và trách nhiệm của các bên tham gia trong quá trình lập kế hoạch. Nhóm nòng cốt sẽ đảm nhận công việc này với sự phê duyệt của lãnh đạo địa phương thông qua các quyết định do Chủ tịch ủy ban nhân dân ký.

(2) Lên kế hoạch cho quá trình lập kế hoạch bao gồm các nội dung sau:

- Làm rõ phạm vi, quy trình, mục tiêu và những kết quả mong đợi của công tác lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm.

- Lên lịch công tác và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bên tham gia (ai, làm gì, khi nào, kết quả mong đợi, chế độ báo cáo...).

- Tổ chức và tham gia các buổi hội nghị lập kế hoạch do ngành thể dục thể thao và ủy ban nhân dân địa phương tổ

chức, thông báo các văn bản có tính pháp quy trong kỳ kế hoạch do Chính phủ ban hành.

Bước 2: Phân tích tiềm năng và đánh giá thực trạng phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của địa phương trong giai đoạn kế hoạch trước đó.

Bước này sẽ được thực hiện vào quý 4 của năm cuối cùng thực hiện kế hoạch của giai đoạn trước. Bước này phải trả lời câu hỏi: Ngành thể dục thể thao tỉnh/ thành của địa phương đang ở đâu?

Hoạt động phân tích thực trạng phát triển xã hội nói chung và phát triển ngành thể dục thể thao thường có sự tham gia diễn ra ở 3 cấp: tỉnh/thành; huyện/quận và xã/ phường/thị trấn. Mặc dầu xã/ phường thường không có cán bộ chuyên trách thể thao và hầu như không có chủ trương triển khai công tác lập kế hoạch, nhưng sự tham gia của cộng đồng ở cơ sở, nhất là thông qua các khảo sát về phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, người tập luyện thể dục thể thao, cơ sở vật chất thể dục thể thao cơ sở, các mô hình hoạt động xã hội hóa thể dục thể thao sẽ chỉ ra những tồn tại trong phát triển thể dục thể thao ở cơ sở, nguyên nhân tồn tại và làm rõ những nhu cầu phát triển thể dục thể thao trong thời gian tới.

Ở cấp quận/huyện, sự tham gia của các ngành cấp huyện trong đánh giá kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm (thông qua các mẫu phiếu điều tra, khảo sát thực tế và các hội thảo chuyên đề) sẽ làm rõ mối quan hệ liên ngành trong

quá tình triển khai kế hoạch giai đoạn trước đó. Làm rõ những điểm mạnh và hạn chế của kỳ kế hoạch vừa qua, phân tích những cơ hội và thách thức của kỳ kế hoạch 5 năm tiếp theo. Các phiếu phỏng vấn và nội dung thảo luận này cũng sẽ chỉ ra được thực trạng và những bài học điều hành thực hiện kế hoạch hàng năm trong 5 năm vừa qua của lãnh đạo địa phương và ngành thể dục thể thao.

Ở cấp tỉnh, quá trình tham vấn đánh giá thực trạng kế hoạch 5 năm phải chỉ rõ những điểm mạnh, những yếu kém của quá trình quản lý, điều hành thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình phát triển, điều hành thực hiện các chính sách phát triển thể dục thể thao nói riêng cũng như chính sách phát triển xã hội nói chung,... trên địa bàn tỉnh. Tham vấn những vấn đề lớn cần phải tập trung nguồn lực giải quyết trong kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn tới.

Quá trình phân tích tổng hợp các ý kiến tham gia từ cộng đồng, từ nội bộ ngành thể dục thể thao và các ngành khác liên quan (môi trường, y tế, giáo dục, tài chính...) sẽ giúp cho việc xây dựng kế hoạch thể dục thể thao 5 năm ở giai đoạn tới của địa phương. Nguồn thông tin được tập hợp và xử lý từ các cuộc tham vấn các bên liên quan, kết hợp với các đánh giá trong nội bộ ngành sẽ là những thông tin đầu vào quan trọng cho quá trình xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm của tỉnh, thành có tính thực tiễn hơn.

Để đảm bảo tính khách quan và khoa học trong lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao trung hạn, trong bước này

ta cần sử dụng công cụ phân tích SWOT để nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội và các thách thức đối với ngành thể dục thể thao trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

Mục tiêu: Nhận diện khách quan mức độ đạt được các mục tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương, các kết quả đạt được, những hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn; đồng thời hiểu rõ những nguồn lực có thể khai thác phục vụ cho kỳ kế hoạch tiếp theo.

Tầm quan trọng: Các đánh giá này sẽ là căn cứ quan trọng cho việc lập kế hoạch phát triển trong tương lai. Kết quả của việc phân tích, đánh giá các yếu tố về tiềm năng và thực trạng phát triển sẽ cho ta có cái nhìn toàn cảnh và rõ ràng về ngành thể dục thể thao (và cả nền kinh tế - xã hội của địa phương) trong mối tương quan với các địa phương và các ngành khác liên quan đến những vấn đề và nội dung cơ bản như: các nguồn lực phát triển, trình độ phát triển, môi trường văn hóa xã hội, cơ sở hạ tầng thể dục thể thao, các cơ chế chính sách v.v cả trong quá khứ và hiện tại.

Yêu cầu: Khi thực hiện đánh giá bằng phương pháp SWOT, cần phải đảm bảo các điều kiện:

- Tôn trọng thực tiễn, không làm méo mó thực tiễn bằng ý kiến chủ quan của các bên tham gia đánh giá.

- Đánh giá hiện trạng thể dục thể thao (trong vòng 5 năm) một cách đầy đủ và chính xác, có so sánh với quá khứ của địa phương hoặc so sánh với thực trạng thể dục thể

thao của các tỉnh, thành lân cận các địa phương có điều kiện về phát triển kinh tế - xã hội tương đương trong vùng và toàn quốc.

- Phân tích trung thực tiềm năng phát triển thể dục thể thao của địa phương (phân tích các nguồn lực): ví dụ vị trí địa lý, các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên (đất đai, điều kiện vị trí địa lý có thể phát triển các loại hình thể thao) có thể phù hợp với phát triển những môn thể thao, loại hình thể thao nào...; nguồn lực tài chính và xã hội; các tiềm năng về văn hóa, du lịch, dân số, giáo dục ...

Các bước tiến hành:

- Tập hợp dữ liệu thống kê, các báo cáo đánh giá giữa kỳ, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển của ngành thể dục thể thao, tổng hợp tìm hiểu tình hình thực hiện kinh tế - xã hội các địa phương trong 5 năm và qua từng năm. Các dữ liệu trực tiếp thông qua điều tra, khảo sát, phỏng vấn, hội thảo, thảo luận nhóm, tham vấn... Nguồn tài liệu thứ cấp bổ sung thêm: các nghiên cứu và công bố của các cơ quan, tổ chức ở cả cấp trung ương và địa phương hay các nghiên cứu của các nhà khoa học trên địa bàn về phát triển thể dục thể thao, đặc biệt là các tiêu chí liên quan về mặt xã hội như số liệu qua các cuộc điều tra nhân chủng học của Tổng cục Thống kê; kết quả các cuộc điều tra thu nhập và mức sống các hộ gia đình...

- Xử lý và kiểm định các dữ liệu thống kê, nhận biết những sai sót của số liệu: bởi vì chỉ có số liệu chuẩn xác

mới giúp địa phương/ ngành thể dục thể thao phân tích đúng bức tranh phát triển thực tiễn của ngành, bao gồm các lĩnh vực trực thuộc.

- Tính toán các số liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê để tìm ra xu hướng phát triển hay không phát triển của lĩnh vực thể dục thể thao ở địa phương. Phân loại hệ thống các chỉ tiêu thống kê theo:

+ Hệ chỉ tiêu phản ánh mức độ đạt được mục tiêu phát triển;

+ Hệ chỉ tiêu phản ánh các vấn đề phát triển xã hội, trong khi xây dựng các kế hoạch và chương trình phát triển thể dục thể thao cần phải chú ý đến tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các kế hoạch và chương trình này đến đời sống trẻ em, nhu cầu giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học, trẻ em ở các vùng sâu, vùng xa;

+ Hệ chỉ tiêu phản ánh các vấn đề môi trường và phát triển bền vững (đất đai dành cho thể dục thể thao, các yếu tố vệ sinh, môi trường và an toàn trong hoạt động, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao...);

+ Hệ chỉ tiêu về quản trị nhà nước. Phân tích các yếu tố tác động của các chính sách, cơ chế được vận dụng trong kỳ kế hoạch 5 năm trước đây và các nhân tố khác đến thực trạng phát triển thể dục thể thao của địa phương (các chính sách của trung ương và địa phương, tình hình hội nhập quốc tế, tình trạng biến đổi khí hậu, tình hình phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thể dục thể thao...).

Ngoài phương pháp phân tích theo mô hình SWOT, các phương pháp khác như: cây vấn đề; phân tích chuỗi thời gian; phân tích thống kê/mô tả; phân tích, đánh giá thông qua so sánh chéo; so sánh với mục tiêu đặt ra trong kỳ kế hoạch hiện tại; phân tích chính sách... đều được sử dụng xuyên suốt trong quá trình phân tích. Các nguồn thông tin sử dụng cho phân tích, đánh giá tình hình:

** Phân tích các điểm mạnh:*

- Phân tích và đánh giá các lợi thế cạnh tranh mà ngành thể dục thể thao và các lĩnh vực thể dục thể thao cụ thể như thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao trường học, thể thao thành tích cao đã khai thác có hiệu quả trong giai đoạn 5 năm vừa qua.

- Mức độ hiệu quả của quá trình khai thác các lợi thế cạnh tranh đó.

- Dự báo những điểm mạnh nào, những nguồn lực nào trong tương lai với sự thay đổi môi trường và điều kiện xã hội sẽ chuyển thành điểm yếu.

- Với sự hỗ trợ hoặc khuyến khích đầu tư, những nguồn lực nào sẽ là điểm mạnh có thể phát huy.

- Các điểm mạnh (nếu có) từ phía các tổ chức, các cá nhân địa phương.

- Những khía cạnh đạt được của việc xã hội hóa thể dục thể thao của tỉnh/ thành, những nguồn lực huy động được trong việc thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao.

- Những thành quả đạt được trong việc phát triển phong trào thể dục thể thao, nhất là thể dục thể thao ở các địa bàn khó khăn và của trẻ em. Mối liên kết ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao cho đồng bào các vùng sâu, người lao động nghèo trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

Đặc biệt, trong các lĩnh vực xã hội, ưu tiên phát triển thể dục thể thao trường học với nguyên tắc chung "một xã hội phù hợp với trẻ em", cụ thể là: trẻ em luôn là đối tượng ưu tiên; chăm sóc cho mọi trẻ em; dành sự giáo dục và phát triển thế chất tốt nhất cho mọi trẻ em; lắng nghe các nhu cầu hoạt động và đảm bảo sự tham gia của trẻ em...

**Phân tích các điểm yếu:*

- Phân tích các tồn tại lớn nhất của ngành thể dục thể thao địa phương trong kỳ kế hoạch và những vấn đề mới nẩy sinh trong giai đoạn kế hoạch mới do bối cảnh quốc tế bên ngoài và sự thay đổi tình hình trong nước tạo nên.

- Các rào cản hạn chế sự phát triển xã hội địa phương, các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và ngành thể dục thể thao nói riêng. Các yếu tố kìm hãm sự phát triển của phong trào thể dục thể thao ở các địa bàn, vùng miền (ví dụ như cơ sở hạ tầng công trình thể thao hạn chế, nguồn nhân lực thể thể thao yếu kém...). Cần nêu ra được những nút thắt đang cản trở sự phát triển của phong trào thể dục thể thao địa phương và nếu giải quyết được những nút thắt này thì sẽ tạo nên động lực phát triển cho thể dục thể thao.

- Phân tích một số vấn đề đặt ra trong bảo vệ tài nguyên và môi trường có tác động xấu đến sự phát triển xã hội và thể dục thể thao, đến môi trường sống của cộng đồng và sức khỏe con người mà kỳ kế hoạch 5 năm tiếp theo phải giải quyết.

Phân tích và lựa chọn các vấn đề then chốt và xây dựng cây vấn đề.

Xác định các yếu tố cơ hội, thách thức:

Cơ hội là những yếu tố bên ngoài hiện nay và trong tương lai có ảnh hưởng tích cực tới các hoạt động thể dục thể thao của địa phương; thách thức là các yếu tố bên ngoài đe dọa các nguồn lực, các giá trị văn hóa tinh thần của địa phương hoặc các yếu tố trong chính nội tại mà ta không kiểm soát được chúng.

Sau đây là những câu hỏi cần đặt ra khi xác định cơ hội và thách thức:

* *Phân tích các cơ hội:*

- Địa phương đã tận dụng những cơ hội nào giúp tối đa hoá, củng cố và phát huy thêm các điểm mạnh mà thể dục thể thao của địa phương hiện có?

- Địa phương đã dự báo tốt và đón trước những cơ hội sắp xuất hiện để thể cải thiện hay hỗ trợ việc khắc phục các điểm yếu nội tại bên trong của hoạt động thể dục thể thao nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch?

Những cơ hội nào do bối cảnh bên ngoài địa phương xét theo từng lĩnh vực (kinh tế, chính trị, xã hội, thể chế chính

sách, văn hóa...) mà đã có ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thể dục thể thao của địa phương?

** Phân tích các thách thức:*

- Những thách thức nào có nguy cơ làm suy yếu hoặc tổn hại đến những điểm mạnh được xác định do đó ảnh hưởng đến việc triển khai kế hoạch thể dục thể thao vừa qua?

- Những thách thức nào có nguy cơ cản trở sự xuất hiện các cơ hội mà địa phương lượng định trước và đã có giải pháp ứng phó giúp cho địa phương triển khai kế hoạch có hiệu quả?

- Những điểm yếu cố hữu nào bên trong của địa phương có nguy cơ trở thành tồi tệ hơn trong bối cảnh mới đã cản trở quá trình thực hiện kế hoạch?

- Sau đó tính toán cơ sở dữ liệu thống kê để lượng hóa sự phát triển qua các năm trong kỳ kế hoạch 5 năm.

** Đầu ra mong đợi:*

- Bản đánh giá thực trạng thực hiện kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm giai đoạn trước với các mục tiêu và chỉ tiêu thực hiện đạt hay không đạt kế hoạch đã được nêu lên trong bản kế hoạch. Phân tích rõ những nguyên nhân quan trọng và bài học kinh nghiệm thành công hay không đạt của việc thực hiện kế hoạch.

- Chỉ ra được các vấn đề tồn tại trong kỳ kế hoạch trước và những vấn đề mới nẩy sinh đặt ra cho kỳ kế hoạch tới.

Xây dựng được cây vấn đề.

Khung logic đánh giá kế hoạch được xây dựng.

Bước 3: Xác định các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển.

Bước này nằm thực hiện phân tích chiến lược trung hạn, nhằm trả lời câu hỏi "Ngành thể dục thể thao tỉnh nhà muốn đi đến đâu?". Dựa vào mục tiêu tổng thể của chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển thể dục thể thao vùng (nếu có) và các quy hoạch phát triển ngành của địa phương, tiến hành phân tích lựa chọn mục tiêu chiến lược của kế hoạch 5 năm giai đoạn tới. Bước này thường được thực hiện ngay sau khi có bản đánh giá ở bước 2. Thường được triển khai vào đầu quý 1 của năm đầu kỳ kế hoạch 5 năm tới.

Mục tiêu: Lựa chọn các mục tiêu và các chỉ tiêu phù hợp với bối cảnh phát triển mới và các nguồn lực cho kỳ kế hoạch mới.

Yêu cầu:

- Mục tiêu phát triển phải phản ánh những kết quả (định lượng và định tính) mà ngành thể dục thể thao địa phương cần đạt được sau những khoảng thời gian nhất định (hàng năm, vài năm, 5 năm hoặc lâu hơn) để từng bước biến tầm nhìn thành hiện thực.

- Mục tiêu (và các chỉ tiêu) phải cụ thể, cô đọng và trực tiếp hướng đến giải quyết những vấn đề phát triển lớn mà địa phương đang gặp phải. Mục tiêu phải thỏa mãn các tiêu chí SMART theo các yêu cầu ở bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu về tính SMART của các mục tiêu kế hoạch

S – Specific	Cụ thể	Liệu mục tiêu đó có đo được cái cần phải đạt hay không?
M - Measurable	Đo đếm được	Mục tiêu có xác định chính xác và đo được về lượng cũng như về chất.
A – Achiveable	Có thể đạt được	Mục tiêu có phù hợp với nhu cầu, năng lực và trình độ của địa phương.
R – Realitic	Thực tiễn	Mục tiêu xây dựng có phù hợp với khả năng và nguồn lực sẵn có của địa phương hay không?
T – Timebound	Có thời hạn cụ thể	Mục tiêu có liên quan đến một giai đoạn cụ thể hay không?

Mục tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương thường được chia thành: tác động chung cần đạt được (trung hạn và dài hạn) và kết quả (các thành tựu cần thiết để duy trì tác động). Trong kế hoạch phát triển, phần định tính thể hiện trong các mục tiêu, còn phần định lượng thể hiện bằng hệ thống chỉ tiêu kế hoạch. Hệ thống chỉ tiêu hình thành nên phần cốt lõi của các kế hoạch phát triển thể dục thể thao.

Nội dung của bước 3 là quá trình xây dựng và lựa chọn các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương.

Các bước tiến hành:

- Xác định vấn đề/nội dung phát triển then chốt của địa phương/ngành đầu kỳ kế hoạch (lấy kết quả của bước 2).

- Đánh giá và xếp loại ưu tiên các vấn đề (từ cấp thiết nhất đến ít cấp thiết nhất (lấy kết quả của bước 2), sử dụng công cụ ma trận chấm điểm hoặc so sánh cặp đôi.

Xây dựng cây mục tiêu và lựa chọn các mục tiêu ưu tiên cho giai đoạn 5 năm của ngành thể dục thể thao địa phương để giải quyết các vấn đề tồn tại của kỳ kế hoạch trước và những vấn đề mới nẩy sinh của kỳ kế hoạch 5 năm sắp tới. Để có thể lựa chọn mục tiêu sát với thực tiễn cần tiến hành phân tích tác động của bối cảnh phát triển mới.

Hoạt động phân tích chi tiết những tác động của bối cảnh kinh tế, chính trị xã hội nói chung có ảnh hưởng trực tiếp đến lựa chọn mục tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương trong kỳ kế hoạch 5 năm tới. Hoạt động này trả lời các câu hỏi:

- Những bối cảnh mới nào của kinh tế, chính trị, xã hội sẽ tạo ra những cơ hội phát triển thể dục thể thao của cả nước nói chung và của địa phương nói riêng, sẽ giúp triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn tiếp theo có nhiều thuận lợi?

- Dự báo bối cảnh phát triển thể dục thể thao và điều kiện kinh tế - xã hội trong phạm vi quốc gia trước những yêu cầu cam kết kinh tế quốc tế, chịu tác động từ những biến động của bối cảnh quốc tế mới. Chỉ ra được xu thế phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và khu vực, xu thế đó có tác động như thế nào đến việc lựa chọn mục tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương trong kỳ kế hoạch 5 năm tới?

- Các đối thủ cạnh tranh nào ở các chuỗi giá trị của địa phương trong chuỗi giá trị thị trường để có chiến lược giữ và phát triển thị trường trong giai đoạn tiếp theo?

- Dự báo các tác động nào của sự thay đổi môi trường có ảnh hưởng xấu đến xây dựng các mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn tiếp theo của chiến lược mới của chính phủ?

- Các dự báo tác động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường đến công tác thể dục thể thao. Ví dụ: sự suy thoái, tăng trưởng kinh tế, tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng sẽ có tác động mạnh đến sự phát triển thể dục thể thao địa phương hay không? Những động thái môi trường đều có ảnh hưởng dài lâu trong nhiều kỳ kế hoạch khi xây dựng các mục tiêu phát triển của địa phương. Hoạt động phân tích bối cảnh thể dục thể thao trong nước ảnh hưởng đến lựa chọn mục tiêu phát triển thể dục thể thao của địa phương.

Phân tích này phải chỉ ra được:

- Những định hướng phát triển mới và kịch bản phát triển mới của đất nước ảnh hưởng như thế nào đến lựa chọn mục tiêu kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm tiếp theo? (Ví dụ: kinh tế khó khăn do lạm phát gây nên, tiết kiệm chi tiêu công, v.v. sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn các mục tiêu đầu tư xây dựng công trình thể thao, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, công nghệ thể dục thể thao cho địa phương.

- Đối với kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm của cấp quận huyện (nếu có) chỉ phân tích sự thay đổi bối cảnh phát triển của tỉnh sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến lựa chọn mục tiêu phát triển của quận/ huyện trong 5 năm tới.

- Những thách thức nào của bối cảnh kinh tế trong nước sẽ kìm hãm việc triển khai các kế hoạch phát triển lĩnh vực thể dục thể thao và do đó ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung ở những mục tiêu nào? Những dự báo các giải pháp căn bản để vượt qua các thách thức này?

- Các vấn đề cân đối vĩ mô, chính sách tiền tệ, chính sách phát triển, việc phát triển thể dục thể thao trong từng vùng sẽ tạo ra cơ hội và thách thức nào trong quá trình lập kế hoạch cần được chú ý để tận dụng cơ hội và xây dựng các giải pháp vượt qua thách thức?

- Các cơ chế chính sách nào về phát triển xã hội của nhà nước có ảnh hưởng tích cực hoặc là rào cản đối với sự phát triển xã hội và phát triển thể dục thể thao tại địa phương?

Phân tích các mục tiêu cụ thể:

- Lựa chọn lĩnh vực phát triển ưu tiên (quần chúng, thể thao thành tích cao, thể thao trẻ, thể dục thể thao trường học...). Sau đó lựa chọn chuỗi ngành hàng có lợi thế cạnh tranh của địa phương để có cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển trong giai đoạn kế hoạch trung hạn và dài hạn.

- Xây dựng mục tiêu ưu tiên để giải quyết các nút thắt phát triển hạn chế tốc độ tăng trưởng và khai thác các lợi thế phát triển. Căn cứ trên mục tiêu tổng thể trong kế hoạch phát triển ngành để lựa chọn các mục tiêu phát triển ưu tiên lĩnh vực được đưa vào trong bản kế hoạch phát triển chung.

Phát triển xã hội, trên cơ sở cây vấn đề lựa chọn các vấn đề lớn nhất của xã hội để xây dựng cây mục tiêu. Các mục tiêu phát triển tổng thể của kế hoạch ngành trên địa phương được coi là mục tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển thể dục thể thao của địa phương. Các mục tiêu phát triển ngành của địa phương phải dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển chung trên toàn vùng.

Sau cùng, xây dựng hệ giải pháp phát triển các mục tiêu. Hệ giải pháp này có tính hành động cao. Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các nhóm giải pháp lớn của các lĩnh vực thể dục thể thao và dựa trên phân tích những vấn đề mới phát sinh do tác động của bối cảnh mới của đất nước và những vấn đề tồn tại của đầu kỳ kế hoạch.

Cần phân loại nhóm giải pháp đơn ngành thực hiện và nhóm giải pháp đa ngành thực hiện. Dựa trên đó để phân

công trách nhiệm cụ thể cho ngành đảm nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Tính liên ngành trong triển khai thực thi các giải pháp kế hoạch cũng là sự tham gia.

Đầu ra mong đợi:

- Bản phân tích các tác động của bối cảnh kinh tế quốc tế và trong nước tác động đến việc lựa chọn các mục tiêu, chỉ tiêu và cơ chế chính sách cho giai đoạn kế hoạch 5 năm tới.

- Hệ mục tiêu và các chỉ tiêu gắn với mục tiêu được xây dựng.

Bước 4: Xác định các phương án kế hoạch (kịch bản phát triển). Bước này bắt đầu trả lời câu hỏi "Làm thế nào để chúng ta đi đến đó?". Bước này thực hiện cùng với bước phân tích mục tiêu phát triển.

Mục tiêu: Lựa chọn được phương án (hay kịch bản) phát triển thể dục thể thao phù hợp với điều kiện nguồn lực, lợi thế so sánh và bối cảnh phát triển của địa phương đảm bảo được các định hướng lớn của nền kinh tế xã hội.

Yêu cầu:

- Phải xây dựng được được một số phương án kế hoạch (hay kịch bản phát triển) dựa trên những giả định khác nhau, để từ đó ngành thể dục thể thao địa phương có thể lựa chọn được phương án kế hoạch phù hợp nhất.

- Mỗi phương án kế hoạch mô tả cách tiếp cận phát triển thể dục thể thao địa phương thông qua những giải pháp, hoạt động và sự phân bổ nguồn lực cụ thể để đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra (bước 4).

** Cách thức tiến hành*

(1) Tiến hành phân tích các nguồn lực, các lợi thế so sánh, các điều kiện và bối cảnh tác động từ bên ngoài,... tiến hành xây dựng phương án kế hoạch. Cần phân tích tài chính cho từng phương án kế hoạch.

(2) Sau khi có các phương án kế hoạch phát triển, sẽ tiến hành tham vấn đánh giá các phương án này. Việc đánh giá sẽ giúp các bên liên quan có cơ hội so sánh các phương án khác nhau, tìm ra những điểm chung, điểm mạnh và điểm yếu của từng phương án, từ đó tìm ra phương án tối ưu nhất.

(3) Với phương án kế hoạch đã được lựa chọn sau tham vấn, nhóm nòng cốt lập kế hoạch triển khai xây dựng chi tiết kế hoạch với các kế hoạch hành động và các mục tiêu ưu tiên, các chỉ số phát triển, cân đối nguồn lực...

Xây dựng kế hoạch hành động với phương án kế hoạch được lựa chọn. Đây là kế hoạch để điều hành chung nền thể dục thể thao địa phương, làm cơ sở để hoàn thành giai đoạn xây dựng các kế hoạch ngành, kế hoạch cấp cơ sở.

** Yêu cầu:*

- Kế hoạch hành động phải mô tả chi tiết các hoạt động cụ thể tương thích với các mục tiêu và giải pháp chiến lược đã nêu. Bản kế hoạch cần phải liệt kê rõ: những hoạt động cần làm, thứ tự thực hiện, thời gian thực hiện, các đầu vào cần có và đầu ra mong đợi, phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện.

- Các kế hoạch hành động cần phải bảo đảm tính khả thi về thời gian, ngân sách, nhân lực và các nguồn lực hiện có.

** Cách thức tiến hành:*

(1) Xây dựng các chỉ số gắn với mục tiêu kế hoạch và các giải pháp có khả năng thực thi cao nhất.

(2) Xây dựng khung logic kế hoạch với các mục tiêu, chỉ tiêu, các giải pháp và hoạt động.

(3) Cân đối ngân sách giữa các mục tiêu để phân bổ ngân sách.

(4) Phân công trách nhiệm của các bên tham gia.

(5) Xây dựng khung logic kế hoạch.

(6) Tham vấn kế hoạch và chỉnh sửa hoàn chỉnh kế hoạch.

Lập kế hoạch hành động chính là việc tổ chức và phối hợp các hoạt động của hệ thống, địa phương, các cơ sở đơn vị có liên quan với nhau nhằm đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu đề ra một cách có hiệu quả nhất. Nội dung của phần này bao gồm việc tổ chức hệ thống quản lý (các nhà tổ chức, các bộ phận với chức năng điều phối, chỉ huy) và tổ chức phối hợp giữa các bộ phận liên quan, sử dụng các phương pháp, công cụ và nguồn lực cho công tác thực hiện.

Các câu hỏi cần trả lời khi lập kế hoạch hành động thường là: Làm gì? Làm bao nhiêu? Làm như thế nào?

Những ai tham gia làm? Khi nào thì làm? Khi nào thì xong? Nguồn lực cho các hoạt động và đầu ra như thế nào? v.v.

Bước 5: Phân kỳ các mục tiêu phát triển.

Bước này được thực hiện vào khoảng đầu quý 1 năm đầu của kế hoạch 5 năm tới.

Mục tiêu: Lựa chọn các mục tiêu ưu tiên được thực hiện theo từng năm trong 5 năm phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực hiện có của địa phương.

Thực hiện phân kỳ kế hoạch: Sau khi xây dựng được các Mục tiêu phát triển, các giải pháp và các chỉ số phát triển, cần thực hiện phân kỳ kế hoạch theo từng năm. Việc phân kỳ thực hiện kế hoạch theo các năm trong bản kế hoạch phát triển thể dục thể thao là rất quan trọng. Nó có tính quyết định đến hiệu quả đầu tư công do lựa chọn các nhiệm vụ ưu tiên có tính chất đột phá trong kỳ kế hoạch 5 năm.

Cần chú ý phân tích các bên liên quan trong phân kỳ kế hoạch: gồm cả phân tích năng lực thể chế ban đầu, phân tích về giới và nhu cầu của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, ví dụ như người khuyết tật. Đây là nhóm tác động của chính sách xã hội.

Các bước phân kỳ kế hoạch 5 năm được khái quát ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Các hoạt động trong kỹ thuật phân kỳ kế hoạch 5 năm

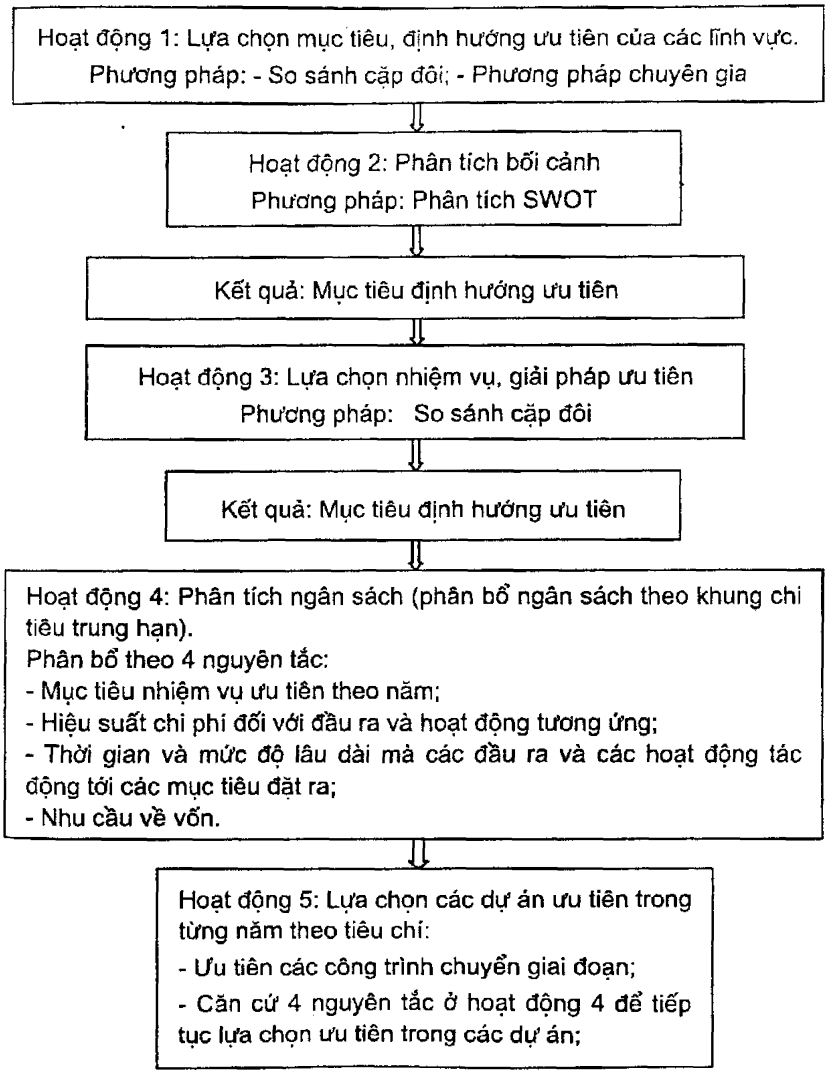

Yêu cầu: Đảm bảo các mục tiêu xử lý các vấn đề cấp bách trước và ưu tiên nguồn lực để xử lý nhằm tạo tác động lan tỏa phát triển cho cả kỳ kế hoạch.

** Đầu ra mong đợi:*

- Các mục tiêu và kế hoạch hành động, các giải pháp, các chuỗi giá trị và các chỉ tiêu kế hoạch được phân kỳ cụ thể cho từng năm trong giai đoạn 5 năm.

Bước 6. Xây dựng kế hoạch và khung logic kế hoạch 5 năm (kế hoạch trung hạn), xây dựng khung kế hoạch theo dõi và đánh giá.

Bước này được thực hiện khoảng tháng cuối cùng của quý I năm đầu kỳ kế hoạch 5 năm.

Mục tiêu: Hoàn thiện bản kế hoạch với các mục tiêu, chỉ tiêu, các hệ giải pháp theo phân kỳ kế hoạch cho từng năm.

Tổng hợp các nội dung được thực hiện theo từng bước trên đây và xây dựng kế hoạch cùng với khung logic kế hoạch. Sau đó thực hiện đưa từng nội dung vào khung logic kế hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương. Trong khung logic phải chỉ rõ những vấn đề đầu kỳ kế hoạch 5 năm và những mục tiêu tổng quát, những mục tiêu cụ thể của các lĩnh vực, ngành. Đi cùng là cột các chỉ tiêu phát triển. Kế tiếp trình bày những giải pháp lớn có tính đột phá đã được lựa chọn trên đây. Các hệ giải pháp này được chỉ rõ địa chỉ cơ quan đảm nhiệm chính và phối hợp liên ngành thực hiện cùng dòng phân bổ ngân sách dự toán.

Nguyên tắc xây dựng khung logic là ngắn gọn, trình bày súc tích, tránh giải thích rườm rà, khi hoàn thành phải được nhóm biên soạn rà soát lại nhiều lần cho đến khi có bản thảo lần 1. Bản thảo này sẽ đưa ra tham vấn rộng rãi.

Khi có các thông tin đánh giá thực trạng về thể dục thể thao, các địa phương có sự tham gia ở các cấp, các ngành trong tỉnh sẽ phân tích các thông tin thuộc lĩnh vực mình để xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn 5 năm của ngành, lĩnh vực, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của các huyện. Bản kế hoạch ngành thể dục thể thao phải phản ánh được chuỗi giá trị và các công trình được ưu tiên theo phân kỳ thuộc ngành. Thời điểm nộp bản kế hoạch 5 năm của ngành vào đầu tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn trước.

Gửi về Sở Kế hoạch các khung logic kế hoạch. Bản chính thức sẽ được gửi sau khi có bản kế hoạch 5 năm của tỉnh được điều chỉnh.

Các sản phẩm chính của bước này là:

- Khung logic kế hoạch phát triển 5 năm của ngành thể dục thể thao với các mục tiêu ưu tiên và các chuỗi ngành hàng chiến lược đã được lựa chọn.

- Các định hướng chính sách phát triển ngành.

- Bản kế hoạch phát triển 5 năm.

Xây dựng khung kế hoạch theo dõi và đánh giá.

Thực chất, đây không phải là một bước mà là một quá trình lập kế hoạch gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế

hoạch, theo dõi và đánh giá. Theo dõi và đánh giá bắt đầu từ khi kế hoạch được triển khai đến khi kết thúc kỳ kế hoạch.

Theo dõi và đánh giá rất quan trọng vì nó trả lời cho câu hỏi chiến lược thứ tư: "Làm thế nào để biết địa phương/ngành đi đến đích hay không? hoặc "Làm thế nào để biết địa phương/ngành đi đúng hướng hay không?". Đây đang được coi là một điểm yếu trong công tác kế hoạch hiện nay ở Việt Nam do cơ sở để triển khai công tác này - hệ thống chỉ số/chỉ tiêu theo dõi và đánh giá của các địa phương/ngành vẫn chưa hoàn chỉnh. Các lý do khác là công tác theo dõi và đánh giá hiện nay hầu như hoàn toàn dựa vào chế độ báo cáo từ dưới lên, các cơ sở dữ liệu không được cập nhật chính xác và thường xuyên, v.v.

Bước 7: Tham vấn rộng rãi và hoàn thiện bản kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm. Bước này sẽ tiến hành vào khoảng tháng 4, hoặc tháng 5 của năm đầu tiên kỳ kế hoạch 5 năm.

Mục đích: Thu thập các ý kiến phản hồi của các ngành và các cấp chính quyền cấp tỉnh, các tổ chức và đại diện người dân về đánh giá thực trạng thực hiện kế hoạch 5 năm cũ và định hướng phát triển kế hoạch thể dục thể thao 5 năm tiếp theo.

Tài liệu cho cuộc tham vấn: Bản kế hoạch và Khung logic dự thảo kế hoạch 5 năm là tài liệu quan trọng để tham vấn rộng rãi các bên liên quan về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

** Cách thức tiến hành:*

- Tiến hành chia những người tham gia tham vấn theo nhóm kinh tế, văn hóa - xã hội, phát triển môi trường, quản trị nhà nước.

- Cử tổ trưởng và thư ký tham gia thảo luận nhóm để ghi chép các ý kiến thảo luận về các vấn đề kế hoạch. Lưu ý là, thư ký và tổ trưởng là các thành viên tham gia thảo luận nhóm, không phải là các cán bộ trong nhóm kỹ thuật.

- Mỗi nhóm có 2 cán bộ trong nhóm nòng cột lập kế hoạch tham gia để giải thích những câu hỏi trong nhóm nêu lên. Ở cấp tỉnh, thảo luận nhóm trực tiếp với sự tham gia của lãnh đạo UBND, HĐND và lãnh đạo các sở về từng mục tiêu cụ thể, hệ giải pháp và các mục tiêu, cũng như các chuỗi ngành hàng chiến lược đã được nêu trong khung logic kế hoạch.

- Cuối mỗi ngày tham vấn nhóm thư ký tổng hợp và phân loại các nhóm ý kiến và ghi vào biên bản kết quả tham vấn và sau đó gửi tới nhóm biên soạn kế hoạch để chỉnh sửa khung logic.

- Nhóm soạn thảo kế hoạch chỉnh sửa khung logic sau khi có các ý kiến đóng góp từ cuộc tham vấn.

Sau khi hoàn thành khung logic, nhóm kỹ thuật sẽ chuyển thành văn bản. Như vậy, bản Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp địa phương" đã được xây dựng về cơ bản. Kỹ thuật chuyển từ khung logic sang dạng văn bản được giới thiệu ở trên.

** Đầu ra mong đợi:*

Sản phẩm chính của giai đoạn này là Bản Kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm cấp địa phương (bản thuyết minh), đi cùng khung logic kế hoạch 5 năm và khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm (các chỉ tiêu phát triển được phân kỳ theo năm. Danh mục các công trình xây dựng cơ bản trong 5 năm và được phân kỳ cho từng năm).

Bước 8: Trình cấp có thẩm quyền (Thường vụ tỉnh Ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh) phê duyệt kế hoạch 5 năm và giao nhiệm vụ triển khai thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch và trình Thường vụ tỉnh ủy, ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt lần 1 trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi bản kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm của tỉnh được hiệu chỉnh, thì các bản kế hoạch 5 năm của các ngành (kể cả ngành thể dục thể thao) sẽ được hiệu chỉnh và ủy ban nhân dân thông qua Hội đồng nhân dân phê duyệt. Sau khi các bản kế hoạch được phê duyệt sẽ trở thành văn bản kế hoạch mang tính pháp lý để triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm.

3. Lập kế hoạch thể dục thể thao hàng năm

Theo đánh giá chung hiện nay thực trạng các kế hoạch hàng năm không khác gì kế hoạch 5 năm, thậm chí còn giống hệt nhau về cấu trúc, nội dung và văn phong. Điều đó cho thấy, các cấp lập kế hoạch chưa hiểu rõ mối quan hệ

mật thiết và có những điểm khác biệt giữa kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm.

Kế hoạch 5 năm xây dựng các định hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển trung hạn của địa phương để đóng góp vào việc thực hiện thắng lợi những định hướng và mục tiêu phát triển đã được nêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của quốc gia và của tỉnh.

Còn kế hoạch hàng năm phản ánh những hoạt động cụ thể của địa phương hoặc của ngành để hướng đến đạt được các mục tiêu nêu ra trong kế hoạch 5 năm. Bản kế hoạch 5 năm đã được phân kỳ các chỉ tiêu phát triển, các công trình cần được triển khai theo thứ tự ưu tiên, các chuỗi giá trị đã được lựa chọn... Còn lập kế hoạch hàng năm thực chất là thực hiện các nhiệm vụ được phân kỳ trong kế hoạch 5 năm, song cụ thể hóa các giải pháp, các hoạt động triển khai trong năm kế hoạch.

Kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm mang tính định lượng cao, tập trung vào việc cụ thể hóa các mục tiêu và giải pháp trong kế hoạch thể dục thể thao 5 năm của địa phương thành các hoạt động, sử dụng các đầu vào (nguồn lực) để tạo được các đầu ra hay kết quả trực tiếp.

Các kiến thức phân kỳ kế hoạch 5 năm theo từng mục tiêu ưu tiên cho từng năm một dựa trên cân đối ngân sách khung chi tiêu trung hạn. Trong thực tế hiện nay, việc lập kế hoạch lại diễn ra thường xuyên và phải bảo vệ từng năm, nên ít có sự gắn kết kế hoạch 5 năm với kế hoạch hàng năm

thành một hệ thống. Kế hoạch hàng năm phải dựa trên định hướng phát triển của kế hoạch 5 năm và có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đang diễn ra có tác động đến việc thực hiện kế hoạch 5 năm mà trong thời kỳ lập kế hoạch 5 năm không lường trước được.

3.1. Ý nghĩa của kế hoạch hàng năm

Về bản chất, kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm (ngắn hạn) là chi tiết hoá các nhiệm vụ đã được phân kỳ trong kế hoạch trung hạn hoặc dài hạn của địa phương hoặc của ngành văn hóa, thể thao và du lịch. Hàng năm, ngành thể dục thể thao ở các địa phương triển khai lập kế hoạch để điều chỉnh lại sự phân kỳ đó cho phù hợp với sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội địa phương nói riêng và đất nước nói chung.

Khi triển khai đánh giá giữa kỳ kế hoạch 5 năm, tức là sau 2 - 3 năm, kế hoạch 5 năm có thể được điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu ban đầu của bản kế hoạch 5 năm của ngành thể dục thể thao cho phù hợp với thực tiễn của địa phương, đất nước và bối cảnh kinh tế quốc tế.

Sau khi đánh giá giữa kỳ và điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch 5 năm, sẽ điều chỉnh các mục tiêu kế hoạch của các năm còn lại. Tuy nhiên, trong điều kiện ở Việt Nam chưa thực hiện khung chỉ tiêu trung hạn, do đó vẫn phải thực hiện lập kế hoạch và phân tích, lập kế hoạch ngân sách hàng năm.

Về đặc điểm, kế hoạch phát triển ngành thể dục thể thao có các đặc điểm như sau:

- Phục vụ cho việc lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (theo chiều ngang): được thể hiện trong Phần chung/Phần Tổng hợp trong bản kế hoạch ngành thể dục thể thao với mục tiêu chung, các giải pháp lớn và chỉ tiêu quan trọng.

- Phục vụ cho việc triển khai các nhiệm vụ chuyên môn của ngành thể dục thể thao (theo chiều dọc): vừa tuân thủ định hướng lớn trong kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, vừa định hướng cho kế hoạch của các phòng văn hóa thể thao và trung tâm văn hóa thể thao cấp dưới. Các hướng dẫn này của các bộ mang tính đặc thù cao theo nhiệm vụ chính trị và cơ cấu tổ chức riêng của từng ngành thể dục thể thao và từng lĩnh vực thể thao quần chúng, thể thao trường học, thể thao thành tích cao.

3.2. Căn cứ lập kế hoạch hàng năm

- Chỉ thị về lập kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ cùng các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính; Khung hướng dẫn của ủy ban nhân dân tỉnh/ thành do Sở Kế hoạch và Đầu tư (về kế hoạch đầu tư) và Sở Tài chính soạn thảo (về kế hoạch chi thường xuyên).

- Kế hoạch 5 năm hiện hành của địa phương và của ngành thể dục thể thao thể hiện qua các nội dung định hướng phát triển, các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt và giải pháp thực hiện.

- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm trước đó.

Nếu ngành thể dục thể thao đã xây dựng được khung logic kế hoạch 5 năm và thực hiện phân kỳ các chỉ tiêu phát triển 5 năm, thì việc xây dựng khung logic kế hoạch hàng năm của địa phương/ngành đó sẽ khá đơn giản:

(1) Chỉ cần dựa trên các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp trong kế hoạch 5 năm của mình để xây dựng các mục tiêu và giải pháp cho kế hoạch hàng năm, nếu cần có sự điều chỉnh nhỏ cho phù hợp với tình hình thực tế (dựa vào đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm trước và dự báo tình hình phát triển vài năm tới);

(2) Xác định các hoạt động cần thực hiện trong năm cùng những nguồn lực được phân kỳ và kết quả trực tiếp (đầu ra) cho các hoạt động đó.

- Các cơ chế và chính sách lớn có tác động đến sự phát triển trong kỳ kế hoạch bao gồm các chính sách về sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, an sinh xã hội, những điều chỉnh về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, v.v;

- Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và/hoặc kế hoạch phát triển ngành năm nay và dự kiến các nguồn lực phát triển cho kế hoạch năm tới;

- Nghị quyết của địa phương (tỉnh ủy/huyện ủy/đảng ủy/ ngành về phát triển kinh tế xã hội và phát triển ngành thể dục thể thao những năm tới (các định hướng phát triển và chỉ tiêu cần đạt, các giải pháp cần thực hiện, v.v).

3.3. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm

Qui trình xây dựng kế hoạch phát triển ngành thể dục thể thao hàng năm của địa phương gồm 2 giai đoạn, thời gian tiến hành trước cấp tỉnh/ thành khoảng 1 tháng và được hoàn thiện sau khi hoàn thiện kế hoạch cấp tỉnh/ thành khi được phê duyệt ngân sách chính thức.

Sản phẩm cuối cùng của quy trình kế hoạch là bộ tài liệu gồm:

- Bản thuyết minh kế hoạch phát triển và Khung logic kế hoạch phát triển của sở văn hóa thể thao và du lịch hoặc của ngành thể dục thể thao;

- Khung theo dõi và đánh giá kế hoạch và kế hoạch xây dựng cơ bản của ngành;

- Dự toán ngân sách ngành thể dục thể thao kỳ kế hoạch tới.

Quy trình lập kế hoạch ngành thể dục thể thao thường được thực hiện với lập kế hoạch ngành văn hóa thể thao và du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương thực hiện, có các bước tương tự với lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cấp tỉnh, do đó, trong phần này chúng tôi giới thiệu quy trình chung để sinh viên có thể hiểu và vận dụng cụ thể trong lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm sau này.

Quy trình lập kế hoạch phát triển gồm 2 giai đoạn và các bước như sau:

Giai đoạn 1:

** Mục đích:*

- Thông báo các văn bản pháp lý của các cấp chính quyền về lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Thông báo khung hướng dẫn lập kế hoạch.

- Chính thức khởi động lập kế hoạch năm.

** Cách thức tiến hành:*

Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được Chỉ thị và Khung hướng dẫn lập kế hoạch hàng năm của Chính phủ & Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đến, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài Chính giúp Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương soạn thảo và gửi khung hướng dẫn lập kế hoạch và khái toán thu chi ngân sách tới các sở/ngành/ huyện/thị trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh năm sau.

Bước 1: Tổ chức họp triển khai công tác lập kế hoạch năm.

Tuy vậy, các địa phương, không nhất thiết đợi đến khi Trung ương có chỉ thị về lập kế hoạch mới tiến hành lập kế hoạch cấp huyện thị. Các tỉnh có thể chủ động hướng dẫn lập kế hoạch nhu cầu, phân tích thực trạng trước cho huyện/thị xã. Phòng Tài chính – Kế hoạch giúp ủy ban nhân dân quận/huyện/thị hướng dẫn các phòng, ban, xã/ phường/thị trấn và đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm sau.

Phương thức thực hiện: tổ chức hội nghị hướng dẫn; gửi công văn, tài liệu tới các bên liên quan nêu trên.

Công cụ: Khung và biểu mẫu hướng dẫn thống nhất của tỉnh cho từng cấp/đơn vị.

Sản phẩm: Các bản hướng dẫn lập kế hoạch năm được thông báo chi tiết và đầy đủ thông tin tới các sở, ban ngành, tới các huyện, xã.

Bước 2. Xây dựng khung logic kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán xây dựng cơ bản và dự toán thu chi ngân sách cấp tỉnh (từ 30/6 - 19/7).

Mục đích: Hình thành dữ liệu khái toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch ngân sách cho năm kế hoạch. Hình thành khung logic kế hoạch hàng năm dựa trên bản phân kỳ các mục tiêu kế hoạch 5 năm.

Cách thức thực hiện:

- Tham vấn cộng đồng lấy nhu cầu đầu tư cho các cơ sở. Trong điều kiện kinh phí chi cho tham vấn cộng đồng hạn chế, các xã/ phường/ thị trấn có thể thông qua các cuộc họp tổ dân cư, các hội, đoàn thể xã hội (phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội nông dân) để thu thập nhu cầu xây dựng cơ bản.

- Xã/ phường/ thị trấn tập hợp nhu cầu xây dựng cơ bản, và sau đó tiến hành tham vấn cấp lãnh đạo xã và có sự tham gia của các trưởng thôn để lựa chọn các công trình ưu tiên trong năm lập kế hoạch.

• Từ 5 - 15/6: Các đơn vị trực thuộc (phòng/ ban/ xã/ phường/ thị trấn)trên địa bàn quận/ huyện/thị lập và gửi báo cáo Dự toán nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản và khái toán thu chi ngân sách năm tới của mình về Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp và báo cáo về tỉnh.

Từ 16 - 29/6: Các đơn vị trực thuộc (sở/ngành/huyện/thị và các doanh nghiệp nhà nước) trên địa bàn tỉnh tổng hợp/lập và gửi dự toán nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản và khái toán thu chi ngân sách năm tới của mình về sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 để tổng hợp.

Phương thức và công cụ thực hiện: thu thập/tổng hợp các số liệu thống kê, số liệu KT-XH và điền vào các mẫu biểu cấp sở/ngành/huyện/thị.

** Đầu ra mong đợi:*

• Khung logic kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được xây dựng

• Dự toán ngân sách,

• Dự toán thu chi ngân sách.

Bước 3. Bảo vệ kế hoạch và kế hoạch ngân sách (nửa cuối thảng 7).

Mục đích: Thực hiện bảo vệ kế hoạch và kế hoạch ngân sách tại Trung ương để đảm bảo phù hợp với những định hướng lớn của cả nước và trong từng vùng.

Cách thức thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các thông tin và đưa vào Khung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội sơ bộ cấp tỉnh và Dự toán xây dựng cơ bản của tỉnh.

• Sở Tài chính tổng hợp Dự toán thu chi ngân sách sơ bộ, đồng thời dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu ngân sách và trình Thường vụ Tỉnh ủy, Thường vụ Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

• Ủy ban nhân dân Tỉnh gửi báo cáo về dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự thảo kế hoạch ngân sách tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài Chính trước ngày 20 tháng 7.

• Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tiến hành bảo vệ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán xây dựng cơ bản và dự toán ngân sách của địa phương trước Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, sau đó hoàn thiện các tài liệu này, nộp Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Trong các sản phẩm nêu trong khung trên, các tài liệu của quận/ huyện/ thị phải được tiến hành trước. Các tài liệu cấp tỉnh do các sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính sẽ cùng song hành thực hiện trong mối quan hệ trao đổi, thảo luận giữa các bên tham gia.

Giai đoạn 2: Hoàn thiện khung logic kế hoạch, khung theo dõi và đánh giá và kế hoạch ngân sách các cấp/ngành (từ tháng 8 đến cuối tháng 11).

Bước 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện khung logic kế hoạch và xây dựng khung theo dõi và đánh giá (15/8-15/9).

Mục đích: Hoàn chỉnh các tài liệu kế hoạch bao gồm khung kế hoạch, kế hoạch ngân sách của cấp tỉnh, ngành và huyện sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính.

- Xây dựng khung theo dõi và đánh giá. Dựa trên khung logic kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội sơ bộ, bản kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội sơ bộ, dự toán xây dựng cơ bản và dự toán kế hoạch ngân sách của tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính phê duyệt:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị trực thuộc (sở/ ngành/ huyện/ thị và các doanh nghiệp nhà nước) cấp tỉnh tổ chức rà soát, bổ sung thêm tình hình thực hiện kế hoạch năm hiện hành, và chỉnh sửa, hoàn thiện khung logic kế hoạch, khung theo dõi và đánh giá năm tới của địa phương/ngành/ đơn vị.

- Thu thập/ tổng hợp các số liệu thống kê, số liệu kinh tế xã hội và điền vào các mẫu biểu; tham vấn xin ý kiến lãnh đạo địa phương.

- Phòng tài chính kế hoạch quận/ huyện/ thị hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị cấp xã, phường và các đơn vị trực thuộc tổ chức đánh giá lại tình hình thực hiện kế hoạch năm hiện hành.

Các huyện thị chỉnh sửa khung kế hoạch và xây dựng khung theo dõi và đánh giá kế hoạch năm sau của địa

phương và của các đơn vị trực thuộc. Công cụ thực hiện: khung logic kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các mẫu biểu cấp quận/ huyện/ thị.

Đầu ra mong đợi:

- Các khung kế hoạch các ngành, cấp huyện và khung kế hoạch cấp tỉnh được chỉnh sửa sau khi bảo vệ kế hoạch trước Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Khung theo dõi và đánh giá của cấp tỉnh/ngành/huyện đã được xây dựng. Các hoạt động và tài liệu tham vấn cũng như cách thức tiến hành tham vấn tương tự như tham vấn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã được trình bày tại bước 7 của quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Các địa phương/ngành/đơn vị tiến hành tham vấn đánh giá thực hiện kế hoạch năm hiện hành, khung logic kế hoạch, khung theo dõi và đánh giá và bản kế hoạch năm tới của đơn vị mình. Đối tượng tham vấn gồm lãnh đạo các địa phương/ ngành, các chuyên gia, các tổ chức quần chúng, xã hội, các doanh nghiệp lớn ở địa phương... Thời gian tham vấn 1 tuần (từ 15 - 22/10). Sau đó, bộ phận lập kế hoạch của các địa phương/ ngành tổng hợp các ý kiến tham vấn để hoàn thiện khung logic kế hoạch, khung theo dõi và đánh giá, bản thuyết minh kế hoạch của địa phương/ngành mình rồi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày hoặc Phòng Tài chính kế hoạch để tổng hợp.

Các đầu ra: khung logic kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, khung theo dõi và đánh giá và bản thuyết minh kế hoạch các cấp và các đơn vị.

Bước 5. Tham vấn và hoàn thiện khung logic kế hoạch, khung theo dõi và đánh giá, và bản thuyết minh kế hoạch cấp đơn vị (15/10 - 15/11).

Bước 6. Phê duyệt và giao triển khai thực hiện kế hoạch các cấp. Đầu tháng 12 ủy ban nhân dân tỉnh trình bản kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh để phê duyệt; Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thực hiện. Uỷ ban nhân dân tỉnh giao các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách cho các sở, ngành và địa phương, hướng dẫn chi tiết cho các sở, ngành và địa phương ngay sau khi ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch. Trên cơ sở quyết định của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài Chính, các sở, ngành và ủy ban nhân dân các huyện/thị quyết định phương án phân bổ kế hoạch cho cấp dưới xong trong tháng 12.

Sản phẩm cuối cùng của quy trình kế hoạch là bộ tài liệu gồm:

- Bản thuyết minh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh khung logic kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
- Khung theo dõi và đánh giá kế hoạch phát triển và kế hoạch xây dựng cơ bản cấp tỉnh.

• Thông báo dự toán ngân sách tỉnh kỳ kế hoạch tới.

Bước 7. Theo dõi và thực hiện đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ kế hoạch hàng năm.

Tóm tắt chương 9

1. Kế hoạch phát triển là một công cụ quản lý và điều hành các hoạt động thể dục thể thao, nó xác định một cách hệ thống những hoạt động nhằm phát triển thể dục thể thao theo những mục tiêu, chỉ tiêu và các cơ chế, chính sách sử dụng trong một thời kỳ nhất định.

2. Kế hoạch phát triển thể dục thể thao có thể phân thành hai nhóm là các kế hoạch mục tiêu và các kế hoạch biện pháp. Kế hoạch mục tiêu là những kế hoạch có tính chất phát triển trong các lĩnh vực thể dục thể thao nhằm cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả các chiến lược, quy hoạch. Kế hoạch biện pháp mang tính chất tác nghiệp đơn thuần như kế hoạch vốn, kế hoạch ngân sách dành cho hoạt động thể dục thể thao...

3. Hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển thể dục thể thao là thước đo cụ thể nhiệm vụ cần đạt được trong kế hoạch (về số lượng và chất lượng).

4. Kế hoạch trung hạn (còn gọi là kế hoạch 5 năm) là sự cụ thể hóa các tư tưởng chiến lược và quy hoạch phát triển, là một trong những cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch hàng năm.

5. Việc lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao trung hạn (5 năm) có các ý nghĩa: là công cụ quản lý các lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao trong một giai đoạn cụ thể tương ứng với một nhiệm kỳ. Các mục tiêu kế hoạch nhằm cụ thể hóa định hướng chiến lược và quy hoạch tổng thể. Cụ thể hóa các giải pháp phối hợp. Phân tích các lợi thế phát triển nhằm ưu tiên đầu tư có trọng điểm.

6. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao trung hạn (5 năm) có 8 bước: chuẩn bị lập kế hoạch; phân tích tiềm năng và đánh giá thực trạng; xác định mục tiêu và chỉ tiêu; xác định các phương án kế hoạch; phân kỳ các mục tiêu phát triển; xây dựng kế hoạch và khung logic kế hoạch 5 năm; tham vấn và hoàn thiện kế hoạch; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Kế hoạch thể dục thể thao hàng năm tương tự kế hoạch thể dục thể thao 5 năm nhưng có tính định lượng cao, chủ yếu tập trung vào việc cụ thể hóa các mục tiêu và giải pháp trong kế hoạch 5 năm thành các hoạt động, sử dụng các nguồn lực để đạt được kết quả cụ thể trực tiếp.

8. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm thực hiện theo các bước: họp triển khai công tác lập kế hoạch; xây dựng khung logic kế hoạch; bảo vệ kế hoạch và bảo vệ ngân sách; chỉnh sửa hoàn thiện kế hoạch; tham vấn hoàn thiện; phê duyệt và giao triển khai thực hiện; theo dõi và đánh giá kế hoạch.

Câu hỏi ôn tập

1. Kế hoạch phát triển thể dục thể thao là gì? Có mấy loại kế hoạch phát triển thể dục thể thao?

2. Trình bày khái niệm và phân loại hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch?

3. Khi xây dựng một kế hoạch phát triển thể dục thể thao, ta cần dựa trên những căn cứ nào? Những loại văn bản chủ yếu được sử dụng làm cơ sở cho việc lập kế hoạch?

4. Mô tả khái quát quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao trung hạn?

5. Đề cương kế hoạch phát triển thể dục thể thao thường có các phần chủ yếu nào? Lấy ví dụ minh họa?

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới.*

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *244 tình huống giải đáp những vấn đề cốt yếu trong công tác quản lý – đào tạo – phát triển ngành thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Lao động.

3. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

Chương 10
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VỀ THỂ DỤC THỂ THAO

Mục tiêu

Trong kế hoạch hóa phát triển, chương trình mục tiêu là một kế hoạch hành động, nói cách khác là một công cụ để triển khai tổ chức thực hiện một lĩnh vực trọng tâm, cụ thể của chiến lược hay quy hoạch phát triển tầm vĩ mô. Nội dung chương này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về ý nghĩa, mục đích, tiêu chuẩn, nội dung và quy trình xây dựng chương trình mục tiêu thể dục thể thao.

Học xong chương này, sinh viên có thể:

- Có kiến thức tổng quan về chương trình mục tiêu (như khái niệm, tiêu chuẩn chung và nội dung chương trình);

- Nắm vững các nội dung của một chương trình mục tiêu về thể dục thể thao;

- Nhận biết quy trình tổ chức xây dựng chương trình mục tiêu;

- Hiểu biết các chương trình trong đề án phát triển tầm vóc và thể lực người Việt Nam đến năm 2030.

1. Khái quát về chương trình mục tiêu

1.1. Khái niệm, tiêu chuẩn và nội dung chương trình mục tiêu

1.1.1. Khái niệm

Chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu đã được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước trong một thời gian nhất định.

Một chương trình mục tiêu quốc gia gồm nhiều dự án khác nhau để thực hiện các mục tiêu của chương trình. Đối tượng quản lý và kế hoạch hóa được xác định theo chương trình, việc đầu tư được thực hiện theo dự án.

Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các hoạt động để tiến hành một công việc nhất định nhằm đạt được một hay nhiều mục tiêu cụ thể đã được định rõ trong chương trình với nguồn lực và thời hạn thực hiện được xác định.

1.1.2. Tiêu chuẩn lựa chọn chương trình mục tiêu quốc gia

Các vấn đề được chọn để giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia phải là những vấn đề có tính cấp bách, liên ngành, liên vùng và có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, cần phải được tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo của Chính phủ để giải quyết.

Mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia phải rõ ràng, lượng hóa được và phải nằm trong chiến lược chung của quốc gia.

Thời gian thực hiện chương trình phải được quy định giới hạn, thường là 5 năm, hoặc phân kỳ thực hiện cho từng giai đoạn 5 năm.

Các vấn đề xã hội mà Chính phủ Việt Nam cam kết với quốc tế thực hiện theo chương trình chung của thế giới hoặc khu vực.

1.1.3. Nội dung chương trình mục tiêu quốc gia

Đánh giá thực trạng tình hình của lĩnh vực thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; những vấn đề cấp bách cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

Phạm vi, quy mô và mục tiêu chung của chương trình; các chỉ tiêu cơ bản phải đạt được trong từng khoảng thời gian cụ thể; các dự án của chương trình.

Tổng mức kinh phí của chương trình bao gồm cả kinh phí cho việc xử lý các vấn đề về khoa học, công nghệ (nếu có), mức kinh phí theo từng năm, phương thức huy động các nguồn vốn.

Cơ chế, chính sách thực hiện chương trình.

Yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực thực hiện chương trình.

Những vấn đề về khoa học, công nghệ cần phải xử lý (nếu có).

Hiệu quả kinh tế - xã hội chung của chương trình và của từng dự án.

Khả năng lồng ghép với các chương trình khác.

Kế hoạch, tiến độ tổ chức thực hiện chương trình, dự án.

Hợp tác quốc tế.

Kế hoạch và thông số kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình.

1.2. Quy trình xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu

- Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ của chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương đề xuất các vấn đề xã hội bức xúc cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cơ quan được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức xây dựng nội dung chương trình và các dự án.

Việc xây dựng chương trình dự án được tiến hành vào thời kỳ xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thời gian thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Việc thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

Khi xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm, nếu các điều kiện cân đối hoặc mục tiêu chương trình có thay đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, trình Chính phủ điều chỉnh chương trình mục tiêu quốc gia theo các nội dung cụ thể sau:

1. Đánh giá phần chương trình đã thực hiện.

2. Luận chứng về sự cần thiết và lý do điều chỉnh.

3. Nội dung điều chỉnh (bao gồm cả mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của chương trình).

4. Ảnh hưởng của những điều chỉnh đó đối với mục tiêu cuối cùng của chương trình và hiệu quả của việc điều chỉnh.

- Bộ, ngành, cơ quan Trung ương tham gia quản lý và thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia và Uỷ

ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, cơ chế, chính sách, v.v...); báo cáo giữa kỳ đối với chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia, theo mẫu biểu quy định.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo giữa kỳ đối với các chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (hàng quý và hàng năm), tình hình và kết quả thực hiện giữa kỳ và kết thúc các chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Cơ chế tài chính và phân cấp quản lý đối với chương trình mục tiêu

1.3.1. Cơ chế tài chính đối với chương trình mục tiêu

Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ, mục tiêu của các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề xuất mức cân đối ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội thông qua.

Căn cứ vào mức ngân sách được cấp có thẩm quyền thông báo cho từng chương trình, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến phân bổ kinh phí của chương trình cho từng bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của bộ, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được cân đối trong dự toán chi ngân sách Trung ương do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương để thực hiện nhiệm vụ của chương trình do Trung ương quản lý và cấp bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình do địa phương quản lý.

Việc quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản pháp quy liên quan khác của Chính phủ.

Để thực hiện các mục tiêu của chương trình, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động thêm vốn tín dụng trong và ngoài nước, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng để thực hiện chương trình.

Đối với nguồn vốn huy động được từ nhân dân, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi thực hiện chương trình) được sử dụng vào các công việc thuộc nội dung chương trình, nhưng phải quản lý và thanh toán, quyết toán theo các quy định hiện hành.

1.3.2. Phân cấp quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu

a. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

Làm đầu mối để giúp Chính phủ quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và 10 năm của Nhà nước và đề xuất của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức thẩm định

các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất tổng mức kinh phí ngân sách phân bổ cho từng chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển) trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương xây dựng cơ chế về quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia trình Chính phủ ban hành.

Tham gia với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng, phân bổ kinh phí của chương trình theo nhiệm vụ và mục tiêu.

Tổng hợp nguồn kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được phân bổ theo các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào kế hoạch chung của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương, để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Thông tin cho các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương về định hướng xây dựng kế hoạch hàng năm của các chương tình mục tiêu quốc gia.

Phối hợp với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám

sát tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương.

Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (hàng quý và hàng năm), tình hình và kết quả thực hiện giữa kỳ và kết thúc các chương trình mục tiêu quốc gia, phát hiện những vướng mắc, tồn tại và đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Tài chính.

b. Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất tổng mức kinh phí phân bổ cho từng chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển).

Cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách Trung ương hàng năm cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương quản lý.

Cấp bổ sung kinh phí có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo kế hoạch phân bổ kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia.

Kiểm tra và hướng dẫn các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện đúng các quy định về chế độ tài chính - kế toán hiện hành.

Tham gia với các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng phân bổ kinh phí của chương trình theo nhiệm vụ và mục tiêu.

Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương.

Duyệt và thông báo quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trong quyết toán ngân sách nhà nước do các bộ, ngành, cơ quan Trung ương thực hiện.

Tổng hợp quyết toán chương trình do các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c. Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có nhiệm vụ:

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan tổ chức xây dựng nội dung chương trình và các dự án thuộc chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia để giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; giải thể Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia khi chương trình kết thúc.

Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia là một đồng chí lãnh đạo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia. Các thành viên ban chủ nhiệm gồm đại diện có thẩm quyền của các bộ phận: kế hoạch, tài vụ và các bộ phận có liên quan.

Quy chế hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia quyết định.

Kinh phí hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

Đối với những chương trình mục tiêu quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, ban bhủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia cần có thành viên thuộc các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan.

Thành phần và quy chế hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Hàng năm, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm lập kế hoạch về mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ.

Căn cứ tổng mức kinh phí của chương trình được cấp có thẩm quyền thông báo, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến phân bổ kinh phí của chương trình, cả về cơ cấu và mức kinh phí phân bổ cụ thể cho các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã

được duyệt (trong trường hợp còn có ý kiến không thống nhất về cơ cấu và mức vốn cụ thể cho các đơn vị thực hiện thì ý kiến cơ quan quản lý chương trình là quyết định).

Văn bản phân bổ mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của các chương trình được gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp vào ngân sách chung của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chịu trách nhiệm quyết toán phần kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trực tiếp thực hiện.

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng quy chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để có căn cứ thực hiện.

Chỉ đạo các cơ quan ngành dọc ở địa phương phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch hàng năm của chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, biện pháp tổ chức thực hiện) để tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hướng dẫn ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hàng năm của

chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, biện pháp tổ chức thực hiện); thực hiện đầy đủ nội dung và tiến độ báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định chung.

Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Định kỳ (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình) tổng hợp tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

d. Bộ, ngành, cơ quan tham gia quản lý và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có nhiệm vụ:

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ Tài chính, xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đề xuất nguồn lực để thực hiện các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia được phân công quản lý và thực hiện, gửi cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch hàng năm theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các dự án được phân công quản lý và thực hiện.

Chịu trách nhiệm quản lý và thanh toán, quyết toán phần kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trực tiếp thực hiện theo quy định hiện hành về tài chính.

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát.

Ngoài nguồn kinh phí đã được giao, được phép huy động các nguồn lực khác theo luật định để bổ sung cho việc thực hiện các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia.

Báo cáo mức bổ sung kinh phí (nếu có) cho cơ quan quản lý chương trình.

Tổng hợp tình hình thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia được phân công quản lý và thực hiện theo nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình), báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

e. Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

Thống nhất quản lý nguồn lực, điều hành, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Thành lập ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của địa phương để quản lý, lập kế hoạch, lồng ghép và

tổ chức điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Trưởng ban chỉ đạo là một đồng chí lãnh đạo ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thường trực ban chỉ đạo là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan.

Mỗi tỉnh, thành phố chỉ thành lập một ban chỉ đạo để điều hành chung tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Quy chế hoạt động của ban chỉ đạo do chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo do ngân sách địa phương bảo đảm.

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ Tài chính, chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn (mục tiêu, nhiệm vụ, đề xuất nguồn lực, biện pháp tổ chức thực hiện, cơ chế chính sách) gửi cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Tổ chức thẩm định và phê duyệt các dự án của các chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý theo quy định hiện hành.

Tổ chức lồng ghép và phối hợp các nguồn lực của các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án do địa phương quản lý để tránh chồng chéo, giảm bớt đầu mối và tập trung nguồn lực cho mục tiêu ưu tiên.

Ngoài nguồn kinh phí Trung ương đã giao, tổ chức huy động các nguồn lực của địa phương (bao gồm cả kinh phí, ngày công lao động và các yếu tố vật chất khác) để bổ sung cho việc thực hiện chương trình.

Báo cáo mức bổ sung kinh phí của từng chương trình (nếu có) cho cơ quan quản lý chương trình.

Giao chỉ tiêu kế hoạch về mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý trên địa bàn cho các chủ dự án và ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện.

Chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn, thực hiện đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại cơ sở.

Kịp thời uốn nắn các sai sót trong việc thực hiện chương trình.

Xử lý nghiêm minh các trường hợp làm thất thoát kinh phí do vô trách nhiệm hoặc tham nhũng.

Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình), báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Giới thiệu các nội dung chủ yếu của Chương trình Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030

1) Mục tiêu tổng quát

Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam.

2) Mục tiêu cụ thể

Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, giảm mạnh tỷ lệ suy dinh dưỡng để cải thiện các chỉ số cơ bản của trẻ em 5 tuổi và đảm bảo các tiêu chí đánh giá thể lực, tầm vóc thân thể của thanh niên Việt Nam lứa tuổi trưởng thành.

a) Cải thiện tầm vóc thân thể của thanh niên Việt Nam đạt nhịp độ tăng trưởng ổn định theo các tiêu chí sau:

- Đối với nam 18 tuổi: Năm 2020 chiều cao trung bình 167 cm; năm 2030 chiều cao trung bình 168,5 cm.

- Đối với nữ 18 tuổi: Năm 2020 chiều cao trung bình 156 cm; năm 2030 chiều cao trung bình 157,5 cm.

b) Cải thiện thể lực, đặc biệt là sức bền và sức mạnh của đa số thanh niên có bước phát triển rõ rệt, thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển ở châu Á theo các tiêu chí sau:

- Đối với nam 18 tuổi:

+ Chạy tùy sức 5 phút tính quãng đường trung bình đạt 1.050 m vào năm 2020; 1.150 m vào năm 2030.

+ Lực bóp tay thuận đạt trung bình 45 kg năm 2020; 48 kg năm 2030.

- Đối với nữ 18 tuổi:

+ Chạy tùy sức 5 phút tính quãng đường trung bình đạt 850 m vào năm 2020; 1.000 m năm 2030.

+ Lực bóp tay thuận đạt trung bình 30 kg năm 2020; 34 kg năm 2030.

c) Hình thành phong trào toàn xã hội chăm lo phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam; mở rộng các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, giải trí lành mạnh, giúp con người phát triển hài hòa về thể lực, trí lực, tâm lực.

d) Tăng cường chăm sóc sức khỏe trẻ em, người chưa thành niên và thanh niên nhằm giảm thiểu các bệnh về tim mạch, bệnh béo phì, bệnh gây bất bình thường về chiều cao thân thể, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

3) Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Đề án được thực hiện trong phạm vi toàn quốc và chỉ đạo trọng điểm ở 4 thành phố, 6 tỉnh đồng bằng, miền núi.

b) Đối tượng của Đề án: Bà mẹ mang thai, trẻ sơ sinh, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên đến 18 tuổi.

4) Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện Đề án là 20 năm, chia làm 2 giai đoạn

- Giai đoạn 1: Từ năm 2011 – 2020: Giai đoạn thực hiện thí điểm giải pháp đồng bộ về dinh dưỡng và thể dục thể thao; trong đó, chương trình 1 chỉ tiến hành nghiên cứu trong 5 năm từ năm 2011 – 2015.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2021 – 2030: Thụ hưởng thành quả của giai đoạn 1 để thực hiện mở rộng trong phạm vi toàn quốc và hoàn thiện Đề án.

5) Các chương trình của Đề án

Chương trình 1: Nghiên cứu triển khai, ứng dụng những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Nhiệm vụ: Xây dựng các chỉ số sinh học và các tiêu chí, tiêu chuẩn phát triển thể lực, tầm vóc; đề xuất khả năng can thiệp cải thiện thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Nội dung chủ yếu:

+ Khảo sát, thống kê các chỉ số sinh học và tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

+ Khảo sát thống kê số liệu về yếu tố di truyền và môi trường chi phối chiều cao đứng.

+ Điều tra tổng hợp và xác định tần số bệnh tật gây bất thường về tầm vóc thân thể, thể lực; đề xuất một số biện pháp can thiệp.

- Tiêu chí đánh giá: Có tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá thể lực, tầm vóc người Việt Nam; thí điểm triển khai, ứng dụng những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tầm vóc người Việt Nam từ 03 tuổi đến 18 tuổi ở 25% số trường mẫu giáo và phổ thông.

Chương trình 2: Chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, chất lượng dân số có liên quan.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- Nhiệm vụ: Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ mang thai, trẻ sơ sinh, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên đến 18 tuổi.

- Nội dung chủ yếu:

+ Tiếp tục chương trình chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi.

+ Nghiên cứu đề xuất chuẩn thực đơn dinh dưỡng hàng ngày phù hợp với các đối tượng của Đề án.

+ Thí điểm hướng dẫn và thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với học sinh mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

+ Xây dựng và triển khai chương trình sữa học đường đối với học sinh mẫu giáo, tiểu học.

+ Đánh giá hiệu quả về dinh dưỡng đối với trẻ em và học sinh từ 03 tuổi đến 18 tuổi.

+ Đánh giá tổng hợp sự lồng ghép Đề án này với các chương trình chăm sóc sức khỏe, chất lượng dân số có liên quan.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Đến năm 2015 thí điểm hướng dẫn, chăm sóc chế độ dinh dưỡng cho 55% số trường mẫu giáo và phổ thông; thí

điểm triển khai chương trình sữa học đường cho 45 – 50% số trường mẫu giáo và tiểu học.

+ Đến năm 2020 mở rộng diện hướng dẫn, chăm sóc chế độ dinh dưỡng cho 100% số trường mẫu giáo và phổ thông; triển khai chương trình sữa học đường đối với toàn bộ các trường mẫu giáo và tiểu học.

Chương trình 3: Phát triển thể lực, tầm vóc bằng giải pháp tăng cường giáo dục thể chất đối với học sinh từ 03 tuổi đến 18 tuổi.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- Nhiệm vụ: Nâng cao chất lượng giờ học thể dục chính khóa; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa, hướng dẫn học sinh tự luyện tập thể dục thể thao để tăng cường thể lực, cải thiện chiều cao thân thể.

- Nội dung chủ yếu:

+ Khảo sát thực trạng thể dục thể thao trường học, thể chất và sức khỏe học sinh là đối tượng của Đề án.

+ Cải thiện và tăng cường điều kiện phục vụ hoạt động thể dục thể thao trong trường học bao gồm: cơ chế chính

sách, tổ chức quản lý, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ tập luyện.

+ Chuẩn hóa, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục thể chất đối với các trường thí điểm.

+ Tận dụng các công trình thể dục thể thao trên địa bàn để phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất trong trường học (chính khóa và ngoại khóa).

+ Đảm bảo chất lượng dạy và học thể dục chính khóa, các hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh; xây dựng chương trình giáo dục thể chất hợp lý có kết hợp với giáo dục quốc phòng, triển khai đồng bộ với công tác y tế học đường và dinh dưỡng học đường.

+ Xây dựng thích hợp một hệ thống các lớp năng khiếu thể thao ban đầu ở trường học, đặc biệt ở các trường trung học cơ sở.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Đến năm 2020 số trường phổ thông các cấp có câu lạc bộ thể dục thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục thể thao, thực hiện dạy thể dục nội khóa kết hợp với hoạt động thể thao ngoại khóa chiếm 55% tổng số trường.

+ Đến năm 2030 đạt định mức tiêu chí đánh giá nêu trên ở khoảng 90% tổng số trường.

Chương trình 4: Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi xã hội về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- Nhiệm vụ: Thông tin, giáo dục, truyền thông, tiếp thị xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi xã hội và huy động sự tham gia của toàn xã hội trong các hoạt động của Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Nội dung chủ yếu:

+ Xác định đối tượng, nội dung và biện pháp tuyên truyền, giáo dục.

+ Phổ cập thông tin, kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng đối với trẻ sơ sinh, nhi đồng, thiếu niên và thanh niên; các biện pháp tập luyện thể dục thể thao, xây dựng lối sống lành mạnh, phòng chống nguy cơ lây nhiễm bệnh tật.

+ Kết hợp các biện pháp truyền thông trực tiếp thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, hệ thống của ngành văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; truyền thông thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử và các biện pháp tiếp thị xã hội.

- Tiêu chí đánh giá:

Đến năm 2020 tuyên truyền giáo dục để hình thành phong trào xã hội chăm lo phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam đối với 55% các trường mẫu giáo, phổ thông; đến năm 2030 đối với 90% các trường mẫu giáo, phổ thông.

6) Các nhóm giải pháp chính

a) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, đánh giá, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan tới chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Xây dựng quy hoạch phát triển cơ sở vật chất ngành thể dục thể thao, bổ sung chức năng hỗ trợ giáo dục thể chất trường học đối với các cơ sở tập luyện, thi đấu của ngành thể dục thể thao các cấp. Các cơ sở này phải có kế hoạch phục vụ miễn phí tối đa cho giáo dục thể chất trường học trên từng địa bàn.

- Ban hành các quy định khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, xây dựng công trình thể dục thể thao trường học, các công trình dịch vụ thể dục thể thao, tham gia tài trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện các mục tiêu của Đề án, các nhiệm vụ của từng chương trình.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ vốn, cơ chế chính sách thích hợp nhằm huy động sự tham gia của xã hội, nhà trường, doanh nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm thực phẩm giàu dinh dưỡng trước hết là sữa, trứng cho trẻ em có đủ dinh dưỡng phát triển thể lực, tầm vóc.

- Ban hành văn bản pháp quy về xây dựng các trường, lớp năng khiếu thể thao trong các trường phổ thông.

- Thực hiện Đề án này lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan tới phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam được Quốc hội phê duyệt từ năm 2011 – 2030, nhưng không trùng lặp về nội dung.

- Xây dựng chế độ kiểm tra, đánh giá định kỳ và cơ chế giám sát thực hiện các mục tiêu của Đề án, các nhiệm vụ của từng chương trình.

b) Nhóm giải pháp huy động nguồn lực

- Nhà nước tăng cường đầu tư kết hợp với huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa, các nguồn vốn viện trợ chính thức, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, các nguồn thu từ đặt cược thể thao để phục vụ Đề án. Trong đó, ngân sách nhà nước ưu tiên cho các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa.

- Huy động nguồn nhân lực phục vụ Đề án từ Viện Khoa học Thể dục thể thao, các trường đại học thể dục thể thao, đại học sư phạm thể dục thể thao, khoa giáo dục thể chất thuộc các trường đại học và cao đẳng sư phạm; đội ngũ cán bộ, giáo viên thể dục thể thao các trường học, cán bộ làm công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng của Bộ Y tế:

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư và liên doanh, liên kết trong việc triển khai các hoạt động có liên quan tới Đề án. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học về thể chất, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế về kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, thiết bị nghiên cứu phục vụ các nội dung của Đề án.

- Huy động sự ủng hộ, tham gia tích cực của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, trước hết là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam...

c) Nhóm giải pháp giáo dục, truyền thông

- Tăng cường công tác tuyên truyền tạo sự hiểu biết của xã hội về Đề án để hình thành phong trào toàn xã hội cùng chăm lo phát triển thể lực, tầm vóc con người Việt Nam.

- Biên soạn, xuất bản tài liệu, phim giáo khoa phục vụ triển khai Đề án; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và truyền hình địa phương xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về Đề án, tuyên truyền giáo dục cho mọi người dân biết tự chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường.

- Huy động các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và xây dựng mạng lưới cộng tác viên tuyên truyền, vận động trực tiếp tới từng hộ gia đình về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Xây dựng cổng thông tin điện tử của Đề án và thiết lập hệ cơ sở dữ liệu về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam ở các trường học.

7) Nguồn vốn và cơ chế quản lý, điều hành.

a) Kinh phí thực hiện gồm các nguồn: Kinh phí ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), kinh phí từ nguồn xã hội hóa, huy động các nguồn ODA, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, các nguồn thu từ đặt cược thể thao.

- Ngân sách trung ương đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu khoa học.

+ Thí điểm kết hợp biện pháp dinh dưỡng và phát triển thể dục thể thao trường học; khuyến khích và hỗ trợ thực hiện chương trình sữa học đường.

+ Thông tin – truyền thông.

+ Quản lý Đề án.

+ Hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất thể dục thể thao cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Ngân sách địa phương: Bảo đảm xây dựng cơ sở vật chất thể dục thể thao và các điều kiện phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, chăm sóc dinh dưỡng học đường, thực hiện chương trình sữa học đường.

- Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước bảo đảm dinh dưỡng, cơ sở vật chất tập luyện thể dục thể thao, tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao trường học.

b) Nguyên tắc phân bổ kinh phí

- Kinh phí thực hiện Đề án được phân bổ theo từng giai đoạn 5 năm và phân bổ trực tiếp đối với từng chương trình cụ thể.

- Hàng năm và trước khi kết thúc từng giai đoạn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án của năm và giai đoạn tiếp theo thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính làm căn cứ để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

- Trong năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí quản lý Đề án; thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí thực hiện từng chương trình của Đề án trong giai đoạn 2011 – 2015.

- Đảm bảo nguyên tắc xây dựng, phê duyệt và phương thức phối hợp, lồng ghép thực hiện các chương trình của Đề án trong triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.

c) Cơ chế quản lý, điều hành Đề án

- Quản lý và điều hành Đề án tuân thủ các nguyên tắc và cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đề án thực hiện chỉ đạo trọng điểm ở 4 thành phố, một số tỉnh đồng bằng và miền núi trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai, Thanh Hóa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Bạc Liêu, Bình Dương.

- Thực hiện sơ kết Đề án mỗi năm một lần; tổng kết Đề án theo giai đoạn 5 năm một lần.

8) Tổ chức thực hiện Đề án

a) Đề án tổng thể là Đề án khung. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban điều phối Đề án phải chỉ đạo hoàn thiện các chương trình thành phần, kèm theo dự toán kinh phí và kế hoạch thực hiện giai đoạn đầu.

b) Ban điều phối Đề án do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, bao gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo

các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực.

Ban điều phối Đề án chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành, các địa phương có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình trong Đề án và tổng hợp các báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, từng giai đoạn.

c) Phân công trách nhiệm

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực Đề án chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và phê duyệt các chương trình thành phần của Đề án; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành và địa phương liên quan trong việc triển khai thực hiện các chương trình của Đề án. Chủ trì thực hiện chương trình 3 và chương trình 4 của Đề án. Tổng hợp tình hình thực hiện Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hàng năm và kết thúc giai đoạn 5 năm.

Trong trường hợp phát sinh các vấn đề mới cần điều chỉnh so với mục tiêu, nội dung của Đề án đã được phê duyệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan liên quan điều chỉnh, bổ sung hoặc báo cáo với cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

- Bộ Y tế chủ trì thực hiện chương trình 1 và chương trình 2 của Đề án. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp tình hình thực hiện Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hàng năm và kết thúc giai đoạn 5 năm.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các chương trình thành phần của Đề án; đồng thời phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai Đề án theo phân cấp quản lý của Chính phủ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành và địa phương liên quan cân đối, bố trí ngân sách thực hiện Đề án; hướng dẫn quản lý tài chính, kinh phí của Đề án; xây dựng các cơ chế chính sách huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện Đề án.

- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam phối hợp với cơ quan chủ trì các chương trình để triển khai thực hiện Đề án, ban hành các cơ chế, chính sách thích hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện Đề án này trên địa bàn ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

bố trí kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành để thực hiện các chương trình thuộc Đề án này có liên quan tới địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên hiệp Hội các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh và Hội Người cao tuổi theo chức năng của mình phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

Tóm tắt chương 10

1. Chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu đã được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước trong một thời gian nhất định.

2. Một chương trình mục tiêu quốc gia gồm nhiều dự án khác nhau để thực hiện các mục tiêu của chương trình. Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các hoạt động để tiến hành một công việc nhất định nhằm đạt được một hay nhiều mục tiêu cụ thể đã được định rõ trong chương trình với nguồn lực và thời hạn thực hiện được xác định.

3. Một chương trình mục tiêu quốc gia để được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chuẩn: (1) là vấn đề có tính cấp

bách, liên ngành, liên vùng và có tầm quan trọng, cần phải được tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo của Chính phủ để giải quyết. (2) Mục tiêu rõ ràng, lượng hóa được và phải nằm trong chiến lược chung. (3) Thời gian thực hiện được quy định giới hạn. (4) Các vấn đề xã hội mà Chính phủ Việt Nam cam kết với quốc tế thực hiện theo chương trình chung của thế giới hoặc khu vực.

4. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được cân đối trong dự toán chi ngân sách được cấp. Việc quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí này thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản liên quan khác. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động thêm vốn tín dụng trong và ngoài nước, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng để thực hiện chương trình nhưng phải quản lý và thanh toán, quyết toán theo các quy định hiện hành.

5. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý và điều hành chương trình mục tiêu.

6. Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu thành lập ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu để giúp việc tổ chức thực hiện chương trình, ban chủ nhiệm được giải thể khi nhiệm vụ kết thúc. Quy chế hoạt động của ban chủ nhiệm do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quyết định.

7. Đề án tổng thể phát triển thể lực tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 được xem là chương trình mục tiêu nhằm phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam.

8. Đề án tổng thể phát triển thể lực tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 có 4 chương trình chính; đó là: Chương trình 1. Nghiên cứu triển khai, ứng dụng những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tầm vóc người Việt Nam; Chương trình 2: Chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, chất lượng dân số có liên quan; Chương trình 3: Phát triển thể lực, tầm vóc bằng giải pháp tăng cường giáo dục thể chất đối với học sinh từ 03 tuổi đến 18 tuổi; Chương trình 4: Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi xã hội về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

Câu hỏi ôn tập

1. Chương trình mục tiêu là gì? So sánh sự khác nhau giữa chương trình mục tiêu và quy hoạch phát triển?

2. Trình bày các tiêu chuẩn và nội dung của chương trình mục tiêu?

3. Phân tích cơ chế tài chính dành cho chương trình mục tiêu?

4. Việc quản lý và điều hành chương trình mục tiêu được thực hiện như thế nào?

5. Trình bày khái quát 4 chương trình trong Đề án "tổng thể phát triển tầm vóc, thể lực người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030?

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới.*

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *244 tình huống giải đáp những vấn đề cốt yếu trong công tác quản lý – đào tạo – phát triển ngành thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Lao động.

3. Dương Nghiệp Chí (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục thể thao,* Nhà xuất bản thể dục thể thao.

4. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

5. Nguyễn Văn Phúc (2008), *Quản lý dự án cơ sở lý thuyết và thực hành,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

6. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định số 641/QĐ ngày 28/11/2011 Về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030.*

Chương 11
LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

Mục tiêu

Mục đích của chương này nhằm làm rõ dự án đầu tư là một phương thức quản lý trong hoạt động kế hoạch hóa mà ở đó những mục tiêu cụ thể được xác định và được thực hiện theo một nội dung, trình tự chặt chẽ với những nguồn lực cụ thể trong một thời gian giới hạn nhất định.

Học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức được yêu cầu đối với công tác lập kế hoạch dự án đầu tư trong thể dục thể thao;

- Nắm được cách thức lập kế hoạch dự án đầu tư để vận dụng trong quản lý thể dục thể thao;

- Hiểu và trình bày được một số văn bản dự án đầu tư theo mẫu.

Lập kế hoạch dự án đầu tư thường để giải quyết một nhiệm vụ chủ yếu nào đó cần tập trung đầu tư nguồn lực và kinh phí trong một thời gian tương đối ngắn. Kế hoạch dự án đầu tư là loại tài liệu có tính pháp lệnh cho mỗi một dự án, đó là một hệ thống các văn bản quy định cụ thể, chi tiết các mục tiêu cần đạt được của dự án, những sản phẩm mà

dự án sẽ tạo ra, những hoạt động và nhiệm vụ cần tiến hành để đạt được các mục tiêu đó, những nguồn lực cụ thể cần huy động, cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực cũng như thời điểm cụ thể để thực hiện các hoạt động có liên quan đến dự án nhằm đáp ứng đầy đủ ở mức cao các ràng buộc đối với dự án.

Kế hoạch dự án là loại văn bản quan trọng nhất của mỗi dự án mà mỗi lần điều chỉnh, thay đổi mới đều phải được thỏa thuận, quyết định lại như khi bắt đầu một dự án mới. Toàn bộ các hoạt động của dự án, các đối tượng có liên quan tới dự án đều phải được đưa vào một kế hoạch thống nhất, dù chúng có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau. Chất lượng của kế hoạch dự án đầu tư quyết định sự thành công hay thất bại, mức độ thành công của dự án. Nó cũng ảnh hưởng đến việc sau này dự án thực hiện có được thuận lợi hay không.

1. Yêu cầu đối với công tác lập kế hoạch dự án đầu tư trong lĩnh vực thể dục thể thao

Cũng như việc lập kế hoạch các dự án khác, quá trình lập kế hoạch dự án đầu tư trong lĩnh vực thể dục thể thao cũng phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản và phổ biến sau:

- Về nội dung, kế hoạch dự án đầu tư phải rõ ràng, xác định, toàn diện bao gồm đầy đủ các hoạt động của dự án. Đặc biệt, trong kế hoạch dự án phải đảm bảo cân đối giữa các yếu tố, các điều kiện dành cho dự án, đảm bảo hiệu qu

của dự án cũng như quá trình thực hiện dự án. Kế hoạch dự án đồng thời phải bám sát mục tiêu và yêu cầu của dự án, yêu cầu này đòi hỏi phải dự liệu đầy đủ các nhiệm vụ, các hoạt động trong quá trình triển khai và cả nguồn lực dự trữ cho việc triển khai thực hiện dự án.

- Về hình thức, kế hoạch dự án cần được trình bày một cách rõ ràng, không gây nhầm lẫn, tuân thủ đúng những quy định hiện hành của nhà nước cũng như những thỏa thuận, thống nhất giữa các chủ thể và các bên liên quan.

- Về trình tự và sự phối hợp trong xây dựng kế hoạch dự án đầu tư phải đảm bảo có sự tham gia của các chủ thể liên quan đến dự án, đặc biệt là các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện dự án hoặc khai thác dự án sau này. Cách tiếp cận phương pháp lập kế hoạch "từ trên xuống" được thay thế bằng cách tiếp cận phương pháp lập kế hoạch "từ dưới lên". Trên thực tế, khi lập kế hoạch dự án cần có sự kết hợp của cả 2 cách tiếp cận này.

- Về tính chính xác và trung thực, kế hoạch dự án đầu tư phải đảm bảo các số liệu, thông tin trung thực, chính xác; có thể kiểm tra lại trước, trong và sau khi thực hiện dự án, đồng thời phải có sự chia sẻ thông tin về dự án cho các đối tượng có liên quan.

- Về tính khả thi, kế hoạch dự án phải hiện thực, có căn cứ vững chắc, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Kinh nghiệm của nhiều tổ chức cho thấy tính khả thi, tính hiện

thực của kế hoạch dự án không chỉ phụ thuộc vào khả năng đảm bảo các yếu tố đầu vào, các nguồn lực của dự án, tính thực tế của mục tiêu cần đạt mà còn phụ thuộc rất nhiều vào nhu cầu thực hiện dự án, vào sự tham gia của các đối tượng được hưởng lợi từ dự án.

Với những tổ chức khác nhau, người ta có thể cụ thể hóa những yêu cầu của một kế hoạch dự án thành những tiêu chuẩn đặc trưng riêng biệt. Thông thường có các yêu cầu mang tính tiêu chuẩn đặc trưng như sau:

(1) Kế hoạch dự án phải có tính bao quát và dễ hiểu. Kế hoạch phải được trình bày dưới những hình thức rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo logic và có hệ thống để người đọc có thể nhanh chóng hiểu rõ những nội dung cơ bản mà không cần phải giải thích thêm.

(2) Kế hoạch phải đảm bảo tính logic nội tại, nhất là tính logic giữa mục tiêu và những công cụ thực hiện mục tiêu đó. Hơn nữa, giữa các mục tiêu khái quát, mục tiêu tổng hợp và mục tiêu riêng biệt, mục tiêu cụ thể cũng không được mâu thuẫn, tách biệt nhau. Trình tự thực hiện kế hoạch dự án cũng phải đảm bảo tính logic.

(3) Kế hoạch dự án phải kiểm soát được. Tính chất có thể kiểm soát này được thể hiện ở chỗ kế hoạch phải mô tả được những mốc nhất định mà ở đó người ta có thể nhìn thấy hoặc nhận biết được các kết quả, những biểu hiện cụ thể cho thấy dự án được thực hiện tốt, thuận lợi hoặc kh

khăn... Nhìn chung một dự án có thể được chia nhỏ thành các hoạt động độc lập để dễ kiểm soát và làm căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát sau này.

(4) Kế hoạch dự án phải hiện thực và được chấp nhận. Điều này được hiểu là các mục tiêu lẫn công cụ, phương tiện và nguồn lực chỉ có thể nằm trong khuôn khổ có thể chấp nhận được của các bên liên quan, có sự tham gia, đồng ý và thỏa thuận thống nhất giữa các đối tác thực hiện dự án.

(5) Kế hoạch dự án phải trung thực. Các tài liệu, văn bản dự án và các loại tài liệu phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện, điều chỉnh dự án phải chứa đựng những thông tin trung thực, phản ánh đúng thực trạng về nhu cầu, nguyện vọng cũng như những hoàn cảnh của các bên liên quan đến dự án. Đồng thời, trong quá trình thực hiện dự án cũng phải đảm bảo tuân thủ đúng các nội dung đã được hoạch định. Trong trường hợp cần thiết, nếu có những thay đổi về điều kiện thực hiện dự án mà trước đây khi xây dựng kế hoạch dự án không lường tới, thì những thay đổi, điều chỉnh này cần được ghi nhận trong các văn bản của dự án (điều chỉnh kế hoạch dự án).

2. Nội dung và cách thức lập kế hoạch dự án đầu tư

2.1. Lập kế hoạch về hoạt động triển khai mục tiêu của dự án

2.1.1. Chi tiết hóa các hoạt động thực hiện mục tiêu của dự án

Khác với các kế hoạch phát triển, dự án đầu tư là loại văn kiện được xác lập để triển khai thực hiện những mục tiêu đã hoàn toàn xác định theo dự án. Nó có chức năng cụ thể hóa mục tiêu đã được hoạch định thành các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể và hoạch định một chương trình hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu đó. Bởi vậy, kế hoạch dự án đầu tư được coi là một kế hoạch chi tiết, chủ yếu được hướng vào việc xác lập nhiệm vụ phân bổ thời gian và nguồn lực để thực hiện dự án. Việc lập kế hoạch dự án thường trả lời các vấn đề sau:

- Cần thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể gì để thực hiện mục tiêu của dự án?

- Những hoạt động, nhiệm vụ đó diễn ra, thực hiện vào thời gian nào? (thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc khi nào).

- Những hoạt động, nhiệm vụ nào có ý nghĩa quyết định tới việc thực hiện dự án đầu tư, đặc biệt là vấn đề thời gian?

- Có thể hoãn những nhiệm vụ, hoạt động nào mà không sợ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện chung của toàn bộ dự án?

- Tại từng thời điểm, cần những nguồn lực nào? Ai là người cung cấp các nguồn lực đó, số lượng cung cấp bao nhiêu?...

- Có nên rút ngắn thời gian, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hay không?

Kế hoạch dự án đầu tư là một loạt các văn bản, tài liệu gồm nhiều loại khác nhau, được trình bày theo những hình thức khác nhau tùy thuộc vào tính chất, quy mô của dự án, vào thói quen và phong cách làm việc của cán bộ quản trị dự án... Bên cạnh những công cụ truyền thống như các biểu, bảng, văn bản viết, người ta còn sử dụng 4 công cụ có tính đặc trưng trong quản trị dự án là "tháp công việc" (còn gọi là kỹ thuật phân chia nhỏ công việc, biểu đồ thời gian, biểu đồ Grant, sơ đồ mạng), những công cụ này được sử dụng kết hợp với nhau để bổ sung cho nhau, khắc phục nhược điểm của từng công cụ.

2.1.2. Kế hoạch phối hợp các bên liên quan

Kế hoạch phối hợp hoạt động của các bộ phận và cơ quan liên quan đến dự án thực chất là việc xử lý mối quan hệ giữa các hoạt động chuẩn bị, thực hiện dự án có liên quan đến các yếu tố môi trường bên ngoài. Thông thường, những nội dung này đã được đề cập trong kế hoạch về các hoạt động triển khai dự án, nhưng chúng được tập hợp riêng để tiện theo dõi và tổ chức thực hiện.

Về hình thức, kế hoạch phối hợp hoạt động của các bên liên quan tới dự án được tập hợp thành những biểu riêng lẽ, trong đó quan trọng nhất là các biểu:

(1) Biểu kế hoạch riêng lẽ phối hợp với các cơ quan, tổ chức bên ngoài được tập hợp, liệt kê theo thời gian và công việc.

(2) Biểu kế hoạch phối hợp với các cơ quan, tổ chức bên ngoài cho từng hoạt động, được phân chia theo cơ quan, tổ chức cụ thể và theo từng thời gian.

(3) Biểu kế hoạch phối hợp với các cơ quan, tổ chức bên ngoài cho mỗi thời kỳ thực hiện dự án (xác định những khoảng thời gian nhất định) có phân chia rõ theo các hoạt động cần phối hợp, theo các cơ quan hoặc tổ chức cần phối hợp, điều kiện và trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Về hình thức thể hiện, kế hoạch dự án thường bao gồm những tài liệu sau:

(1) Bản tóm tắt dự án đầu tư, trong đó nêu rõ sẽ làm gì, sử dụng phương pháp, công cụ gì, kết quả cuối cùng của dự án là gì, bao giờ hoàn thành và hoàn thành như thế nào.

(2) Danh mục các mục tiêu cụ thể sẽ đạt được, được xác định sao cho có thể nhận biết một cách rõ ràng, không nhầm lẫn và dễ dàng hình dung ngay được từ khi dự án mới được hình thành.

(3) Danh mục các hoạt động then chốt được cụ thể hóa đến mức đủ để hình dung ra được mọi nhiệm vụ, công việc và hoạt động cần tiến hành để thực hiện dự án, trong đó chúng được phân nhóm một cách hợp lý, được mã hóa phù hợp với tính chất của dự án.

(4) Chính sách phân bổ các nguồn lực được sử dụng để hoàn thành những mục tiêu, kết quả của dự án.

(5) Sơ đồ, biểu đồ thể hiện trình tự, thứ tự thực hiện các hoạt động, các nhiệm vụ của dự án và mối quan hệ giữa chúng với nhau, đặc biệt là trình tự và thứ tự trong quá trình triển khai, ví dụ những hoạt động nào có thể được thực hiện song song với nhau, những hoạt động nào chỉ được bắt đầu khi những hoạt động nào đã được kết thúc.

(6) Hệ thống văn bản kế hoạch cho các nhóm hoạt động hoặc các hoạt động cụ thể.

(7) Kế hoạch phối hợp, hợp tác các bên liên quan tới việc thực hiện dự án;

(8) Danh sách các cán bộ chủ chốt trong bộ máy quản lý dự án và những người khác có liên quan đến việc thực hiện dự án.

2.2. Lập kế hoạch tiến độ cho dự án đầu tư

Nhiệm vụ chủ yếu của lập kế hoạch tiến độ cho dự án đầu tư là xác định rõ lịch trình thực hiện các hoạt động, các công việc của dự án. Nói cách khác, nó trả lời cho câu hỏi "lúc nào thì làm việc gì?".

Với những dự án đầu tư lớn, kéo dài trong nhiều năm, kế hoạch tiến độ của dự án bao gồm kế hoạch tiến độ khái quát, còn gọi là kế hoạch tiến độ tổng thể. Sau đó trong từng giai đoạn nhỏ, trong khoảng cách giữa 2 mốc hoặc với từng hoạt động, sự kiện, người ta xây dựng các kế hoạch chi tiết hơn, trong đó xác định các hoạt động cụ thể và xác định tiến độ cho chúng. Trên thực tế, các kế hoạch cụ thể

này không phải chỉ là một vài kế hoạch mà là cả một hệ thống các kế hoạch tiến độ của dự án.

2.2.1. Những yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch tiến độ của dự án

Xây dựng kế hoạch tiến độ của dự án là kế hoạch triển khai một mặt nào đó của dự án nên những yêu cầu đối với nó cũng xuất phát từ những yêu cầu cụ thể của kế hoạch về các hoạt động thực hiện dự án, nhưng cũng có một số yêu cầu đặc thù xuất phát từ chức năng hoạch định chương trình thực hiện dự án về thời gian. Đây cũng được xem là một biện pháp đánh giá lại tính hiện thực của kế hoạch, nếu một dự án hiện thực về nội dung và nguồn lực, nhưng không thực hiện hiệu quả về mặt thời gian thì nó cũng không thể thành công, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu, những ràng buộc đặt ra đối với dự án. Việc xây dựng kế hoạch tiến độ dự án phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Các nhà quản trị dự án phải hiểu và nắm được kế hoạch tiến độ chung, còn những người liên quan đến việc thực hiện dự án phải nắm được những tiến độ có liên quan tới phần công việc của mình;

- Tài liệu kế hoạch phải cho phép xác định và nhìn nhận được một cách rõ ràng những công việc, những nhiệm vụ và hoạt động then chốt, có ảnh hưởng quyết định đến tiến độ chung của toàn bộ dự án, đồng thời thấy rõ được mối liên hệ logic giữa các hoạt động của dự án;

- Kế hoạch phải đủ cụ thể để làm cơ sở điều hành, kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các nguồn lực của dự án, đồng thời là cơ sở cho việc chuẩn bị, cung cấp các nguồn lực cần thiết đúng thời điểm mà việc thực hiện dự án đòi hỏi;

Kế hoạch tiến độ của dự án phải gắn kết với các bộ phận kế hoạch khác của dự án cũng như toàn bộ tổ chức để có thể chia sẻ nguồn lực và sử dụng chúng một cách có hiệu quả cho toàn bộ tổ chức chứ không chỉ riêng dự án. Ngược lại có thể khai thác tối đa các nguồn lực của tổ chức cho các mục tiêu của dự án. Việc đối chiếu với kế hoạch tiến độ của các bên có liên quan cũng có tác dụng tương tự, nó cho phép các dự án có thể phối hợp hoạt động, chia sẻ nguồn lực với nhau.

2.2.2. Những hình thức biểu hiện của kế hoạch tiến độ dự án

Người ta có thể dùng nhiều hình thức khác nhau để thể hiện kế hoạch tiến độ của dự án, những hình thức đó có thể được đồng thời sử dụng. Những dự án càng phức tạp, việc sử dụng đồng thời nhiều cách trình bày càng trở nên phổ biến và cần thiết.

Ngoài những hình thức được trình bày, lịch biểu về các mốc quan trọng trong tiến trình thực hiện dự án và các hình thức lịch công tác cũng là một dạng kế hoạch tiến độ đơn giản và khái quát hay được sử dụng trong quản trị dự án, tuy nhiên, nó thường được dùng nhiều hơn trong kiểm tra và định hướng tiến độ thực hiện dự án, vì nó chỉ được xây

dựng một cách khái quát và không đủ chi tiết để có thể chỉ đạo hoạt động thực hiện dự án hàng ngày.

2.2.3. Trình tự xây dựng các kế hoạch tiến độ dự án đầu tư

Để có thể xây dựng một kế hoạch về tiến độ, người ta thường thực hiện các bước công việc cụ thể theo trình tự sau đây:

- Xác định rõ những mục tiêu, mục đích của dự án, rà soát đối chiếu với chiến lược, đường lối chung để thực hiện dự án trong toàn bộ chu kỳ của nó;

- Cụ thể hóa các mục tiêu cần đạt được thành những nhóm công việc, nhiệm vụ có liên quan với nhau, sao cho chúng có tính khép kín và độc lập nhất định, có được kết quả cụ thể có thể kiểm tra được;

- Xác định trình tự, thứ tự thực hiện các nhóm công việc, mối quan hệ của chúng về mặt thời gian và mối quan hệ về mặt kinh tế kỹ thuật.

- Ước tính thời gian và chi phí cũng như các yếu tố cấu thành thời gian và chi phí thực hiện mỗi công việc, nhiệm vụ;

- So sánh, phân tích tiến độ chung của dự án với những hạn chế, yêu cầu về mặt thời gian;

- So sánh, đánh giá sự phù hợp của tiến độ thực hiện dự án với chi phí dành cho dự án và những mục tiêu kinh tế kỹ thuật của dự án;

- Kiểm tra, đánh giá chung đối với kế hoạch tiến độ của dự án và quyết định kế hoạch tiến độ của dự án;

- Xây dựng và phân tích các phương án đẩy nhanh (hoặc kéo dài) tiến độ thực hiện dự án và điều kiện thực hiện các hoạt động đó.

Việc sử dụng các biểu đồ, sơ đồ và lịch tiến độ thường được thực hiện theo 6 bước sau đây:

(1) Phân chia, định nghĩa rõ các hoạt động được coi là độc lập trong dự án;

(2) Xác định rõ thứ tự, trình tự thực hiện các hoạt động đã nêu trên;

(3) Thiết lập sơ đồ thể hiện các hoạt động và quan hệ giữa chúng theo sự mô tả ở bước 2.

(4) Ước tính thời gian thực hiện cho mỗi hoạt động;

(5) Tính toán thời gian thực hiện dự án, xác định "đường găng" trên sơ đồ, thể hiện chuỗi các hoạt động có ảnh hưởng quyết định về mặt thời gian đến toàn bộ tiến độ dự án; đồng thời trên cơ sở đó thiết lập tiến độ của dự án theo sơ đồ đã xây dựng và xác định những mốc kiểm tra cơ bản.

(6) Phân tích, đánh giá lại tiến độ đã được xác định và nghiên cứu các khả năng điều chỉnh tiến độ đó cũng như mối quan hệ lợi ích, chi phí của mỗi phương án điều chỉnh tiến độ để trên cơ sở những phân tích này mà đưa ra những quyết định kế hoạch tiến độ cuối cùng của mỗi hoạt động cũng như toàn bộ dự án.

2.3. Xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực cho một dự án

2.3.1. Những nội dung của kế hoạch phân phối các nguồn lực của dự án

Kế hoạch phân bổ các nguồn lực cho dự án đầu tư bao gồm việc phân chia mọi nguồn lực vật chất, tài chính, nhân lực cho các hoạt động triển khai, thực hiện dự án. Tuy nhiên, ở phần này chủ yếu đề cập tới việc phân bổ các nguồn lực vật chất (vật tư, thiết bị..) và nguồn nhân lực (lao động với số lượng, cơ cấu, trình độ ...). Kế hoạch phân bổ nguồn lực thực ra cũng là một hệ thống các kế hoạch đảm bảo chi tiết.

Về cấu trúc, kế hoạch này bao gồm 2 loại: (1) kế hoạch tổng hợp về phân phối các nguồn lực cho dự án và (2) kế hoạch chi tiết về đảm bảo nguồn lực, điều kiện vật chất – kỹ thuật để thực hiện dự án. Chúng được lập theo thời gian, theo từng loại nguồn lực và được lập cho từng hoạt động, trong đó các loại kế hoạch cần được kết hợp với nhau, tổng hợp lại với nhau để đảm bảo sự cân đối.

Khi phân bổ các nguồn lực cho thực hiện dự án cần chú ý: mỗi hoạt động cần có nhiều loại nguồn lực khác nhau theo những tỷ lệ khác nhau; tại mỗi thời điểm, nhu cầu cần cung ứng nguồn lực cụ thể cũng không giống nhau.

2.3.2. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực

Nguồn lực dành cho thực hiện dự án đầu tư thường bị hạn chế. Ngay trong điều kiện có thể đầy đủ thì việc phân chia chúng ra sao cho hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho việc thực hiện dự án luôn là một trong những yêu cầu mà nhà quản lý dự án phải tính đến, cân nhắc và quyết định. Để làm được việc này, cần dựa trên những căn cứ nhất định, những căn cứ này thường là:

- Các định mức và mức khống chế về sử dụng nguồn lực thực hiện dự án;

- Đặc điểm của dự án và kế hoạch thực hiện dự án;

- Các nguồn lực có thể huy động, sử dụng cho dự án, đặc điểm của chúng và điều kiện huy động các nguồn lực;

- Những biến động có thể có của bản thân các nguồn lực và cách thức huy động chúng, những dấu hiệu nhận biết của các biến động này;

- Đặc điểm của việc tổ chức thực hiện dự án cũng như những nguồn cung cấp các nguồn lực;

- Cách thức, phương án tổ chức và bộ máy quản trị dự án cũng như những điều kiện làm việc, hoạt động của bộ máy đó;

- Những quy định của Nhà nước liên quan đến việc khai thác, sử dụng và phân phối nguồn lực cụ thể.

2.3.3. Phương pháp xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực

Kế hoạch phân phối các nguồn lực của dự án đầu tư thường được xây dựng nhiều vòng, có điều chỉnh, có tính quan hệ qua lại giữa việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch, chi phí cần thiết cho nó (ở đây các yếu tố nguồn lực), sự thiếu hụt các yếu tố và tác động của sự thiếu hụt đó tới việc thực hiện mục tiêu của dự án; các biện pháp nhằm khắc phục sự thiếu hụt về số lượng, chất lượng, cơ cấu, thời điểm và đảm bảo tương quan tối ưu giữa lợi ích hoặc chi phí về các nguồn lực khi thực hiện các biện pháp đó.

Quá trình xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực thường được thực hiện theo các bước sau đây:

1- Nắm vững những nguồn lực có thể có, bao gồm: xác định chủng loại, giá trị sử dụng, số lượng, chất lượng, cơ cấu, đặc điểm các nguồn lực; xác định nguồn cung cấp, đảm bảo các nguồn lực thực hiện dự án và đặc điểm của chúng; xác định những điều kiện khai thác và sử dụng các nguồn lực; xác định những yếu tố rủi ro trong việc đảm bảo cung cấp các nguồn lực; xác định khả năng thay thế các nguồn lực và các yếu tố cụ thể của chúng với nhau.

2- Xác định kế hoạch chi tiết về quá trình thực hiện dự án cả về mặt thời gian và về mặt kinh tế kỹ thuật.

3- Xác định thứ tự ưu tiên phân phối các nguồn lực nói chung cũng như những yếu tố quan trọng trong các nguồn lực cho các hoạt động thực hiện dự án.

4- Xác định nhu cầu của từng hoạt động đối với các nguồn lực, trong đó nêu rõ mức độ cấp bách của việc đáp ứng nhu cầu đối với mỗi loại nguồn lực.

5- Xác định tổng nhu cầu đối với mỗi nguồn lực và yêu cầu đảm bảo các nguồn lực về mặt thời gian.

6- Xác lập đồng bộ phương án phân phối nguồn lực căn cứ vào nhu cầu về nguồn lực và nguồn lực có thể khai thác, huy động và sử dụng cũng như tính chất, đặc điểm của chúng.

7- Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu về nguồn lực thông qua so sánh nhu cầu về nguồn lực và khả năng thực tế có thể đáp ứng nhu cầu đó.

8- Tìm kiếm khả năng khắc phục những thiếu hụt về nguồn lực và tính toán những tác động của các giải pháp đó tới việc thực hiện dự án hiện tại và tới việc khai thác dự án sau này.

9- Quyết định phương án cuối cùng về phân phối nguồn lực cho việc thực hiện dự án như lựa chọn, quyết định và văn bản hóa các quyết định đã được lựa chọn theo đúng thủ tục, trình tự, quy trình và thẩm quyền, đồng thời lưu trữ và thông báo theo quy định.

2.3.4. Những vấn đề thường gặp trong kế hoạch phân phối nguồn lực

Những dự án khác nhau có thể gặp phải những vấn đề cụ thể khác nhau hoặc ở quy mô khác nhau, nhưng nhìn chung

những vướng mắc thường nảy sinh trong quá trình thực hiện phân phối các nguồn lực của các dự án là:

- Nguồn lực được cung cấp không đủ số lượng, không đảm bảo yêu cầu chuyên môn, chất lượng so với nhu cầu dự kiến sử dụng để thực hiện dự án;

- Các nguồn lực được cung cấp không đồng bộ trong mỗi bộ phận hoặc toàn bộ dự án;

- Các nguồn lực được cung cấp không kịp thời, không phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, không phù hợp với nhu cầu của việc thực hiện dự án;

- Phân phối các nguồn lực bất hợp lý về mặt không gian, thời gian và cho các đối tượng cụ thể, các hoạt động cụ thể;

- Chỉ tính đến các tác động của các giải pháp khắc phục sự thiếu hụt các nguồn lực hoặc trong giai đoạn thực hiện dự án mà không tính đến tác động lâu dài của nó, đặc biệt khi khai thác, sử dụng dự án;

- Các quyết định về phân phối nguồn lực thiếu rõ ràng, thiếu nhất quán, không dựa trên những căn cứ xác thực và hợp lý;

- Việc phân phối nguồn lực không được kiểm tra, quá trình sử dụng chúng không được quyết toán, đánh giá rõ... Điều này không chỉ gây khó khăn trong khâu quản lý thực hiện dự án, mà còn có thể làm cho việc quyết toán, đưa dự án vào khai thác, sử dụng chậm trễ, thậm chí không quyết toán được.

Thường thì có nhiều nguyên nhân dẫn đến những vấn đề trên, nhưng nguyên nhân chủ quan thuộc về người chuẩn bị và ra quyết định chiếm phần chủ yếu và quan trọng nhất. Ngoài ra, việc thiếu một mô hình tổ chức quản trị dự án thích hợp, hoạt động có hiệu quả, chức năng kiểm tra, giám sát được quy định rõ cũng là nguyên nhân rất cơ bản. Hơn nữa, tác động tổng hợp nhiều nguyên nhân thường lớn hơn là từng nguyên nhân riêng rẽ cũng làm cho việc khắc phục các nguyên nhân trở nên khó khăn hơn.

2.4. Xây dựng kế hoạch tài chính cho dự án đầu tư

Xây dựng kế hoạch tài chính cho dự án được nhiều tài liệu gọi là "lập ngân sách cho dự án", là một hoạt động quan trọng trong quản trị dự án đầu tư. Ngân sách cho dự án phản ánh toàn bộ hoạt động của dự án, gắn liền với ngân sách của tổ chức và có cấu trúc phù hợp với cấu trúc của tổ chức. Đối với các dự án đầu tư, kế hoạch tài chính thường bao gồm cả phần thu và phần chi. Với những tổ chức đồng thời có nhiều dự án, ngân sách của các dự án có thể được quản lý tập trung. Về cơ bản, do các khoản chi tiêu luôn là chi tiêu có mục đích nên ngân sách của dự án nào thường được sử dụng cho dự án đó, song tại từng thời điểm có thể sử dụng tạm thời của dự án này cho dự án khác. Trong những trường hợp này, cần có một hệ thống hạch toán rõ ràng, chính xác để việc quản lý ngân sách khỏi bị rối và việc quyết toán về sau đỡ phức tạp.

Ngân sách của mỗi dự án thường được chia làm các loại ngân sách dài hạn, ngân sách trung hạn và ngân sách ngắn hạn (dùng cho hoạt động tác nghiệp). Ngân sách dài hạn là tổng ngân sách dùng cho dự án, có thể được chia thành các khoản mục cho các chức năng riêng rẽ hoặc các bộ phận chủ yếu của dự án. Ngân sách trung hạn thường là ngân sách được thiết lập và thực hiện trong khoảng thời gian một năm, được gắn trực tiếp với các nhiệm vụ hoặc hạng mục cần hoàn thành hay thực hiện của dự án. Nó thường được cụ thể hóa theo kế hoạch chi tiết về triển khai dự án, kế tiếp các kế hoạch tương ứng của giai đoạn trước đó. Ngân sách ngắn hạn thường tập trung theo từng nhiệm vụ, từng công việc, theo từng hoạt động hoặc một hạng mục của dự án mà thời gian thực hiện nó dưới 1 năm.

Trong đa số các dự án, người ta thường quy định rõ ràng ngân sách không chỉ được xác định chung cho toàn bộ dự án, mà còn được xác định riêng rẽ cho từng hoạt động hoặc nhóm hoạt động, được quy định chặt chẽ mà việc điều chỉnh chúng bắt buộc phải tuân theo những thủ tục khá phức tạp. Điều này đòi hỏi việc lập kế hoạch ngân sách phải được thực hiện chu đáo, có căn cứ khoa học và thực tiễn. Hơn nữa, nó đòi hỏi sự tham gia của các chủ thể có liên quan tới việc thực hiện và khai thác dự án để một mặt tránh được những rủi ro khi xây dựng dự án, mặt khác có thể phát huy tốt tác dụng của dự án sau này.

Quy trình chung để lập kế hoạch tài chính của dự án được trình bày theo biểu đồ ở hình 11.1.

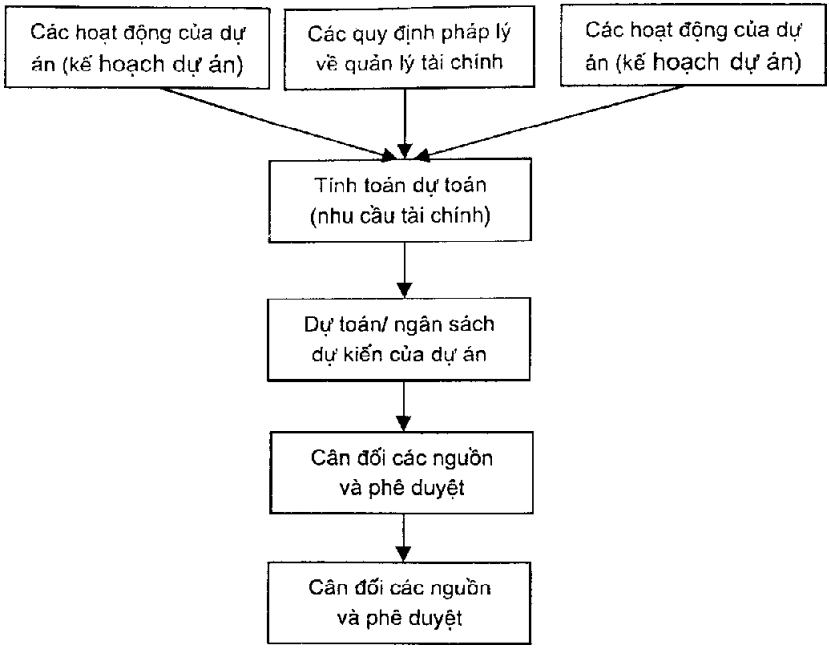

Hình 11.1. Quy trình lập kế hoạch tài chính

Lập kế hoạch tài chính cho một dự án theo các khoản mục chính là một cách tiếp cận hiện được sử dụng khá phổ biến trong các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước ở nước ta. Với đa phần các dự án, hiện ngân sách của dự án đầu tư thường bao gồm các mục sau:

- Chi phí xây dựng (chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công);

- Chi phí thiết bị (kể cả các chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ, lắp đặt thiết bị, chi phí nghiệm thu, hiệu chỉnh và các chi phí liên quan khác..).

- Chi phí quản lý dự án;

- Chi phí tư vấn đầu tư;

- Chi phí khác bao gồm chi phí chưa quy định tại các điểm trên, được xác định bằng cách lập dự toán hoặc định mức tỷ lệ;

- Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh.

Trong việc lập kế hoạch tài chính cho dự án, có một số yêu cầu cần tuân thủ, đặc biệt là những yêu cầu sau:

- Ngân sách thể hiện được mục tiêu quản lý, được trình bày theo những kết quả đầu ra có thể định lượng được, đồng thời đảm bảo cho việc thực hiện được các mục tiêu của dự án và việc thực hiện mục tiêu đó diễn ra thuận lợi;

- Việc phân phối ngân sách phải được gắn với việc phân phối các nguồn lực vật chất, nhân lực; phù hợp với những kế hoạch đó, cho phép kiểm tra việc phân phối và sử dụng các nguồn lực đó;

- Việc phân bổ ngân sách phải được thể hiện bằng những chỉ tiêu định lượng cho phép có thể dễ dàng so sánh, kiểm tra và tổng hợp lại;

- Ngân sách cần được phân chia theo các khoản thời gian có độ dài khác nhau, trong đó kế hoạch phân chia ngân

sách cho mỗi khoảng thời gian phải có mối liên hệ logic với nhau;

- Ngân sách cần được phân bổ không tập trung quá mức vào một thời kỳ, một thời điểm (đảm bảo tính đồng đều trong huy động và sử dụng ngân sách).

Như vậy, kế hoạch tài chính cho dự án không thể chỉ được hiểu là kế hoạch phân bổ các nguồn vốn cho những công việc hay nhiệm vụ riêng rẽ của dự án mà là một hệ thống kế hoạch cụ thể cho các vấn đề sau:

** Kế hoạch phân bổ nguồn vốn cho những thời kỳ thực hiện dự án.*

Trong kế hoạch này, tổng nguồn vốn dành cho dự án được chia ra các khoản mục dành cho từng năm, từng quý và có thể cho từng tháng. Các nguồn vốn còn có thể được xác định cho những thời kỳ không thống nhất, cho những khoảng thời gian không cố định tùy thuộc vào sự phân chia các giai đoạn thực hiện dự án, hoặc cho các giai đoạn gắn với những loại công việc có tính khép kính tương đối cao như kinh phí dành cho nghiên cứu khả thi, kinh phí dành cho các loại hoạt động chuẩn bị dự án, kinh phí dành cho các hoạt động xây lắp...

** Kế hoạch phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị tham gia thực hiện dự án.*

Trong kế hoạch này, ngân sách của dự án được xác định cho từng đơn vị tham gia vào quá trình chuẩn bị và thực

hiện dự án, xác định mức mà mỗi bộ phận được sử dụng cho các hoạt động chuẩn bị và triển khai các phần của dự án mà họ đảm nhận. Lượng ngân sách được phân bổ ở đây không chỉ phải cân đối, không vượt quá tổng mức vốn được dành cho dự án, mà lượng vốn phải được phân phối cho mỗi bộ phận phù hợp với nhiệm vụ mà họ phải hoàn thành, với thời gian mà họ phải hoàn thành những nhiệm vụ đó cũng như những yêu cầu khác được xác định một cách cụ thể đối với công việc thực hiện.

** Kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động hoặc các hạng mục trong quá trình thực hiện dự án.*

Đây được coi là một trong những bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống kế hoạch tài chính của dự án, bởi bó chính là bộ phận kế hoạch phản ánh các hoạt động, các quá trình vật chất diễn ra trong thời gian thực hiện dự án. Trong những kế hoạch này, các chỉ tiêu tài chính xác lập rõ mức vốn được dành cho những hoạt động hoặc nhiệm vụ nhằm thực hiện mục tiêu của dự án. Đây là một hệ thống các kế hoạch, trong đó vốn ngân sách được xác định theo mức độ chi tiết, cụ thể hóa ngày càng sâu: Ngân sách được chia cho các hoạt động lớn và phức tạp lại càng được cụ thể hóa dần cho các hoạt động cụ thể hơn, chi tiết hơn. Việc tính toán các chỉ tiêu trong kế hoạch này là căn cứ để xác định các chỉ tiêu trong kế hoạch phân bổ ngân sách khác vì một mặt, nó dựa trên những tính toán cụ thể về các công việc cần

tiến hành, mặt khác nó dựa vào những định mức, hạn mức hoặc các chỉ tiêu thực tế để thu thập, kiểm nghiệm được.

** Kế hoạch huy động vốn cho từng thời kỳ thực hiện dự án.*

Đây có thể xem là kế hoạch về nguồn vốn hay kế hoạch đảm bảo vốn cho dự án, thường được xây dựng theo thời gian (trả lời câu hỏi huy động vốn từ nguồn nào, bao nhiêu, vào thời điểm nào). Thiếu kế hoạch này, các kế hoạch phân bổ vốn như trên có thể trở thành thiếu hiện thực vì không có vốn để tiến hành phân bổ. Nhiệm vụ của kế hoạch này là vạch rõ nguồn vốn cần được huy động vào mỗi thời kỳ. Khi xây dựng kế hoạch này, cần phải chú ý đến những ràng buộc của các nguồn vốn với việc sử dụng chúng để không sử dụng vốn sai mục đích so với dự kiến (ví dụ có những nguồn vốn chỉ được sử dụng để mua thiết bị, thậm chí được chỉ định rõ mua thiết bị từ nguồn nào, hoặc có những khoản chi dành riêng cho đào tạo mà người cung cấp chúng đã ấn định rõ ngay từ đầu...).

Việc huy động vốn cần được đặt trong mối quan hệ với việc nhanh chóng khai thác từng phần các công trình, sản phẩm và dịch vụ do dự án tạo ra, lấy nguồn thu từ việc khai thác chúng để bổ sung cho nhu cầu vốn của dự án. Trong trường hợp sử dụng vốn vay, cần tính đến các khả năng sử dụng chế độ (và điều kiện cụ thể của tổ chức cung cấp tài chính) về thời gian ân hạn hoặc các hình thức tái đầu tư

(hoặc đầu tư bổ sung) của họ vào dự án hoặc các công trình, hoạt động khác của cơ quan quản lý dự án.

Xây dựng kế hoạch phân phối ngân sách không đơn thuần liên quan đến vấn đề tài chính, mà còn có liên quan tới việc phân bổ các hoạt động của dự án, tới tiến độ của dự án. Do vậy, nó là quá trình phức tạp, gồm nhiều bước được lặp lại và điều chỉnh trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, thường bao gồm các bước chủ yếu sau:

- Tìm kiếm các nguồn, xác định lượng vốn hoặc ngân sách có thể huy động được cho dự án, các đặc điểm của các nguồn vốn đó và thực hiện các thủ tục cần thiết (về mặt hành chính và kinh tế - kỹ thuật) để chuẩn bị ngân sách;

- Phân tích điều kiện huy động, sử dụng các nguồn ngân sách, khả năng chuyển đổi giữa các nguồn (đặc biệt quan trọng trong trường hợp có sự khác biệt về thời điểm huy động với thời điểm sử dụng vốn);

- Xác định nhu cầu sử dụng ngân sách tại các thời kỳ, cho các hoạt động hoặc hạng mục và các nhiệm vụ riêng biệt của dự án nói chung và những bộ phận tổ chức thực hiện dự án nói riêng;

- Dự kiến phương án và các biện pháp cần áp dụng để huy động vốn (căn cứ vào nhu cầu sử dụng và khả năng huy động cùng những điều kiện của mỗi nguồn vốn và so sánh với nhu cầu sử dụng vốn để đảm bảo có được lượng vốn cần thiết đúng lúc cho nơi cần tới vốn);

- Điều chỉnh phương án huy động, sử dụng vốn để đảm bảo sự phù hợp giữa nhu cầu sử dụng với khả năng huy động.

Ngoài các nội dung trên, trong kế hoạch ngân sách còn phải đề cập đến việc phân cấp quyết định và kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng ngân sách cũng như cơ chế thực hiện các hoạt động này. Chế độ cấp vốn, báo cáo tình hình sử dụng vốn cũng như chế độ kế toán, thống kê trong các dự án cũng cần được xác định trước. Mặc dù hầu hết các dự án đều được thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của nhà nước, nhưng mỗi dự án đều cần có những quy định cụ thể hóa rõ thêm vì trong quá trình thực hiện dự án, có nhiều đặc điểm đòi hỏi phải vận dụng linh hoạt chế độ chung.

3. Giới thiệu mẫu kết cấu văn bản kế hoạch một dự án đầu tư

Tùy theo mục đích, yêu cầu, việc lập kế hoạch dự án đầu tư có thể có các hình thức trình bày khác nhau. Để sinh viên có thể hình dung cụ thể kết cấu của một kế hoạch dự án đầu tư, phần này giới thiệu cấu trúc văn bản dự án đầu tư mở rộng (xây dựng cơ sở 2) trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng mang tính chất tham khảo.

Tên văn bản kế hoạch: **Dự án đầu tư mở rộng trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng**

Nội dung bao gồm các phần sau:

Phần mở đầu. Trình bày chủ yếu các nội dung:

Đánh giá khái quát sự phát triển của phong trào thể dục thể thao ở miền Trung và Tây nguyên, yêu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thể dục thể thao để đáp ứng nhu cầu phát triển;

Nêu vai trò, vị trí của trường Đại học TDTT Đà Nẵng trên địa bàn thành phố trọng điểm miền Trung, dẫn chứng lý luận và thực tiễn để khẳng định nhu cầu mở rộng trường đại học thể dục thể thao Đà Nẵng là điều cần thiết. Có thể trình bày khái quát những thành tựu nhà trường đạt được trong những năm qua, minh chứng bằng số liệu cụ thể về quy mô, chất lượng đào tạo.

Trên sơ sở đó, khẳng định nhu cầu đầu tư mở rộng nhà trường là điều cần thiết.

Phần thứ nhất. Sự cần thiết đầu tư mở rộng trường Đại học thể dục thể thao Đà Nẵng. Trong phần này, tập trung đánh giá các nội dung sau:

1. Đánh giá thực trạng, thể hiện qua các mặt:

- Tổng quan hoạt động của nhà trường: quá trình thành lập, chức năng, tổ chức bộ máy, phạm vi và địa bàn hoạt động, địa chỉ trụ sở chính...

- Thực trạng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức, cung cấp các thông tin về trình độ, năng lực, kiến thức...

- Thực trạng về công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội...

Thực trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường, trong đó thống kê chi tiết số lượng nhóm các công trình thể thao; nhóm các công trình phục vụ giảng dạy lý thuyết, học tập, làm việc, sinh hoạt của cán bộ viên chức và sinh viên; nhóm cơ sở vật chất thiết bị kỹ thuật... Các nhóm này cần được đánh giá khái quát hiệu quả sử dụng.

- Khái quát các nguồn vốn đầu tư mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản, tình trạng cấp phát và sử dụng các nguồn vốn...

Trong phần này có phần nhận xét chung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường trong thời gian qua, nêu những nhược điểm, hạn chế cần khắc phục, từ đó khẳng định việc cần thiết dầu tư mở rộng xây dựng cơ sở 2 của nhà trường.

- Giới thiệu cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, quy mô và cơ cấu đào tạo của Trường trong giai đoạn phát triển mới, các nhiệm vụ và giải pháp pháp triển khoa học công nghệ, các biện pháp thực hiện cụ thể.

- Dự kiến cơ cấu tổ chức bộ máy, đồng thời xác định chủ sở hữu dự án đầu tư xây dựng cơ sở mới. Xác định các điều kiện và giải pháp đảm bảo hoạt động của nhà trường về tổ chức quản lý, về xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, về xây dựng cơ sở vật chất công trình, kỹ thuật thể dục thể thao; nêu rõ các chỉ tiêu phát triển của các yêu cầu này.

Phần thứ hai. Cơ sở pháp lý và mục tiêu của dự án. Phần này trình bày các nội dung:

Nêu các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định hiện hành làm cơ sơ pháp lý của dự án đầu tư. Phần này cũng có thể nêu thêm các tiêu chuẩn thiết kế hạ tầng, công trình thể dục thể thao.

Nêu mục tiêu của dự án, trong đó cần làm các các mục tiêu hoạt động của nhà trường và mục tiêu đầu tư của dự án, có thể đưa ra một số chỉ tiêu cụ thể cần thực hiện.

Phần thứ ba. Kế hoạch phát triển trường Đại học thể dục thể thao Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong phần này, chủ yếu trình bày các nội dung:

- Khẳng định quan điểm quy hoạch phát triển của nhà trường để đáp ứng nhu cầu cán bộ thể dục thể thao trong thời kỳ mới;

- Xác định các mục tiêu đào tạo và các chỉ tiêu chủ yếu;

- Các giải pháp thực hiện về bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng viên, viên chức, về quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt;

- Các giải pháp về công tác tuyển sinh, đào tạo, dự kiến kết quả (chỉ tiêu, sơ lượng...);

- Các giải pháp về cơ sở vật chất kỹ thuật. Trong phần này chủ yếu trình bày định hướng đầu tư xây dựng phát triển ở cơ sở mới, đề ra các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng ở cơ sở mới (ví dụ có các hạng mục: rà soát tháo

gỡ, bom mìn; đền bù, di chuyển, thu hồi đất đai; vi chỉnh tổng mặt bằng quy hoạch; đường công vụ; hệ thống kè chắn đất; san đắp nền; đồng bộ hệ thống kạ tầng kỹ thuật; sân điền kinh tổng hợp; các sân tập luyện bóng đá và nhỏ; sân bóng chuyền; sân bóng rổ; sân quần vợt; sân bóng ném; bể bơi có mái che (25m x 21m – 8 đường bơi); bể bơi ngoài trời (50m x 25m – 10 đường bơi); nhà làm việc và dịch vụ bể bơi; nhà tập võ thuật; nhà tập cầu lông; nhà tập thể dục dụng cụ; nhà tập tổng hợp đa năng (bóng chuyền, bóng rổ, tennis, bóng bàn...); văn phòng điều hành; khu giảng đường; hội trường đa năng (giảng đường lớn); trung tâm nghiên cứu khoa học; trung tâm công nghệ thông tin; trung tâm y học thể thao; trung tâm dịch vụ thể thao thương mại; khu thông tin thư viện; khu nhà ở sinh viên; khu nhà ở chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước; nhà ăn; nhà bảo vệ và thường trực; gara ôtô, xe máy; hệ thống tường rào, cổng ngõ; hệ thống các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (trạm biến thế cấp điện, nước sạch; thu gom xử lý chất thải; cứu hoả, vườn hoa, cây, cảnh...).

Phần thứ 4. Vị trí, đặc điểm cơ sơ mới được đầu tư. Trong phần này có thể trình bày các nội dung:

Một số đặc trưng khí hậu của vùng miền: đặc điểm khí hậu, đặc điểm hải văn, thủy văn (từ nguồn tài liệu của địa phương).

Một số chỉ tiêu chính trong quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng đến năm 2020. Khi trình bày làm rõ các

chỉ tiêu về tính chất trọng điểm của địa bàn, quy mô dân số, quy mô đất xây dựng, định hướng phát triển không gian, định hướng kiến trúc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông liên tỉnh và nội thị, về chuẩn bị kỹ thuật đất đai, cấp nước, cấp điện, thoát nước, vệ sinh môi trường...

Vị trí, giới hạn phạm vi sử dụng đất của dự án.

Hiện trạng sử dụng đất đai của dự án trong đó cần lưu ý tổng diện tích khu đất nghiên cứu quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất (diện tích/ tỷ lệ sử dụng đất ở thổ cư, đất hoa màu, đất lâm nghiệp, đất mặt nước, các loại đất khác...).

Hiện trạng xây dựng trong ranh giới dự án về xây dựng kiến trúc, xây dựng hạ tầng kỹ thuật...

Phần thứ 5. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng. Phần này trình bày:

Quy hoạch chi tiết về đất của dự án đầu tư, có thể dùng các biểu bảng để minh họa về các chỉ tiêu chính của tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng về mục tiêu dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất đai cho các hạng mục công trình, các tiêu chuẩn kỹ thuật về cấp nước, cấp điện, hệ thống thoát nước...

Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông nội bộ và giao thông liên khu vực xung quanh dự án, độ cao nền, chiều cao xây dựng, giải pháp thoát nước và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

Quy mô và giải pháp thiết kế xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc như nhà điều hành trung tâm, hội trường đa năng, giảng đường, thư viện, trung tâm nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, trung tâm công nghệ thông tin, trung tâm y học thể dục thể thao... các công trình, sân bãi tập luyện các môn thể dục thể thao và các công trình phụ trợ khác.

Quy mô và các giải pháp thiết kế xây dựng các hạng mục kỹ thuật.

Phần thứ 6. Kinh tế xây dựng. Phần này trình bày dự toán kinh phí cho các mục chi, các nội dung như:

Công tác đền bù, giải tỏa thu hồi đất đai dành cho dự án đầu tư. Tổ chức dò tìm, xử lý bom mìn cháy nổ; khoan địa chất, khoan thăm dò nước ngầm. Công tác chuẩn bị kỹ thuật và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật. Việc xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan.

Tổng hợp kinh phí chuẩn bị kỹ thuật xây dựng và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, bao gồm chi phí xây lắp, chi phí khác và chi phí dự phòng.

Tổng hợp kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc, hệ thống sân bãi, công trình thể dục thể thao.

Tổng hợp tổng kinh phí đầu tư theo từng giai đoạn xây dựng

Phần thứ 7. Kế hoạch thực hiện dự án. Phần này mô tả cụ thể tiến độ dự kiến thực hiện theo từng năm kế hoạch.

Phần phụ lục. Giới thiệu các tài liệu liên quan kèm theo.

4. Giới thiệu mẫu văn bản báo cáo kinh tế kỹ thuật

Đối với các dự án đầu tư có quy mô nhỏ, người ta thường lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dưới đây giới thiệu một văn bản báo cáo kinh tế kỹ thuật để sinh viên tham khảo vận dụng.

Tên kế hoạch dự án đầu tư: **Xây dựng công trình Nhà tập các môn võ thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.**

Chương 1. Sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, hình thức đầu tư, địa điểm xây dựng.

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Các văn bản liên quan đến chủ trương xây dựng

- Căn cứ Luật Xây dựng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 16/2004/NĐ-CP ngày 7/5/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số: 4650/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Tổng mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1:500 Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng.

1.2. Các văn bản về đầu tư quản lý xây dựng

- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 07/2006/TT-BXD ngày 10/11/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình;

- Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/ 2005/ NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ;

1.3. Các văn bản về xây dựng công trình công cộng

- Căn cứ các tiêu chuẩn TCVN, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành về yêu cầu kỹ thuật cho nhà và công trình công cộng của Bộ Xây dựng.

- Căn cứ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 03:2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị .

- Căn cứ Tiêu chuẩn xây dựng nhà và công trình; nguyên tắc xây dựng cơ bản công trình đảm bảo cho người tàn tật sử dụng 264 - 2002.

- Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

- Căn cứ Tiêu chuẩn XDVN 288: 2004 Công trình thể thao: Bể Bơi - Tiêu chuẩn thiết kế.

2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Giới thiệu chung

2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Thành phố Đà Nẵng nằm ở 15°55' đến 16°14' vĩ Bắc, 107°18' đến 108°20' kinh Đông, Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp Biển Đông. Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên là 1.255,53 km^2; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 213,05 km^2, các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.042,48 km^2.

Thành phố Đà Nẵng ở vào trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cách Thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam. Ngoài ra, Đà Nẵng còn là trung điểm của các di sản văn hoá thế giới nổi tiếng là cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn.

Trong phạm vi khu vực và quốc tế, Đà Nẵng là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng Tiên Sa. Nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế, thành phố Đà Nẵng có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững.

2.2.2. Điều kiện kinh tế - văn hoá - xã hội

GDP tăng 13%/năm thời kỳ 2002 - 2005; tăng 14% /năm thời kỳ 2006 - 2010; tăng 13,5%/năm cả thời kỳ 2001 - 2010. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 2000 USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 21 ÷ 23%/năm giai đoạn 2001 - 2010, đạt 1.720 triệu USD vào năm 2010. Tốc độ phát triển dân số ở dưới mức 1,2% vào năm 2010. Đến năm 2010 giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới mức 10%, số hộ được sử dụng điện 100% và nước sạch là 95%. Hàng năm giải quyết thêm việc làm cho khoảng 2,2 ÷ 2,5

vạn lao động. Cơ cấu kinh tế: đến năm 2010 theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Công nghiệp + xây dựng: 46,7%. Dịch vụ: 50,1%. Thuỷ sản, nông, lâm nghiệp: 3,2%.

Chất lượng giáo dục đào tạo nâng cao, bảo đảm nguồn nhân lực phù hợp với cơ cấu ngành nghề, trình độ phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng của thành phố. Phát triển hệ thống trường dạy nghề, phấn đấu đến năm 2010 tỷ lệ lao động được đào tạo nghề khoảng 45%.

Công nghệ trong những ngành kinh tế chủ lực của thành phố đã và đang đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các cơ sở sản xuất nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Hệ thống cơ sở phòng bệnh và chữa bệnh hợp lý, hiện đại, đồng bộ về nhân lực cũng như cơ sở vật chất được xây dựng và nâng cấp đồng loạt để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá thông tin, xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Hiện đại hóa hệ thống phát thanh truyền hình và đẩy mạnh công tác xã hội hoá thể thao. Tập trung đầu tư phát triển một số môn thể thao mũi nhọn để có những vận động viên đạt thành tích cao ở các giải quốc gia và quốc tế.

2.2. Sự cần thiết đầu tư

Đà Nẵng được xác định là trung tâm kinh tế, văn hóa, thể thao, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn nhất của khu vực miền Trung - Tây nguyên. Thành phố nằm dọc theo vùng duyên hải trung bộ, là một trong các đô thị loại 1 trực thuộc trung ương, là trung tâm giáo dục đào tạo lớn nhất của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và đứng thứ 3 trong cả nước. Thành phố Đà Nẵng có sự phát triển về cơ sở hạ tầng, mật độ dân cư, đời sống văn hóa xã hội ngày càng cao.

Với vị thế là một đô thị lớn, nơi tập trung và cung cấp nguồn vận động viên thể thao dồi dào cho đất nước, việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất cho thể thao nhằm đáp ứng sự phát triển nêu trên là vô cùng cần thiết.

Công trình "Nhà tập các môn võ" được xây dựng tại khuôn viên Trường Đại học Thể dục thể thao nhằm đáp ứng những nhu cầu và định hướng phát triển của Trường cũng như của thành phố Đà Nẵng trong tương lai.

Với những lý do và mục đích chính như trên, việc đầu tư xây dựng công trình *"Nhà tập các môn võ thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng"* phù hợp với nhu cầu thực tiễn và các điều kiện kinh tế, xã hội của thành phố hiện nay.

3. Mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của dự án

3.1. Mục tiêu

Công trình Nhà tập các môn võ được đầu tư xây dựng tại khuôn viên của trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng trên địa bàn quận Thanh Khê với mục tiêu tạo không gian đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học võ cho học sinh của trường.

3.2. Chức năng nhiệm vụ

- Xây dựng mới công trình Nhà tập các môn võ thuộc trường Đại học Thể dục thể thao theo hướng hiện đại, đồng thời đảm bảo môi trường, không gian thể thao tốt nhất.

- Xây dựng Nhà tập các môn võ với các định mức tiêu chuẩn.

- Đầu tư đồng bộ công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất cho chức năng của Nhà tập võ.

Chương 2. Quy mô dự án và hình thức đầu tư

1. Quy mô xây dựng

Công trình thuộc loại dự án đầu tư xây dựng dân dụng.

Cấp công trình: cấp III.

Quy mô xây dựng: 3 tầng.

Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.357 m^2.

Kết cấu: bê tông cốt thép.

2. Quy mô thiết bị

Thiết bị cấp điện.

Thiết bị công trình.

Thu lôi chống sét.

Các thiết bị khác.

3. Hình thức đầu tư

3.1. Phân kỳ đầu tư

Đầu tư xây dựng trong năm 2015.

3.2. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn thu để lại.

Chương 3. Phương án thiết kế xây dựng

1. Giải pháp thiết kế xây dựng công trình

1.1. Giải pháp thiết kế kiến trúc

a. Mặt bằng:

Lối vào sảnh chính công trình được bố trí tại khoảng sân trống thuộc khuôn viên Trường, đảm bảo khả năng tiếp cận công trình là lớn nhất, thuận lợi trong việc đảm bảo giao thông.

Các phòng chức năng được bố trí hai đầu khối công trình, đảm bảo dây chuyền khép kín, mang tính thống nhất cao, phù hợp với công năng và đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Cầu thang bố trí ngay lối vào chính và là nơi dễ tiếp cận của công trình.

Quy mô diện tích các phòng chức năng

Hạng mục	Nội dung	Số lượng	Diện tích (m^2)
Tầng 1			**758**
	Phòng tập thể hình	01	221
	Căn tin	01	221
	Kho hàng	02	56
	Kho kỹ thuật	02	12
	Khu vệ sinh	02	38
	Giao thông, cầu thang…	01	210
Tầng 2			**783**
	Phòng tập võ	01	549
	Phòng quản lý	01	10
	Phòng y tế	01	10
	Phòng học lý thuyết	01	37
	Kho	01	13
	Khu vệ sinh	01	23
	Giao thông, cầu thang…	01	141

Tầng 3			**783**
	Phòng tập võ	01	549
	Phòng quản lý	01	10
	Phòng y tế	01	0
	Phòng học lý thuyết	01	37
	Kho	01	13
	Khu vệ sinh	01	23
	Giao thông, cầu thang...	01	141
Tầng áp mái			**33**
	Kho	01	6
	Giao thông, cầu thang...	01	27

b. Tổ chức mặt đứng công trình

Bố cục hình khối công trình chủ yếu dọc theo trục giao thông chính, bố trí được công năng hợp lý.

Mặt đứng công trình được thiết kế theo hình thức hiện đại, thống nhất với mặt bằng, tạo ra một tổng thể công trình chung thống nhất với nhau. Bên cạnh đó chi tiết mặt đứng như vật liệu màu sắc tạo sự hài hoà sinh động mang tính hiện đại cho công trình.

c. Các vật liệu hoàn thiện chính sử dụng cho công trình

Bên ngoài nhà:

+ Tường: sơn nước, ốp gạch trang trí.

+ Cửa: kính cường lực, khung nhựa lõi thép, panô nhựa.

+ Kèo thép, mái lợp tôn.

Bên trong nhà:

+ Sảnh, các phòng chức năng: lát gạch ceramic 300x300; 400x400.

+ Khu tắm, thay đồ, vệ sinh: lát gạch ceramic chống trượt 300x300.

+ Bậc cấp: ốp đá granite khò.

+ Tường: sơn nước.

+ Trần: sơn nước.

2.2. Giải pháp thiết kế kết cấu:

a. Các căn cứ, tiêu chuẩn, quy phạm và vật liệu xây dựng

	Loại tiêu chuẩn	**Phạm vi áp dụng**
Tiêu chuẩn thiết kế	-TCVN 2737 - 1995	- Tính toán tải trọng gió
	-TCVN 5574 - 2012	- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
	-TCVN 5575 - 2012	- Thiết kế kết cấu thép
	-TCVN9362 - 2012	- Tiêu chuẩn xây dựng nền và công trình
	-TCVN 9345 - 2012	- Hướng dẫn phòng chống nứt dưới tác dụng của khí hậu nóng ẩm

*** Vật liệu sử dụng:**

Bê tông:

TT	Cấu kiện	Cấp độ bền B
1	Móng	B22,5
2	Cột, dầm, sàn, cầu thang	B22,5
3	Lanh tô, bổ trụ	15

TT	Cấp độ bền bêtông	Rb (Mpa)	Rbt (Mpa)
1	B15	7.5	0.75
2	B22,5	13.0	0.975

Cốt thép:

Thép AI: cường độ chịu kéo Rs = 225MPa (Thép D<10); Thép AII: cường độ chịu kéo Rs = 280MPa (Thép 10 <=D <12); Thép AIII: cường độ chịu kéo Rs = 365MPa (Thép D ≥14).

Tường xây: Sử dụng gạch xây bê tông Block M75.

b. Giải pháp thiết kế kết cấu

- Giải pháp móng: Căn cứ vào hiện trạng khu đất và quy mô công trình, báo cáo khảo sát địa chất công trình, chọn giải pháp móng cho công trình là móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên.

- Giải pháp kết cấu thân nhà: Hệ thống kết cấu thích hợp với mặt bằng bố trí là hệ khung bêtông cốt thép không gian theo hai phương với hệ dầm chính, dầm phụ cùng hệ sàn tạo thành một không gian chịu lực.

- Giải pháp mái: Mái đổ bêtông cốt thép kết hợp với khung kèo thép hình lợp tôn chống nóng tại vị trí nhịp lớn, đồng thời tạo thẩm mỹ về kiến trúc.

2.3. Giải pháp thiết kế điện

a. Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế

Công trình được thiết kế cấp điện dựa theo các tiêu chuẩn sau:

- TCXD 25:1991 "Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế"

- TCXD 27:1991: "Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng- Tiêu chuẩn thiết kế"

- TCXD 16:1986: "Chiếu sáng nhân tạo trong trong công trình dân dụng"

- TCVN 4756-89: "Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện".

- Tiêu chuẩn IEC 364 về "Lắp đặt điện trong các công trình xây dựng" của Hội đồng kỹ thuật điện quốc tế.

- TCXD 46:1984:"Chống sét cho các công trình xây dựng - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công".

b. Thuyết minh

** Chiếu sáng:*

- Công trình sử dụng bóng huỳnh quang chiếu sáng chung trong các phòng làm việc, hành lang, sảnh...

- Độ rọi tối thiểu trong các phòng theo tiêu chuẩn xây dựng 16- 86 "Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng" là 200Lx trên mặt phẳng làm việc.

** Động lực:*

Từ tủ điện hạ thế, đường dây hạ thế được đi ngầm đến tủ điện tổng đặt tại tầng 1. Từ tủ điện tổng, nguồn được cấp về các tủ điện tầng là mạng 3 pha 5 dây.

Từ tủ điện tầng, nguồn được cấp về các tủ điện phòng là nguồn 1,3 pha, mỗi phòng được bảo vệ bằng 1 MCB tại tủ điện tầng. Tại các tủ điện phòng, nguồn được chia ra 2 đường cấp cho đèn và các thiết bị động lực.

- Trong các phòng sử dụng quạt trần và trang bị ổ cắm để sử dụng khi cần thiết. Tất cả các ổ cắm sử dụng loại âm tường.

- Các tủ điện tổng, tủ điện tầng, tủ điện phòng sử dụng tủ âm tường có nắp che, gắn cách sàn 1,7m.

- Hệ thống điện phải đảm bảo an toàn, độ tin cậy cung cấp điện cao. Cáp dùng cho chiếu sáng, động lực trong và ngoài công trình đều đi ngầm. Dây điện đến các đèn, quạt dùng dây lõi đồng nhiều sợi bọc PVC (1x1,5mm2), đến các ổ cắm dùng dây bọc PVC (1x2,0mm^2). Tất cả đều phải

được luồn trong ống nhựa ruột gà trước khi đi âm trong tường, trần.

** Chống sét:*

- Công trình được bảo vệ chống sét đánh trực tiếp bằng kim thu sét phóng tia tiên đạo sớm (kim thu sét tích cực) EC SAT-1000 với bán kính bảo vệ Rp=85m. Kim được lắp đặt trên trụ thép cao 5 mét so với mái nhà. Dây thoát sét được dẫn xuống hệ thống tiếp địa chống sét bằng cáp đồng trần 70mm² luồn trong ống PVC Φ60. Dây thoát sét nối với hệ thống tiếp địa chống sét thông qua hộp kiểm tra điện trở nối đất gắn cách mặt đất 1,6m.

- Hệ thống điện trở nối đất được tạo bởi 10 cọc nối đất Φ16, chiều dài 4,8m đóng vuông góc với mặt đất, sâu 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng cáp đồng trần 70mm², liên kết bằng mối hàn hóa nhiệt. Điện trở xung kích của hệ thống nối đất sau khi thi công phải đạt dưới 4 Ω.

2.4. Cấp thoát nước trong nhà

a. Các cơ sở để lập thuyết minh tính toán

+ Cơ sở kỹ thuật

- Bản vẽ kiến trúc sơ bộ trụ sở.

- Đã có đường cấp nước và thoát nước bên ngoài nhà

+ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn XDVN sử dụng trong thiết kế

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế

b. Giải pháp cấp nước

Nguồn nước lấy từ ống nước cấp ngoài nhà được dự trữ trong bể ngầm, bơm lên các két nước trên mái của khối nhà để cấp vào mạng lưới bên trong công trình.

Hệ thống tuyến ống cấp nước

Sơ đồ cấp nước từ két nước trên mái xuống.

Sử dụng ống nhựa PVC cấp nước lạnh, đối với ống chịu áp lực cao như ống bơm nước lên két và ống phục vụ cứu hoả: sử dụng ống thép tráng kẽm.

Bể nước trên mái

Bể nước trên mái gần trục kỹ thuật phục vụ cho khu vệ sinh, sử dụng bồn inox 2.000 lít.

c. Giải pháp thoát nước

+ ***Nước thải xí tiểu:*** Toàn bộ nước thải xí tiểu được thu gom về bể tự hoại xử lý sơ bộ rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung toàn khu.

Toàn bộ các tuyến ống thoát xí có đường kính Φ100mm, thoát tiểu có đường kính Φ50mm. Góc nối giữa các ống nhánh và ống đứng 45°

+ ***Nước thải rửa:*** Toàn bộ nước thải rửa được thải trực tiếp ra rãnh ngầm, mương thoát nước ngoài nhà.

Các tuyến ống nhánh thu nước thải sơ bộ chọn theo cấu tạo: Φ50mm; i = 0,03. Tuyến ống đứng chọn đường kính bằng nhau từ trên xuống dưới. Chọn ống có đường kính Φ80mm cho cả rửa sàn thoát nhanh. Góc nối giữa các ống nhánh và ống đứng 45°

+ ***Nước mưa:*** Nước mưa trên mái theo các ống đứng xuống sân chảy ra rãnh ngầm xung quanh nhà rồi ra mương thoát nước chung ngoài nhà.

+ ***Hầm tự hoại:*** Cấu tạo thân xây gạch, nắp bê tông cốt thép. Số lượng: 02.

Chương 4: Tác động môi trường, các giải pháp phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng

1. Tác động của dự án đến môi trường

Công trình được xây dựng tại khu đất có vị trí tầm nhìn lớn, kiến trúc công trình là bước đột phá để xây dựng một tổ hợp các công trình nhà tập với quy mô hiện đại làm thay đổi cảnh quan môi trường trong khuôn viên Trường nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung. Không có chất thải, độc hại ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trong khu vực. Công trình có hệ thống thu gom rác thải để chuyển đến trạm xử lý rác tập trung của thành phố. Hệ thống nước thải được tập trung xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

2. Giải pháp thiết kế hệ thống phòng chống cháy nổ

- Bao gồm cấp nước chữa cháy và báo cháy tại một số phòng.

- Tất cả các phòng đều phải có cửa thông trực tiếp với hành lang cầu thang. Khoảng cách xa nhất cách cầu thang và cửa thoát hiểm không quá 25m (theo quy phạm phòng cháy chữa cháy khoảng cách từ 15 - 25m).

- Lối vào các cầu thang đều phải đảm bảo an toàn cho việc thoát người.

- Tại các vị trí quan trọng đều có hệ thống đèn chiếu sáng sự cố sạc Accu.

- Ngoài các họng nước cứu hỏa với hộp lăng phun chữa cháy bố trí ở những nơi thuận tiện của mỗi tầng, các tầng còn có trang bị một số bình khí CO_2 hoặc bình bột MF_8 theo quy định phòng cháy chữa cháy.

Hệ thống chữa cháy bằng nước:

- Với đặc điểm của công trình, lượng nước chữa cháy được tính như sau:

+ Lưu lượng nước ngoài nhà cần thiết tính cho một đám cháy là 5 (l/s).

+ Lưu lượng nước trong nhà tính cho mỗi họng nước chữa cháy là 2,5 (l/s).

- Các họng nước chữa cháy trong nhà bố trí cạnh các lối ra vào, hành lang hoặc gần các chiếu nghỉ cầu thang. Tâm

của họng nước chữa cháy đặt ở độ cao 1,25m so với mặt sàn hoàn thiện.

- Trạm bơm cứu hỏa: phải có 2 máy bơm, 1 máy bơm chạy bằng điện và một máy bơm dự phòng chạy bằng xăng.

- Các yêu cầu về máy bơm được tính toán như sau :

+ Một máy bơm chạy bằng điện.

+ Một máy bơm chạy bằng xăng.

- Ngoài ra, vị trí công trình giáp 2 mặt đường lớn và hệ thống đường nội bộ bên trong công trình cũng thuận tiện cho xe cứu hỏa tiếp cận sát chân công trình.

- Thiết kế theo Tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy chữa cháy.

- Các phòng kỹ thuật, phòng họp, phòng làm việc có diện tích lớn tập trung đông người phải có hệ thống báo cháy, báo khói tự động.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy được lấy từ bể nước ngầm đảm bảo sử dụng chữa cháy cục bộ thời gian khoảng 30 phút đủ để lực lượng công an chữa cháy đến tiếp cứu.

- Ống cấp nước chữa cháy trong nhà được nối với ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà và được đấu theo sơ đồ mạch vòng.

- Áp lực cột nước đặt dài 6m cho họng chữa cháy, tại điểm cao nhất và xa nhất trong phòng.

- Mỗi họng chữa cháy trong nhà có đặt van khoá, lăng phun nước và cuộn vòi mềm, theo tính toán là 20m, tất cả đều được đặt trong hộp chữa cháy.

- Trong mỗi nhà, đường kính ống, chiều dài cuộn vòi mềm, đường kính lăng phun sử dụng cùng loại.

3. Yêu cầu về đảm bảo an ninh quốc phòng

Khuôn viên quy hoạch của công trình được bao bọc bởi hệ thống đường giao thông nội bộ trong Trường nên đảm bảo việc an toàn và vệ sinh. Công trình được bố trí thuận tiện cho việc tuần tra canh gác ban đêm nên đảm bảo được việc duy trì và giữ gìn an ninh.

Chương 5: kinh phí đầu tư xây dựng

1. Cơ sở tính toán

- Khối lượng tính toán do Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng lập;

- Các công trình tương đương đã được thiết kế;

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình;

- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Quyết định số 957/QD-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về Định mức chi phí quản lý Dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ đơn giá khái toán xây dựng các công trình hiện nay.

2. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư: **13.299.261.000** đồng.

Bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng.

Chương 6. Thực hiện kế hoạch

1. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện trong năm 2015 - 2016 và đưa công trình vào sử dụng trong năm 2016.

2. Biện pháp thi công

Thi công bằng thủ công kết hợp với cơ giới nhỏ.

3. Phân công trách nhiệm

Chủ đầu tư: Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

Cơ quan tư vấn thiết kế: Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng.

Tóm tắt chương 12

1. Kế hoạch dự án là loại tài liệu có tính pháp lệnh cho mỗi một dự án, đó là một hệ thống các văn bản quy định một cách cụ thể, chi tiết các mục tiêu cần đạt được của dự án, những sản phẩm mà dự án tạo ra, những hoạt động và nhiệm vụ cần tiến hành để đạt được các mục tiêu đó, những nguồn lực cụ thể cần huy động, cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực cũng như thời điểm cụ thể để thực hiện các hoạt động có liên quan đến dự án nhằm đáp ứng đầy đủ ở mức cao các ràng buộc đối với dự án.

2. Một kế hoạch dự án được lập phải đáp ứng các yêu cầu: (1) Phải có tính bao quát và dễ hiểu. (2) Đảm bảo tính logic nội tại, nhất là tính logic giữa mục tiêu và công cụ thực hiện các mục tiêu đó. (3) Phải có thể kiểm soát được (4) Phải hiện thực và có thể chấp nhận được, điều này được hiểu là các mục tiêu lẫn công cụ, phương tiện và nguồn lực nằm trong khuôn khổ có thể chấp nhận được. (5) Phải trung thực, phản ánh đúng thực trạng về nhu cầu, nguyện vọng cũng như những hoàn cảnh của các bên liên quan tới dự án.

3. Nội dung lập kế hoạch dự án đầu tư bao gồm: xây dựng kế hoạch hoạt động triển khai mục tiêu của dự án;

xây dựng kế hoạch tiến độ cho dự án; xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực; xây dựng kế hoạch tài chính.

4. Để xây dựng kế hoạch hoạt động triển khai các mục tiêu của dự án, cần phải chi tiết hóa các hoạt động thực hiện mục tiêu của dự án và lập kế hoạch phối hợp với các bên liên quan đến dự án.

5. Việc xây dựng kế hoạch tiến độ dự án phải đảm bảo những yêu cầu như nhà quản trị dự án phải hiểu và nắm được kế hoạch tiến độ; tài liệu kế hoạch phải cho phép xác định và nhìn nhận được một cách rõ ràng những công việc; kế hoạch phải đủ cụ thể để tạo cơ sở cho điều hành, kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các nguồn lực của dự án; kế hoạch tiến độ phải gắn kết với các bộ phận kế hoạch khác của dự án cũng như toàn bộ việc tổ chức để có thể chia sẻ các nguồn lực và sử dụng chúng một cách có hiệu quả cho toàn bộ tổ chức.

6. Kế hoạch phân bổ các nguồn lực cho dự án bao gồm việc phân chia mọi nguồn lực vật chất, tài chính, nhân lực cho các hoạt động triển khai, thực hiện dự án. Kế hoạch phân phối các nguồn lực thường được xây dựng nhiều vòng tuân theo những nguyên tắc cơ bản, có điều chỉnh, có tính quan hệ qua lại giữa việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch dự án.

7. Xây dựng kế hoạch tài chính cho dự án (lập ngân sách cho dự án), là một hoạt động quan trọng trong quản trị dự án. Ngân sách cho dự án phản ánh toàn bộ các hoạt động

của dự án, gắn liền với ngân sách của tổ chức và có cấu trúc phù hợp với cấu trúc của tổ chức. Ngân sách của mỗi dự án thường được chia làm các loại ngân sách dài hạn, ngân sách trung hạn và ngân sách ngắn hạn (dùng cho hoạt động tác nghiệp).

8. Ngân sách dài hạn là tổng ngân sách dùng cho dự án, có thể được chia thành các khoản mục cho các chức năng riêng rẽ hoặc các bộ phận chủ yếu của dự án. Ngân sách trung hạn thường là ngân sách được thiết lập và thực hiện trong khoảng thời gian một năm, được gắn trực tiếp với các nhiệm vụ hoặc hạng mục cần hoàn thành hay thực hiện của dự án. Ngân sách ngắn hạn thường tập trung theo từng nhiệm vụ, từng công việc, theo từng hoạt động hoặc một hạng mục của dự án mà thời gian thực hiện nó dưới 1 năm.

9. Có thể có các hình thức trình bày khác nhau của một dự án đầu tư tùy theo mục đích, yêu cầu. Tuy nhiên về kết cấu chung một dự án thường có các phần: mở đầu; sự cần thiết của việc lập dự án; cơ sở pháp lý và mục tiêu dự án, kế hoạch thực hiện dự án; nội dung thực hiện dự án; kinh tế trong thực hiện dự án; kinh phí thực hiện...

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu khái niệm dự án đầu tư? Cho biết sự khác nhau giữa dự án đầu tư và kế hoạch phát triển?

2. Có những yêu cầu gì đối với việc lập kế hoạch cho một dự án đầu tư trong thể dục thể thao?

3. Một dự án đầu tư cần phải thực hiện những nội dung gì?

4. Vì sao cần phải xây dựng kế hoạch tài chính cho dự án đầu tư?

5. Vận dụng xây dựng một kế hoạch dự án đầu tư cho một hoạt động cụ thể?

Tài liệu tham khảo

1. Dương Nghiệp Chí (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

2. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Văn Phúc (2008), *Quản lý dự án cơ sở lý thuyết và thực hành,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng (2005), *Văn bản dự án đầu tư mở rộng (xây dựng cơ sở 2) trường Đại học Thể dục thể thao.*

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng (2012), *Văn bản Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà tập các môn võ thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.*

6. J.D Frame (1995), *Managing project in organization.* San Francisco.

7. Kim Heldman (2002), *Project Management Profes - sional. Study Guideline.* Sybex. San Francisco/ London.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới.*

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Công văn số 233/VX-BKH&ĐT về hướng dẫn lập kế hoạch cho các cấp địa phương và ngành.*

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *244 tình huống giải đáp những vấn đề cốt yếu trong công tác quản lý – đào tạo – phát triển ngành thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Lao động.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.*

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 02/2009/TT-BVHTTDL ngày 17/3/2009 Hướng dẫn việc tổ chức và đánh giá phong trào thể dục thể thao tại địa phương.*

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 Quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.*

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa Thể thao xã.*

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa – khu thể thao thôn.*

9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2011 Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.*

10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Chỉ thị 48/CT-BVHTTDL ngày 05/4/2011 về việc triển khai thực hiện "Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020"*

11. Diana Conyers, Peter Hills, *Giới thiệu về kế hoạch phát triển trong thế giới thứ ba,* trường Đại học Nottingham và Đại học Hồng Công.

12. Dương Nghiệp Chí (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

13. Ngô Thắng Lợi, Vũ Cương (2007), *Đổi mới công tác kế hoạch hóa trong tiến trình hội nhập,* Nhà xuất bản Đại học Lao động xã hội.

14. Ngô Thắng Lợi (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

15. Nguyễn Toán (2007), *Khái luận về thể dục thể thao,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.

16. Ngô Doãn Vịnh (2007), *Chiến lược phát triển,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

17. Nhiều tác giả (2002), *Từ điển Bách khoa Việt Nam,* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng (2005), *Văn bản dự án đầu tư mở rộng (xây dựng cơ sở 2) trường Đại học Thể dục thể thao.*

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng (2012), *Văn bản Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà tập các môn võ thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.*

20. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2011), *Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.*

21. J.D Frame (1995), *Managing project in organization.* San Francisco.

22. Kim Heldman (2002), *Project Management Professional.* Study Guideline. Sybex. San Francisco/ London.

23. Jean Camy, Leigh Robinson, *Managing Olympic Sport Organisations, Olympic solidarity,* Human Kinetics.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Chương 7. Xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao 5

1. Ý nghĩa và mục đích việc xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao 5

1.1.Ý nghĩa việc xây dựng chiến lược 6

1.2. Mục đích việc xây dựng chiến lược 7

2. Nội dung và quy trình xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao 9

2.1. Nội dung chiến lược phát triển thể dục thể thao 9

2.2. Quy trình xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao quốc gia 12

3. Soạn thảo đề cương chiến lược phát triển thể dục thể thao 14

4. Giới thiệu nội dung Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020. 19

Chương 8. Xây dựng quy hoạch phát triển thể dục thể thao 64

1. Khái quát nội dung, cơ sở pháp lý và trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao 65

1.1. Nội dung quy hoạch phát triển thể dục thể thao 65

1.2. Căn cứ lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao 69

1.3. Trình tự lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao 71

2. Hướng dẫn cách thức lập đề cương quy hoạch phát triển 73

2.1. Lập đề cương quy hoạch phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch 73

2.2. Lập đề cương quy hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương 79

3. Trình bày báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển thể dục thể thao 108

Chương 9. Xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao ở địa phương 132

1. Tổng quan kế hoạch phát triển thể dục thể thao 132

1.1. Khái niệm 132

1.2. Hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển thể dục thể thao 134

2. Kế hoạch trung hạn 135

2.1. Khái niệm 135

2.2. Ý nghĩa và cơ sở để xây dựng kế hoạch thể dục thể thao 5 năm ở địa phương 137

2.3. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao 5 năm 141

3. Lập kế hoạch thể dục thể thao hàng năm 168

3.1. Ý nghĩa của kế hoạch hàng năm 170

3.2. Căn cứ lập kế hoạch hàng năm 171

3.3. Quy trình lập kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm 173

Chương 10. Xây dựng chương trình mục tiêu về thể dục thể thao 184

1. Khái quát về chương trình mục tiêu 184

1.1. Khái niệm, tiêu chuẩn và nội dung chương trình mục tiêu 185

1.2. Quy trình xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu 187

1.3. Cơ chế tài chính và phân cấp quản lý đối với chương trình mục tiêu 189

2. Giới thiệu nội dung chủ yếu của chương trình Đề án tổng thể phát triển phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 201

Chương 11. Lập kế hoạch dự án đầu tư trong lĩnh vực thể dục thể thao 221

1. Yêu cầu đối với công tác lập kế hoạch dự án đầu tư trong thể dục thể thao 222

2. Nội dung và cách thức lập kế hoạch dự án đầu tư 225

2.1. Lập kế hoạch về các hoạt động triển khai mục tiêu của dự án 225

2.2. Lập kế hoạch tiến độ cho dự án đầu tư 229

2.3. Xây dựng kế hoạch phân phối các nguồn lực cho dự án 234

2.4. Xây dựng kế hoạch tài chính cho dự án đầu tư 239

3. Giới thiệu mẫu kết cấu văn bản kế hoạch một dự án đầu tư 247

4. Giới thiệu mẫu văn bản báo cáo kinh tế kỹ thuật 254

Danh mục các tài liệu tham khảo 279

GIÁO TRÌNH KẾ HOẠCH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO

Tập 2

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

7. Trịnh Hoài Đức – Hà Nội

ĐT: 04.38456155 – 04.38437013; Fax: 04.38456867

Email: nxbtdtt@vnn.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

48 Nguyễn Đình Chiểu Q.1, ĐT: 08.38298378

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: **TS. Nguyễn Ngọc Kim Anh**

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Tổng biên tập: **Vũ Thanh Việt**

Biên tập : Nguyễn Quý Bình

Trình bày : Nguyễn Thu Hương

Trình bày bìa : Đặng Quang Vinh

ISBN: 978-604-85-0563-9

Số XNĐKXB: 3060 - 2016/CXBIPH/2 - 1055/TDTT

QĐXB số 1094/QĐ – NXBTDTT, ngày 16 tháng 9 năm 2016.

In 500 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại: Nhà in KHCN

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2016.

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

Điện thoại: 04. 3 7332939 - 04. 3 8437013 - Fax: 04. 3 8456867

Email: nxbtdtt@vnn.vn

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu. Q.I

TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08. 38298378

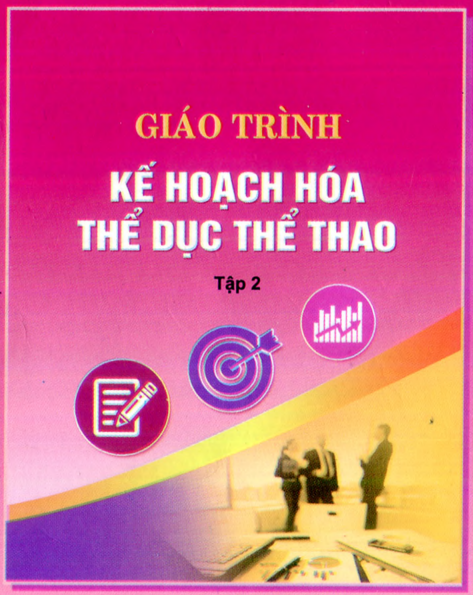

ISBN: 978-604-85-0563-9

SÁCH ĐẶT HÀNG